

CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN TDT

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2025



MỤC LỤC

Chương 1: Mở đầu

- 06 Danh mục viết tắt
- 08 Thông điệp chủ tịch Hội đồng quản trị
- 10 Một số chỉ tiêu chính
- 11 Tầm nhìn - Sứ mệnh - Giá trị cốt lõi

Chương 2: Thông tin chung

- 14 Thông tin khái quát
- 18 Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- 20 Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
- 34 Vị thế doanh nghiệp
- 37 Định hướng phát triển
- 38 Các rủi ro

Chương 3: Tình hình hoạt động trong năm

- 42 Tình hình sản xuất kinh doanh
- 46 Tổ chức và nhân sự
- 50 Tình hình đầu tư và thực hiện dự án
- 50 Tình hình tài chính
- 52 Cơ cấu cổ đông và thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu

Chương 4: Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

- 58 Đánh giá tổng quan kết quả sản xuất kinh doanh
- 59 Tình hình tài chính
- 61 Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
- 61 Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán
- 62 Các kế hoạch phát triển trong tương lai
- 62 Báo cáo liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

Chương 5: Đánh giá của HĐQT về hoạt động của công ty

- 66 Đánh giá của Hội đồng quản trị về mọi mặt của Công ty
- 67 Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc
- 67 Kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Chương 6: Quản trị công ty

- 70 Hội đồng quản trị
- 73 Ban kiểm soát
- 74 Giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BKS, BTGD
- 76 Tăng cường quản trị công ty

Chương 7: Phát triển bền vững

- 80 Mục tiêu của phát triển bền vững
- 82 Các chỉ tiêu phát triển bền vững
- 84 Chính sách liên quan đến người lao động
- 86 Báo cáo liên quan đến trách nhiệm với cộng đồng địa phương
- 87 Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường
- 87 Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh

Chương 8: Báo cáo tài chính

- 90 Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán

CHƯƠNG

01



MỞ ĐẦU

- 06 Danh mục viết tắt
- 08 Thông điệp Chủ tịch Hội đồng quản trị
- 10 Một số chỉ tiêu chính
- 11 Tầm nhìn - Sứ mệnh - Giá trị cốt lõi

DANH MỤC VIẾT TẮT

Từ viết tắt	Diễn giải
TDT/Công ty	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển TDT
CPI (Consumer Price Index)	Chỉ số giá tiêu dùng
GDP (Gross Domestic Product)	Tổng sản phẩm quốc nội
CMT (Cut – Make – Trim)	Là một phương pháp sản xuất phổ biến, khi đó các xưởng may chỉ thực hiện gia công sản phẩm theo nguyên liệu và thiết kế mà khách hàng cung cấp
FOB (Free On Board)	Là phương thức sản xuất mà các doanh nghiệp sẽ mua nguyên liệu, tiến hành sản xuất, sau đó xuất khẩu
HĐQT	Hội đồng quản trị
CTCP	Công ty cổ phần
CT TNHH	Công ty Trách nhiệm hữu hạn
TGĐ	Tổng Giám đốc
BKS	Ban kiểm soát
CP	Cổ phần
OBM (Original Brand Manufacturer)	Là phương pháp sản xuất mà doanh nghiệp tự thiết kế, sản xuất và phát triển sản phẩm dưới thương hiệu riêng
ODM (Original Design Manufacturer)	Doanh nghiệp thực hiện thiết kế và sản xuất sản phẩm theo yêu cầu của khách hàng
CPTPP	Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ Xuyên Thái Bình Dương

Từ viết tắt	Diễn giải
BHXH	Bảo hiểm xã hội
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
TTS	Tổng tài sản
HĐKD	Hoạt động kinh doanh
DTT	Doanh thu thuần
HNX	Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
CMND	Chứng minh nhân dân
ĐKKD	Đăng ký kinh doanh
VĐL	Vốn điều lệ
CBCNV	Cán bộ công nhân viên
TH	Thực hiện
KH	Kế hoạch
Vv	Về việc
TV	Thành viên
BTGD	Ban Tổng Giám đốc
CĐ	Cổ đông
EVFTA	Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - EU

THÔNG DIỆP

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Kính gửi Quý cổ đông, Quý đối tác, Quý khách hàng cùng toàn thể người lao động Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển TDT!

Thay mặt Hội đồng quản trị, tôi xin gửi tới Quý vị lời chào trân trọng, lời cảm ơn sâu sắc và sự tri ân chân thành vì đã luôn tin tưởng, đồng hành cùng Công ty trong suốt thời gian qua. Sự ủng hộ của Quý cổ đông, sự hợp tác của Quý đối tác, sự tín nhiệm của khách hàng và sự nỗ lực bền bỉ của toàn thể người lao động chính là nền tảng quan trọng để Công ty vượt qua thách thức, duy trì ổn định hoạt động và từng bước nâng cao vị thế trên thị trường.

Năm 2025, kinh tế thế giới tiếp tục vận động trong bối cảnh còn nhiều bất định, khi tăng trưởng toàn cầu duy trì ở mức vừa phải, chịu tác động từ căng thẳng thương mại, biến động địa chính trị, sự dịch chuyển chuỗi cung ứng và điều kiện tài chính quốc tế còn thận trọng. Mặt bằng lãi suất quốc tế tuy có xu hướng hạ nhiệt ở một số nền kinh tế lớn nhưng vẫn ở mức tương đối cao, trong khi tỷ giá và chi phí logistics tiếp tục biến động, tạo áp lực đáng kể lên hoạt động thương mại toàn cầu. Những yếu tố này tác động trực tiếp đến ngành dệt may khi nhu cầu tiêu dùng tại các thị trường xuất khẩu lớn phục hồi chưa đồng đều, cạnh tranh giá gia tăng và yêu cầu về tốc độ giao hàng, truy xuất nguồn gốc, tiêu chuẩn xanh ngày càng khắt khe hơn.

Trong nước, nền kinh tế Việt Nam ghi nhận kết quả tích cực với tốc độ tăng trưởng GDP năm 2025 đạt 8,02%, thuộc nhóm mức tăng cao trong giai đoạn gần đây. Lạm phát được kiểm soát khi CPI bình quân năm 2025 tăng 3,31%, góp phần

duy trì ổn định kinh tế vĩ mô và hỗ trợ môi trường sản xuất kinh doanh. Hoạt động xuất khẩu tiếp tục là điểm sáng khi tăng trưởng 17% so với năm 2024, trong khi tiêu dùng và đầu tư từng bước cải thiện, tạo thêm dư địa cho doanh nghiệp mở rộng sản xuất và nâng cao hiệu quả hoạt động.

Tổng giá trị xuất khẩu của ngành dệt may năm 2025 tăng 7,0% so với năm 2024, trong bối cảnh chính sách thuế quan của Hoa Kỳ đối với hàng hóa nhập khẩu tiếp tục tạo ra nhiều biến động trên thị trường thương mại quốc tế. Cụ thể, từ tháng 3/2025, Hoa Kỳ áp dụng mức thuế đối ứng bổ sung 30% đối với hàng hóa nhập khẩu từ Trung Quốc, qua đó thúc đẩy nhiều doanh nghiệp Hoa Kỳ chuyển hướng tìm kiếm và mở rộng nguồn cung từ các quốc gia có mức thuế thấp hơn, trong đó có Việt Nam. Diễn biến này đã tạo thêm cơ hội để ngành dệt may Việt Nam gia tăng đơn hàng và mở rộng thị phần xuất khẩu. Tuy nhiên, bối cảnh trên cũng đặt ra không ít thách thức đối với các doanh nghiệp xuất khẩu tại Việt Nam, khi chi phí hàng hóa có xu hướng gia tăng, đồng thời yêu cầu về xuất xứ hàng hóa ngày càng chặt chẽ hơn.

Trong bối cảnh đó, TDT đã chủ động triển khai nhiều giải pháp nhằm duy trì ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh, tập trung giữ mối quan hệ các đối tác CMT hiện hữu, đồng thời tích cực đàm phán và mở rộng hợp tác với các đối tác CMT mới. Bên cạnh đó, Công ty cũng từng bước gia tăng tỷ trọng và mở rộng thị phần đối với các đơn hàng FOB nhằm nâng cao giá trị gia tăng trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Trong năm 2025, doanh thu thuần của Công ty đạt 628,22 tỷ đồng, trong đó doanh thu đến từ đơn hàng CMT đạt 459,70 tỷ đồng (chiếm 73,18%) và doanh thu đến

từ các đơn hàng FOB đạt 168,52 tỷ đồng (chiếm 26,82%), cả hai mảng đều ghi nhận tăng trưởng so với năm 2024. So với năm trước, doanh thu thuần tăng 11,56%; lợi nhuận gộp đạt 154,94 tỷ đồng; lợi nhuận sau thuế đạt 17,17 tỷ đồng. Nhằm đáp ứng về số lượng đơn hàng và chất lượng đơn hàng ngày càng yêu cầu cao từ các đối tác, trong năm Công ty cũng đã thực hiện chủ trương đầu tư dự án mở rộng Chi nhánh may TDT Đại Từ, hiện Công ty đang thực hiện thủ tục xin chấp thuận chủ trương đầu tư dự án theo quy định. Đồng thời chủ động khảo sát, trao đổi ban đầu với các hộ dân khu vực dự án.

Hội đồng quản trị xác định TDT sẽ tiếp tục phát triển theo hướng tăng trưởng nhanh, bền vững, minh bạch và nâng cao năng lực cạnh tranh trong ngành dệt may. Trong giai đoạn tới, Công ty tập trung vào lĩnh vực cốt lõi là sản xuất hàng may mặc xuất khẩu, đồng thời đẩy mạnh đầu tư máy móc, công nghệ, mở rộng hệ thống nhà máy vệ tinh, áp dụng quản lý sản xuất tinh gọn, nâng cao năng lực thiết kế, phát triển mẫu, tìm nguồn nguyên phụ liệu và gia tăng tỷ trọng đơn hàng FOB. Cùng với đó, TDT tiếp tục mở rộng khách hàng tại các thị trường trọng điểm nhằm gia tăng tính chủ động, nâng cao hiệu quả hoạt động và tạo thêm giá trị gia tăng. Trước những biến động của kinh tế toàn cầu, chính sách thương mại, áp lực cạnh tranh, tỷ giá, chi phí đầu vào và các yêu cầu ngày càng cao về chất lượng, môi trường, trách nhiệm xã hội và truy xuất nguồn gốc, Công ty sẽ tiếp tục củng cố năng lực quản trị, tăng cường quản trị rủi ro, sử dụng hiệu quả nguồn lực và đầu tư phù hợp cho công nghệ, con người và hệ thống quản lý. Hội đồng quản trị sẽ giữ vai trò định hướng, giám sát và đồng hành cùng Ban điều hành trong quá trình triển khai chiến lược, hướng tới thực hiện hiệu quả các mục tiêu phát triển đã đề ra.

Bước sang năm 2026, chúng tôi tin tưởng rằng với nền tảng đã được xây dựng, cùng sự đồng hành của Quý cổ đông, Quý đối tác, Quý khách hàng và tinh thần nỗ lực của toàn thể người lao động, Công ty sẽ tiếp tục vững vàng vượt qua thách thức, nắm bắt cơ hội và phát triển bền vững hơn nữa. Thay mặt Hội đồng quản trị, tôi xin trân trọng cảm ơn sự tin tưởng, hợp tác và đồng hành quý báu của Quý vị, đồng thời mong tiếp tục nhận được sự ủng hộ trong chặng đường phát triển sắp tới. Kính chúc Quý vị sức khỏe, thành công và hợp tác bền vững.

**Thay mặt Hội đồng quản trị
Chủ tịch**

Chu Thuyên



MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHÍNH

Chỉ tiêu	Đơn vị	2022	2023	2024	2025	2025/2024 (%)
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	404,63	486,98	563,13	628,22	11,56%
Giá vốn hàng bán	Tỷ đồng	302,97	373,42	429,52	473,28	10,19%
Lợi nhuận gộp	Tỷ đồng	101,66	113,56	133,61	154,94	15,96%
Chi phí bán hàng & quản lý doanh nghiệp	Tỷ đồng	73,14	76,08	92,25	110,83	20,14%
Lợi nhuận thuần từ Hoạt động kinh doanh	Tỷ đồng	19,17	16,96	15,85	19,30	21,77%
Lợi nhuận từ hoạt động tài chính	Tỷ đồng	-9,35	-20,52	-25,52	-24,81	2,78%
Lợi nhuận khác	Tỷ đồng	1,61	-1,10	0,53	0,74	39,62%
Tổng lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	18,57	12,98	14,79	17,17	16,09%
Tổng tài sản	Tỷ đồng	491,08	585,35	615,18	664,67	8,04%
Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	259,65	265,08	279,61	284,54	1,76%

DOANH THU THUẦN

628,22 TỶ ĐỒNG

TỔNG TÀI SẢN

664,67 TỶ ĐỒNG

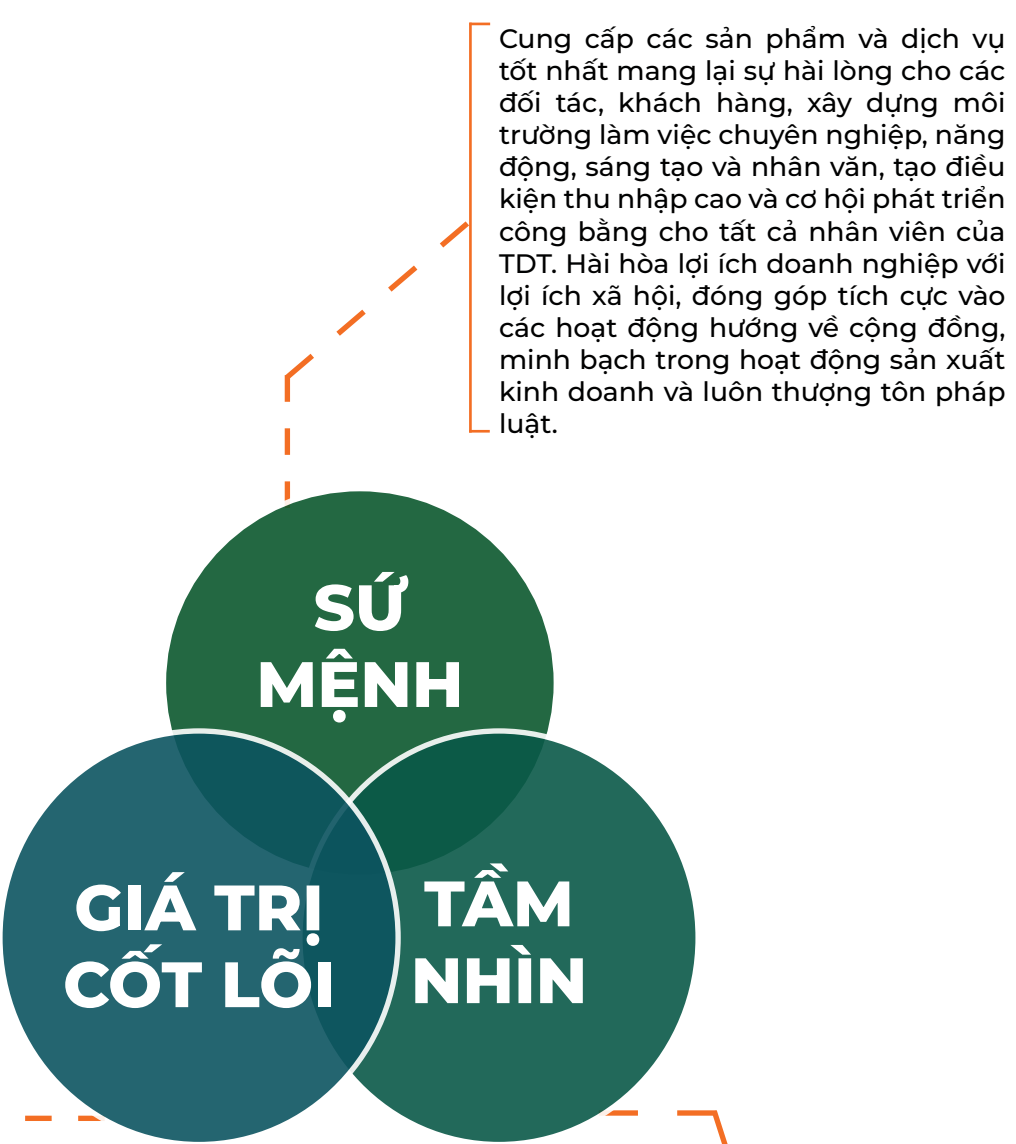
TỔNG LỢI NHUẬN SAU THUẾ

17,17 TỶ ĐỒNG

VỐN CHỦ SỞ HỮU

284,54 TỶ ĐỒNG

TẦM NHÌN - SỨ MỆNH - GIÁ TRỊ CỐT LÕI



Cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tốt nhất mang lại sự hài lòng cho các đối tác, khách hàng, xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, năng động, sáng tạo và nhân văn, tạo điều kiện thu nhập cao và cơ hội phát triển công bằng cho tất cả nhân viên của TDT. Hòa hòa lợi ích doanh nghiệp với lợi ích xã hội, đóng góp tích cực vào các hoạt động hướng về cộng đồng, minh bạch trong hoạt động sản xuất kinh doanh và luôn thượng tôn pháp luật.

UY TÍN: Luôn chuẩn bị đầy đủ năng lực thực thi và nỗ lực hết mình để đảm bảo đúng cam kết.
ĐOÀN KẾT: Luôn đề cao tinh thần đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau giữa các thành viên của TDT.
CHIA SẺ: Chia sẻ lợi ích hài hòa với các đối tác, cổ đông và người lao động.

TDT không ngừng nỗ lực phấn đấu trở thành một trong những công ty hàng đầu của Việt Nam trong lĩnh vực cung ứng các sản phẩm may mặc thời trang xuất khẩu. Khẳng định thương hiệu và đẳng cấp quốc tế để trở thành đối tác trực tiếp của các thương hiệu thời trang uy tín của thế giới.



THÔNG TIN CHUNG

- 14 Thông tin khái quát
- 18 Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- 20 Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
- 34 Vị thế doanh nghiệp
- 37 Định hướng phát triển
- 38 Các rủi ro

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

TÊN CÔNG TY	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN TDT
TÊN BẰNG TIẾNG NƯỚC NGOÀI	TDT INVESTMENT AND DEVELOPMENT JOINT STOCK COMPANY
MÃ CỔ PHIẾU	TDT
SỐ GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP	4600941221
LĨNH VỰC KINH DOANH	MAY TRANG PHỤC (TRỪ TRANG PHỤC TỪ DA LÔNG THÚ)
VỐN ĐIỀU LỆ	238.965.340.000 ĐỒNG
VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU	238.965.340.000 ĐỒNG

ĐỊA CHỈ TRỤ SỞ CHÍNH	XÓM THUẦN PHÁP, XÃ ĐIỀM THỤY, TỈNH THÁI NGUYÊN, VIỆT NAM
SỐ ĐIỆN THOẠI	02086 567 898
SỐ FAX	02083 569 898
WEBSITE	http://tdtgroup.vn
SLOGAN	ĐOÀN KẾT & PHÁT TRIỂN
LOGO	



Quá trình hình thành và phát triển

Thành lập với số vốn điều lệ 8 tỷ đồng với nhà máy TDT Điem Thụy

2011

Điều chỉnh vốn điều lệ lên 80.150.400.000 đồng thông qua phát hành cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu

2017

Chính thức niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với số vốn điều lệ 80.150.400.000 đồng

2018

Nhận quyết định của UBND tỉnh Thái Nguyên về chủ trương đầu tư dự án Nhà máy may TDT Đại Từ với tổng số vốn đầu tư hơn 70 tỷ đồng

2019

Kỷ niệm 10 năm ngày thành lập Công ty

2021

Tăng vốn điều lệ lên 238.965.340.000 đồng thông qua phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2021 với tỷ lệ 12%

2022

Thực hiện chủ trương đầu tư mở rộng Chi nhánh may TDT Đại Từ với tổng mức đầu tư khoảng 200 – 300 tỷ đồng

2025

CÁC SỰ KIỆN NỔI BẬT TRONG NĂM 2025



13/09/2025

Chương trình “Tiếp bước em đến trường 2025” của Công ty được tổ chức tại xã Trà Lĩnh, tỉnh Cao Bằng, nhằm trao tặng các phần quà hỗ trợ và động viên các em học sinh bước vào năm học mới.



15/10/2025

Công ty đã tổ chức Chương trình “Trao quà hỗ trợ cho CBCNV chịu ảnh hưởng bởi cơn bão số 11” với tổng kinh phí hỗ trợ hơn 100 triệu đồng



09/11/2025

Đại hội Đại biểu Công đoàn Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển TDT lần thứ IV, nhiệm kỳ 2025-2030 đã diễn ra trang trọng, dân chủ, đoàn kết và thành công tốt đẹp



30/11/2025

Công ty đã tổ chức thành công Giải chạy vì cộng đồng & hỗ trợ KM chạy – UpRace 2025 diễn ra thành công với thông điệp: “Every Step Matters – Mỗi bước chạy đều mang ý nghĩa”

NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm: Sản xuất, mua bán hàng may mặc xuất khẩu; Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp; Sản xuất sản phẩm từ Plastic; Nhà hàng khách sạn, dịch vụ ăn uống; Vận tải hành khách, hàng hóa đường bộ; Xuất nhập khẩu mặt hàng công ty kinh doanh; Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú...

Các sản phẩm, dịch vụ kinh doanh chính

TDT là một thành viên của Hiệp hội Dệt may Việt Nam, hiện tập trung vào hai phương thức sản xuất là: CMT và FOB.
Sản phẩm chính của Công ty là các mặt hàng trang phục may mặc khá đa dạng bao gồm cả dệt kim và dệt thoi, bao gồm nhiều dòng sản phẩm phục vụ nhu cầu đa dạng của thị trường (áo phao, áo khoác, quần, váy, áo polo, quần áo thể thao...). Các sản phẩm được sản xuất theo tiêu chuẩn kỹ thuật và chất lượng nghiêm ngặt, đáp ứng yêu cầu của nhiều khách hàng trong và ngoài nước.

Một số sản phẩm nổi bật của TDT:



Địa bàn kinh doanh

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển TDT đặt trụ sở chính tại Thái Nguyên. Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu tập trung trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, với hệ thống nhà máy may và các xí nghiệp sản xuất được phân bố tại nhiều huyện, xã trong tỉnh.
Với hoạt động kinh doanh chủ yếu thuộc phân khúc gia công xuất khẩu, thị trường tiêu thụ của TDT chủ yếu là thị trường nước ngoài, tập trung chủ yếu tại các thị trường trọng điểm như Hoa Kỳ, Châu Âu và Châu Á.

- ✓ Hoa Kỳ: Đây là thị trường trọng điểm của Công ty, đóng góp tỷ trọng lớn trong cơ cấu doanh thu. Công ty duy trì quan hệ hợp tác với các đối tác và thương hiệu lớn như Li & Fung (thông qua 2 thương hiệu chủ lực là Lands' End, Walmart), Costco và KOHL'S, qua đó khẳng định năng lực sản xuất và đáp ứng các tiêu chuẩn khắt khe về chất lượng, tiến độ và tuân thủ trong chuỗi cung ứng toàn cầu.
- ✓ Châu Âu: Công ty tiếp tục phát triển quan hệ hợp tác với các đối tác thương mại uy tín như Tesco, Mainpol, C&A và Puma. Các đối tác này góp phần quan trọng vào sự tăng trưởng ổn định của Công ty tại thị trường châu Âu, đồng thời giúp nâng cao uy tín và năng lực cạnh tranh của Công ty trong việc cung ứng các sản phẩm may mặc đạt tiêu chuẩn quốc tế.
- ✓ Châu Á: Châu Á là khu vực có tiềm năng tăng trưởng lớn, nơi Công ty đang mở rộng hợp tác với các đối tác như Bosideng, Chengda International Co., Ltd. Ngoài ra, Công ty đang tích cực và chủ động làm việc với Tập đoàn Fast Retailing (Nhật Bản). Việc hợp tác với các đối tác này giúp Công ty mở rộng thị trường tại Trung Quốc, Nhật Bản và các quốc gia châu Á khác, đồng thời nâng cao năng lực sản xuất và đa dạng hóa danh mục khách hàng.
- ✓ Trong nước: Công ty cũng đang là đối tác hợp tác với một số Công ty thuộc khu vực Hà Nội, Hải Phòng và một số tỉnh lân cận.



THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

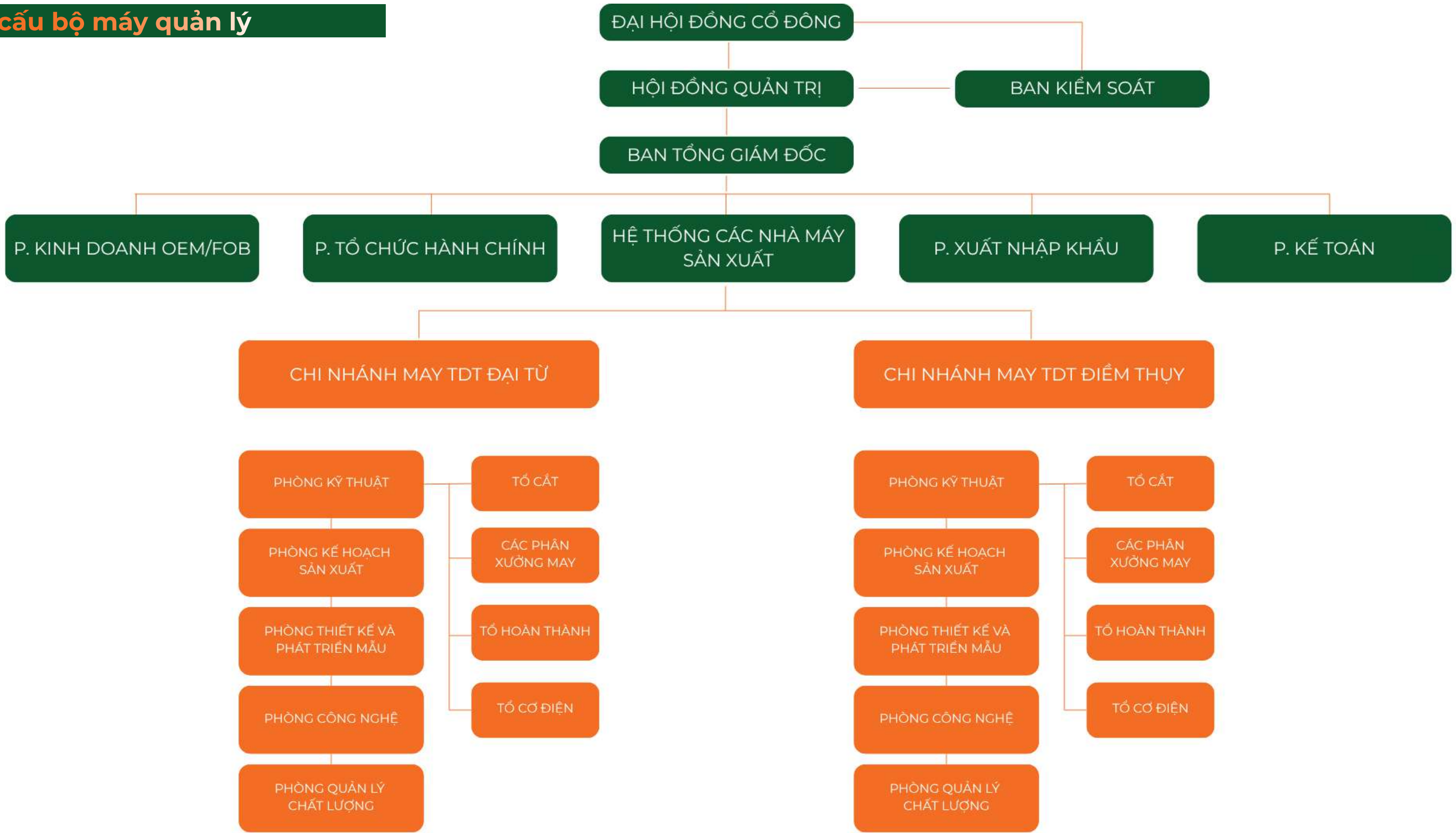
Mô hình quản trị

Công ty hoạt động theo mô hình tại điểm a khoản 1 Điều 137 Luật doanh nghiệp: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc.

Công ty con, Công ty liên kết

Tính đến hết năm 2025, Công ty không có Công ty con và Công ty liên kết.

Cơ cấu bộ máy quản lý



Đại hội đồng cổ đông

Là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông có quyền thảo luận và thông qua: Kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty, báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo của Ban kiểm soát về tình hình Công ty, báo cáo của Hội đồng Quản trị, mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại và các vấn đề khác thuộc thẩm quyền. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường có các quyền và nhiệm vụ sau: Thông qua định hướng phát triển của Công ty, quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán, quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Phòng Xuất nhập khẩu

Có chức năng tham mưu giúp Ban điều hành Công ty thực hiện quản lý về công tác chuyên môn, nghiệp vụ xuất nhập khẩu, thực hiện các nghiệp vụ kinh doanh xuất nhập khẩu theo ủy quyền của Tổng Giám đốc Công ty và theo quy định của pháp luật, nghiên cứu theo dõi các chủ trương chính sách xuất nhập khẩu, thuế của Nhà nước ban hành để tổ chức triển khai và thực hiện đúng quy định, phối hợp với các phòng ban, đơn vị có liên quan trong việc đảm bảo xuất nhập khẩu hàng hóa chính xác, nhanh, phục vụ kịp thời cho sản xuất, quản lý chặt chẽ các chi phí xuất nhập khẩu, vận tải, tìm các nhà cung cấp dịch vụ xuất nhập khẩu, vận tải có chất lượng và giá cả cạnh tranh, thực hiện các nhiệm vụ khác khi được phân công.

Hội đồng quản trị

Là cơ quan quản lý của Công ty do Đại hội đồng cổ đông bầu ra gồm 07 thành viên với nhiệm kỳ không quá 05 năm. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau: Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty, kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại, quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty, quyết định mua lại không quá 10% số cổ phần đã bán của từng loại, quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật, quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ, quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Phòng kinh doanh OEM/FOB

Xây dựng và hoàn thiện mô hình quản lý đơn hàng OEM/FOB, từng bước nâng cao trình độ quản lý đơn hàng OEM/FOB ngày càng chuyên nghiệp và tham gia sâu hơn vào chuỗi cung ứng giá trị ngành may, nắm bắt xu hướng phát triển của ngành may trên bình diện quốc tế để có những chiến lược và bước phát triển phù hợp, theo dõi sát sao sự chuyển dịch của ngành may theo thời gian để có những quyết định chính xác về khách hàng và ngành hàng phù hợp cho Công ty, xây dựng kế hoạch khách hàng, doanh thu cho từng năm, hỗ trợ Công ty trong công tác xúc tiến thương mại, marketing, quảng bá thương hiệu Công ty, quản lý toàn bộ các đơn hàng OEM/ FOB và các đơn hàng sản xuất tại nhà máy vệ tinh.

Ban kiểm soát

Thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty, chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện các nhiệm vụ được giao. Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ sau đây: Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính, thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của Báo cáo tình hình kinh doanh, Báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng cổ đông, rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty, thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Phòng Tổ chức hành chính

Có chức năng tham mưu cho Ban lãnh đạo Công ty về cơ cấu tổ chức, bộ máy, sắp xếp và sử dụng nguồn nhân lực của Công ty, tổ chức thực hiện công tác tuyển dụng, đào tạo và nâng bậc lương, theo dõi công tác thi đua, khen thưởng và kỷ luật, tổ chức quản lý, lưu trữ hồ sơ lý lịch, thẩm tra và bổ sung lý lịch hàng năm, thống kê số lượng và chất lượng lao động, xây dựng quy trình đánh giá xếp loại người lao động, xây dựng các nội quy, quy chế, Điều lệ Công ty và các văn bản, tài liệu khác phục vụ công tác quản lý của Công ty, quản lý trang thiết bị, tài sản, công cụ lao động, phương tiện làm việc tại khu vực trụ sở văn phòng Công ty, tham mưu cho Ban lãnh đạo Công ty về chính sách trả lương và đãi ngộ đối với người lao động, tổ chức thực hiện các chế độ chính sách lao động cho người lao động, quản lý công tác lễ tân, tiếp khách, văn thư, lưu trữ, con dấu, thực hiện các nhiệm vụ khác khi được phân công.

Ban Tổng Giám đốc

Bao gồm 01 Tổng Giám đốc và 03 Phó Tổng Giám đốc thực hiện các hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty. Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau đây: Tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị, tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty, kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị, Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và nghị quyết của Hội đồng quản trị.

Phòng Kế toán

Quản lý và tổ chức thực hiện hệ thống tài chính, kế toán tại Công ty theo Luật kế toán và các chế độ chính sách hiện hành của Nhà nước về lĩnh vực tài chính, kế toán, phân tích thông tin, số liệu kế toán, tham mưu, đề xuất các giải pháp phục vụ yêu cầu quản trị và quyết định kinh tế, tài chính của Công ty, cung cấp thông tin, số liệu kế toán theo quy định của Pháp luật, và tư vấn các chính sách về cơ cấu vốn, chính sách đầu tư, chính sách nguồn vốn cho Ban lãnh đạo Công ty, xây dựng hệ thống lập ngân sách tài chính và dự báo tài chính cho Công ty trong từng giai đoạn phát triển, tư vấn cho Hội đồng quản trị về chính sách cổ đông, cổ tức, thực hiện các nhiệm vụ khác khi được phân công.

Hệ thống các nhà máy sản xuất

Chi nhánh May TDT Diêm Thụy, Chi nhánh may TDT Đại Từ

- ✔ **Phòng Kỹ thuật:** Xây dựng và duy trì thực hiện từng quy trình cụ thể về công tác quản lý kỹ thuật cho từng bộ phận, đảm bảo đồng bộ công tác kỹ thuật theo tiến độ sản xuất, hợp đồng đã ký và cam kết với khách hàng, hướng dẫn và xử lý kịp thời các phát sinh về công tác kỹ thuật trong quá trình sản xuất, tham gia xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm và các quy chế, quy định, kế hoạch khác theo phân công, tổ chức hợp với các bộ phận, đảm bảo công tác an toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ, phụ trách hoạt động của các tổ đội sản xuất và hỗ trợ, bao gồm: Tổ cắt, Các phân xưởng may, Tổ hoàn thành và Tổ cơ điện.
- ✔ **Phòng Thiết kế và Phát triển mẫu:** Tham mưu về thiết kế, tiêu chuẩn kỹ thuật, định mức kinh tế kỹ thuật cho Ban điều hành Công ty, thiết kế mặt hàng theo yêu cầu của khách hàng, thiết kế mặt hàng mới, nắm vững đặc tính của chất liệu, nghiên cứu đề xuất chất liệu phù hợp, cung cấp thông số kỹ thuật, dữ liệu liên quan đến sản phẩm, tham gia xây dựng định mức nguyên vật liệu để kiểm soát quá trình sản xuất và cung cấp thông tin nghiên cứu đầu tư trang thiết bị mới, giải quyết yêu cầu, khiếu nại, vướng mắc của khách hàng liên quan đến thiết kế và định mức nguyên liệu sản phẩm
- ✔ **Phòng Công nghệ:** Tham mưu cho Ban điều hành Công ty các vấn đề liên quan đến công nghệ trong sản xuất, theo dõi, quản lý các vấn đề công nghệ liên quan đến may mặc trong Công ty, nghiên cứu, lên phương án cập nhật các công nghệ mới, quản lý các bộ phận trực thuộc.

- ✔ **Phòng Kế hoạch sản xuất:** Tiếp nhận thông tin về các đơn hàng; phối hợp với các phòng có liên quan lập/xem xét thiết kế, dự toán theo quy định; chủ trì hoạch định quá trình tạo sản phẩm theo yêu cầu của từng đơn hàng và theo yêu cầu của hệ thống quản lý chất lượng, tổ chức phân công và điều phối nguồn lực tham gia sản xuất; hướng dẫn, chỉ đạo, điều hành, kiểm soát các quá trình sản xuất trên cơ sở tuân thủ, các quy trình, quy phạm, mục tiêu của dự án và hệ thống kế hoạch tổ chức thực hiện dự án đã được phê duyệt, thống kê các yêu cầu của khách hàng đối với sản phẩm, chủ trì và phối hợp với các phòng chỉ đạo giải quyết các vướng mắc phát sinh trong quá trình sản xuất, xử lý các sản phẩm không phù hợp, giải quyết các khiếu nại của khách hàng liên quan đến tiến độ và chất lượng sản phẩm.
- ✔ **Phòng Quản lý chất lượng:** Xây dựng và duy trì thực hiện có hiệu lực hệ thống quản lý chất lượng trong Công ty, hướng dẫn và xử lý kịp thời các phát sinh không đảm bảo chất lượng sản phẩm theo tiêu chuẩn kỹ thuật của khách hàng trong quá trình sản xuất, tổ chức kiểm tra sản phẩm đạt tiêu chuẩn kỹ thuật đúng tiến độ sản xuất, đảm bảo công tác đánh giá nhà máy về chất lượng hàng hóa, tham gia xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm và các quy chế, quy định, kế hoạch khác theo phân công, đảm bảo công tác an toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ.



Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị gồm 07 thành viên

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Số CP sở hữu (CP phổ thông)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Ông Chu Thuyên	Chủ tịch HĐQT	3.721.720	15,57%
2	Ông Nguyễn Việt Thắng	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	1.539.440	6,44%
3	Ông Nguyễn Văn Bằng	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	108.600	0,45%
4	Ông Phạm Thái Hòa	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	556.676	2,33%
5	Ông Dương Ngọc Hải	Thành viên HĐQT độc lập	73.942	0,31%
6	Ông Đỗ Mạnh Hùng	Thành viên HĐQT độc lập	3.129	0,01%
7	Ông Phan Mạnh Hà	Thành viên HĐQT độc lập	0	0%

Lý lịch các thành viên Hội đồng quản trị

Ông Chu Thuyên
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Năm sinh: 31/12/1970
Trình độ chuyên môn: Cử nhân luật
Chức vụ tại các công ty khác: Giám đốc Công ty Cổ phần Phú Sỹ Thái Nguyên
Số cổ phần nắm giữ: 3.721.720 CP tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết là 15,57%

Quá trình công tác:

- 2002 - 10/2014: Trưởng nhóm Vật tư – Xuất nhập khẩu phòng Kế hoạch vật tư tại Công ty May Thái Nguyên.
- 10/2004 - 08/2007: Giám đốc tại Xí nghiệp Vật tư vận tải thuộc CTCP Đầu tư và Thương mại TNG.
- 08/2007 - 03/2011: Giám đốc tại thời trang TNG thuộc CTCP Đầu tư và Thương mại TNG.
- 03/2011: Cùng với các cổ đông khác, ông Chu Thuyên sáng lập và giữ vai trò Chủ tịch HĐQT tại CTCP Đầu tư và Phát triển TDT.
- 11/2016 – nay: Giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT (thời kiêm nhiệm chức danh TGD đảm bảo đúng quy định của pháp luật hiện hành) tại CTCP Đầu tư và Phát triển TDT

Ông Nguyễn Việt Thắng
Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc

Năm sinh: 24/07/1975
Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
Chức vụ tại các công ty khác: Không
Số cổ phần nắm giữ: 1.539.440 CP tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết là 6,44%

Quá trình công tác:

- 1995 - 12/2004: Trưởng đại diện hãng tàu OOCL tại Hà Nội tại Công ty Liên doanh vận tải biển Việt Pháp (Gematrans).
- 01/2005 - 03/2011: Thành viên HĐQT kiêm Trưởng phòng Kinh doanh tại CTCP Đầu tư và Thương mại TNG.
- 03/2011 - 18/09/2020: Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc tại CTCP Đầu tư và Phát triển TDT.
- 18/09/2020 - nay: Giữ chức vụ Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc tại CTCP Đầu tư và Phát triển TDT.

Ông Nguyễn Văn Bằng
Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh: 25/04/1977
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật Quốc tế
Chức vụ tại các công ty khác: Không
Số cổ phần nắm giữ: 108.600 CP tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết là 0,45%

Quá trình công tác:

- 2000 - 2002: Nhân viên Phòng Dự án tại Cienco 8.
- 2002 - 2005: Nhân viên Phòng Dự án tại Tổng Công ty Điện tử và Tin học Việt Nam.
- 2007 - 2011: Phó Giám đốc tại CT TNHH may Minh Anh.
- 2011 - 2016: Phó Tổng Giám đốc tại CTCP Giấy An Hòa.
- 2016 - 2017: Phó Tổng giám đốc tại Tập đoàn Dabaco.
- 2017 - 2019: Giám đốc chi nhánh tại CT TNHH Giấy Trường Xuân.
- 12/2019 - nay: Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD tại CTCP Đầu tư và Phát triển TDT.

Ông Phạm Thái Hòa
Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh: 20/09/1982
Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
Chức vụ tại các công ty khác: Không
Số cổ phần nắm giữ: 556.676 CP tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết là 2,33%

Quá trình công tác:

- ✓ 10/2008 - 04/2010: Nhân viên Phòng Kế toán tại CTCP Đầu tư và Thương Mại TNG.
- ✓ 05/2010 - 02/2011: Phó Phòng Kế toán tại CTCP Đầu tư và Thương Mại TNG.
- ✓ 03/2011 - 06/2011: Trưởng phòng Kế toán tại CTCP Đầu tư và Thương Mại TNG.
- ✓ 07/2011- 06/2014: Kế toán trưởng tại CTCP Đầu tư và Phát triển TDT.
- ✓ 06/2014 – 11/2025: Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng tại CTCP Đầu tư và Phát triển TDT.
- ✓ 11/2025 – nay: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc tại CTCP Đầu tư và Phát triển TDT.

Ông Dương Ngọc Hải
Thành viên Hội đồng quản trị Độc lập

Năm sinh: 17/02/1982
Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
Chức vụ tại các công ty khác: Chủ tịch HĐQT tại Công ty Cổ phần TPS Thái Nguyên
Số cổ phần nắm giữ: 73.942 CP tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết là 0,31%

Quá trình công tác:

- ✓ 2006 - 10/2008: Cán Bộ tại Sở Khoa Học Và Công Nghệ Thái Nguyên - Trung Tâm Thông Tin Công Nghệ.
- ✓ 10/2008 - 07/2015: Chủ tịch HĐQT tại Công Ty TNHH Công Nghệ Thông Tin H3T.
- ✓ 08/2015 - 08/2016: Chủ tịch HĐQT tại Công ty In Thái Nguyên.
- ✓ 08/2016 – nay: Chủ tịch HĐQT tại CTCP Thực phẩm sạch Thái Nguyên.
- ✓ 05/2018 – nay: Thành viên HĐQT độc lập tại CTCP Đầu tư và Phát triển TDT.

Ông Đỗ Mạnh Hùng
Thành viên Hội đồng quản trị Độc lập

Năm sinh: 20/05/1958
Trình độ chuyên môn: Cử nhân sư phạm Toán
Chức vụ tại các công ty khác: Tổng Biên tập Tạp chí Người bảo trợ - Cơ quan ngôn luận của Hội Bảo trợ người khuyết tật và trẻ mồ côi Việt Nam
Số cổ phần nắm giữ: 3.129 CP tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết là 0,01%

Quá trình công tác:

- ✓ 2007 - 2011: Phó Trưởng đoàn – Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Thái Nguyên.
- ✓ 2011 - 2016: Phó Chủ nhiệm Ủy ban các vấn đề Xã hội Quốc hội Việt Nam.
- ✓ 2016 - 2018: Phó Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội Việt Nam
- ✓ 04/2019 – nay: Thành viên HĐQT độc lập tại CTCP Đầu tư và Phát triển TDT.

Ông Phan Mạnh Hà
Thành viên Hội đồng quản trị Độc lập

Năm sinh: 28/09/1979
Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
Chức vụ tại các công ty khác: Giám đốc kinh doanh CTCP Chứng khoán VNDirect
Số cổ phần nắm giữ: 0 CP tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết là 0%

Quá trình công tác:

- ✓ 2002 - 12/2006: Trưởng phòng Kinh doanh tại CTCP Tara.
- ✓ 01/2006 - 12/2010: Trưởng nhóm giao dịch KH Cao cấp - CTCP Chứng Khoán Kim Long.
- ✓ 01/2011 - 08/2014: Giám đốc môi giới tại CTCP Chứng Khoán Navibank.
- ✓ 09/2014 – nay: Giám đốc kinh doanh tại CTCP Chứng khoán VNDirect.
- ✓ 04/2019 – nay: Thành viên HĐQT độc lập tại CTCP Đầu tư và Phát triển TDT.

Ban kiểm soát

Ban kiểm soát gồm 03 thành viên

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Số CP sở hữu (CP phổ thông)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Bà Lê Thị Hồng Thắm	Trưởng Ban kiểm soát	50.212	0,21%
2	Ông Đỗ Ngọc Tuyến	Thành viên Ban kiểm soát	71.960	0,3%
3	Bà Phạm Thị Thu Hà	Thành viên Ban kiểm soát	3.192	0,01%

Lý lịch các thành viên Ban kiểm soát

Bà Lê Thị Hồng Thắm
Trưởng Ban kiểm soát

Năm sinh: 23/04/1973
Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản lý kinh tế
Chức vụ tại các công ty khác: Không
Số cổ phần nắm giữ: 50.212 CP tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết là 0,21%

- Quá trình công tác:
- 09/1993 - 04/2006: Kế toán tại CTCP Xây dựng số 02 Thái Nguyên.
 - 05/2005 - 09/2010: Kế toán tại Trường trung cấp nghề số 01 Thái Nguyên.
 - 10/2010 - 04/2011: Phó phòng kế toán tài vụ tại Trường trung cấp nghề Thái Nguyên.
 - 05/2011 - 03/2020: Trưởng phòng kế toán tại Trường trung cấp nghề Thái Nguyên.
 - 01/05/2012 - 03/2020: Kế toán trưởng tại Trường trung cấp nghề Thái Nguyên.
 - 03/2020 - 26/04/2020: Thành viên BKS CTCP Đầu tư và Phát triển TDT. Kế toán trưởng – Trường Trung cấp nghề Thái Nguyên.
 - 26/04/2020 - nay: Trưởng Ban kiểm soát CTCP Đầu tư và Phát triển TDT.

Ông Đỗ Ngọc Tuyến
Thành viên Ban kiểm soát

Năm sinh: 15/12/1980
Trình độ chuyên môn: Cử nhân quản lý nhân lực
Chức vụ tại các công ty khác: Không
Số cổ phần nắm giữ: 71.960 CP tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết là 0,3%

- Quá trình công tác:
- 06/2010 - 08/2010: Trưởng phòng Tổ chức chi nhánh TNG 4 tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG.
 - 09/2010 - 12/2010: Phó Phòng Tổ chức tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG.
 - 01/2011 - 04/2011: Trưởng Phòng Tổ chức tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG.
 - 05/2011 - 01/2022: Thành viên BKS, Trưởng Phòng Tổ chức tại CTCP Đầu tư và Phát triển TDT.
 - 02/2022– Nay: Thành viên BKS kiêm Chủ tịch Công đoàn CTCP Đầu tư và Phát triển TDT

Bà Phạm Thị Thu Hà
Thành viên Ban kiểm soát

Năm sinh: 12/08/1987
Trình độ chuyên môn: Cử nhân
Chức vụ tại các công ty khác: Không
Số cổ phần nắm giữ: 3.192 CP tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết là 0,01%

- Quá trình công tác:
- 2010 - 2012: Nhân viên phòng Kinh doanh tại CTCP Apex.
 - 2012 - 2023: Nhân viên đơn hàng tại CTCP Đầu tư và Phát triển TDT.
 - 2023 - nay: Trưởng nhóm đơn hàng, Thành viên BKS tại CTCP Đầu tư và Phát triển TDT

Ban điều hành

Ban điều hành gồm: 01 Tổng Giám đốc, 03 Phó Tổng Giám đốc, 01 Kế toán trưởng.

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Số CP sở hữu (CP phổ thông)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Ông Nguyễn Việt Thắng	Tổng Giám đốc	1.539.440	6,44%
2	Ông Nguyễn Văn Bằng	Phó Tổng Giám đốc	108.600	0,45%
3	Ông Đặng Quang Huy	Phó Tổng Giám đốc	101.200	0,42%
4	Ông Phạm Thái Hòa	Phó Tổng Giám đốc	556.676	2,33%
5	Bà Nguyễn Thúy Nga	Kế toán trưởng	14.056	0,06%

Lý lịch các thành viên Ban điều hành

Ông Đặng Quang Huy
Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh: 02/11/1977
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kỹ thuật
Chức vụ tại các công ty khác: Không
Số cổ phần nắm giữ: 101.200 CP tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết là 0,42%

Quá trình công tác:

- 06/2001 - 08/2001: Nhân viên tại Ban Dự án Cấp treo Yên Tử, Công ty XNK Quảng Ninh.
- 08/2001 - 11/2001: Nhân viên tại Công ty Liên doanh đá vôi Yên Bái.
- 11/2001 - 08/2003: Chuyên viên Kỹ thuật tại Công ty Cơ khí và Xây lắp công nghiệp Yên Bái.
- 08/2003 - 04/2012: Phó phòng Tổ chức, Trưởng phòng, GD Trung Tâm Thời Trang tại CTCP Đầu Tư và Thương Mại TNG.
- 09/2012 - 05/2014: Trưởng Phòng Hành Chính tại CTCP Đầu Tư và Phát Triển TDT
- 05/2014 - 2015: Phó Giám đốc Chi nhánh Đại Từ thuộc CTCP Đầu Tư và Thương Mại TNG.
- 2015 - 06/2019: Giám đốc Chi nhánh Đại Từ thuộc CTCP Đầu Tư và Thương Mại TNG.
- 07/2019 - 08/2022: Giám đốc Chi nhánh Việt Thái CTCP Đầu Tư và Thương Mại TNG.
- 09/2022 - Nay: Phó Tổng Giám đốc tại CTCP Đầu Tư và Phát Triển TDT.

Bà Nguyễn Thúy Nga
Kế toán trưởng

Năm sinh: 24/10/1992
Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
Chức vụ tại các công ty khác: Không
Số cổ phần nắm giữ: 14.056 CP tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết là 0,06%

Quá trình công tác:

- 12/01/2015 - 10/2022: Nhân viên phòng Kế toán - Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển TDT
- 11/2022 - 10/2025: Phó phòng Kế toán - Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển TDT
- 11/2025 - nay: Kế toán trưởng - Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển TDT

Ghi chú: Lý lịch của các thành viên Ban điều hành gồm: ông Nguyễn Việt Thắng, ông Nguyễn Văn Bằng và ông Phạm Thái Hòa đã được trình bày tại mục “Hội đồng quản trị”





ĐIỂM MẠNH

Tầm nhìn chiến lược rõ ràng và định hướng phát triển bền vững

TDT đã tập trung và đang phấn đấu chuyển dịch sang mô hình kinh doanh FOB, giúp doanh nghiệp gia tăng lợi thế cạnh tranh so với các mô hình truyền thống. Khi thực hiện các đơn hàng FOB, Công ty trực tiếp tìm kiếm và lựa chọn các nhà cung cấp nguyên phụ liệu, qua đó chủ động hơn trong xây dựng kế hoạch sản xuất, phân bổ nguồn lực và kiểm soát tiến độ thực hiện đơn hàng. Điều này không chỉ giúp công ty nâng cao hiệu quả quản lý đơn hàng mà còn gia tăng giá trị gia tăng của sản phẩm, từ đó góp phần cải thiện doanh thu và tối ưu hóa lợi nhuận. Định hướng này hoàn toàn phù hợp với xu hướng phát triển của ngành dệt may Việt Nam trong giai đoạn hội nhập sâu rộng với thị trường quốc tế.

Vị trí địa lý chiến lược

TDT sở hữu lợi thế về vị trí đặt nhà máy tại các khu vực có nguồn lao động dồi dào, có kinh nghiệm trong lĩnh vực may mặc và mức chi phí nhân công hợp lý, qua đó hỗ trợ doanh nghiệp duy trì khả năng cạnh tranh về giá trong khi vẫn bảo đảm chất lượng sản phẩm. Bên cạnh đó, các nhà máy của TDT được bố trí tại các vị trí thuận lợi, dễ dàng kết nối với hệ thống đường cao tốc, giao thông nội địa và cảng biển Hải Phòng, góp phần nâng cao hiệu quả vận chuyển và giao nhận hàng hóa. Ngoài ra, vị trí địa lý của Việt Nam tiếp giáp các tuyến hàng hải quốc tế quan trọng cũng tạo điều kiện thuận lợi cho TDT trong việc kết nối với các thị trường kinh doanh chủ lực, qua đó tăng cường năng lực cạnh tranh so với một số doanh nghiệp dệt may đến từ các quốc gia có chi phí sản xuất thấp.

Hệ thống nhà máy hiện đại và vận hành ổn định

Chi nhánh may TDT Đại Từ được trang bị nhiều thiết bị hiện đại, đảm bảo an toàn như: Hệ thống chữa cháy tự động Sprinkler, hệ thống nhà máy khép kín được đồng bộ với nhau ở các khâu cắt, may và hoàn thiện sản phẩm. Bên cạnh đó, TDT đã chủ động triển khai chủ trương đầu tư mở rộng Chi nhánh may TDT Đại Từ nhằm đáp ứng nhu cầu đơn hàng ngày càng gia tăng, sẵn sàng mở rộng quy mô sản xuất theo yêu cầu của khách hàng, đồng thời nâng cao năng lực sản xuất và chất lượng sản phẩm trong bối cảnh yêu cầu của thị trường ngày càng khắt khe.

Hệ thống quản trị minh bạch, chuyên nghiệp

TDT xây dựng mô hình quản trị hiện đại, đảm bảo tính minh bạch trong mọi hoạt động. Việc áp dụng các tiêu chuẩn quản trị doanh nghiệp cao cấp không chỉ giúp tối ưu hóa vận hành mà còn củng cố lòng tin từ các đối tác, nhà đầu tư và khách hàng, Ban lãnh đạo công ty là những người có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực dệt may, từng đảm nhiệm các vị trí quản lý cấp cao tại những doanh nghiệp lớn trong ngành, giúp TDT có được những quyết sách chiến lược hiệu quả.

Xu hướng phát triển bền vững và sản xuất xanh

Các doanh nghiệp trên toàn cầu đang ưu tiên các sản phẩm thân thiện với môi trường. Việc TDT chú trọng đầu tư vào sản xuất bền vững, sử dụng nguyên liệu tái chế và áp dụng công nghệ tiết kiệm năng lượng sẽ giúp công ty tạo được lợi thế cạnh tranh trên thị trường. Đồng thời, doanh nghiệp xanh được hưởng ưu đãi từ Nhà nước như hỗ trợ vốn, đất đai và miễn giảm thuế, phí môi trường.



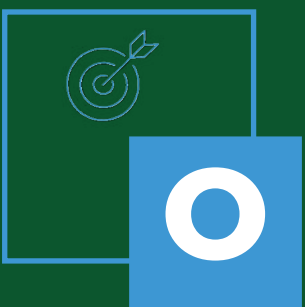
ĐIỂM YẾU

Thương hiệu vẫn đang trong giai đoạn xây dựng và phát triển trên thị trường quốc tế

Là một doanh nghiệp với gần 15 năm tuổi đời - còn khá mới so với các đối thủ lâu đời trong ngành dệt may Việt Nam (các thương hiệu mạnh trong ngành dệt may Việt Nam đều được thành lập từ trước năm 2000). TDT vẫn đang trong quá trình xây dựng hình ảnh và tạo dựng lòng tin đối với các khách hàng quốc tế. Việc tiếp cận các đối tác lớn và mở rộng thị trường xuất khẩu vẫn còn gặp nhiều thách thức.

Quy mô sản xuất và vốn đầu tư còn hạn chế

Mặc dù đã ghi nhận những bước phát triển tích cực trong các năm gần đây, quy mô sản xuất của TDT vẫn còn khiêm tốn so với các tập đoàn dệt may lớn trên thị trường. So với tổng kim ngạch xuất khẩu dệt may của Việt Nam năm 2025, doanh thu xuất khẩu của Công ty chiếm tỷ trọng không lớn. Nhằm khắc phục hạn chế này, tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025, HĐQT Công ty đã trình ĐHCĐ xin ý kiến về việc triển khai đầu tư dự án Chi nhánh May TDT Đại Từ 2 - dự án mở rộng Chi nhánh May TDT Đại Từ - nhằm tăng trưởng lao động và quy mô Công ty trong thời gian tới.



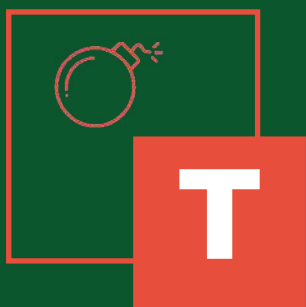
CƠ HỘI

Hiệp định thương mại tự do mở ra nhiều cơ hội xuất khẩu

Các hiệp định thương mại tự do như CPTPP, EVFTA giúp TDT có cơ hội mở rộng thị trường xuất khẩu sang Mỹ, châu Âu và các thị trường mới như Hà Lan, Romania (khi đạt tiêu chuẩn C/O EUR.1). Việc các mặt hàng dệt may từ Việt Nam được miễn thuế hoặc hưởng thuế suất giảm sẽ giúp TDT có thời gian chuẩn bị các chiến lược phù hợp nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh về giá so với các doanh nghiệp tại các quốc gia chưa có hiệp định thương mại.

Cơ hội thị phần từ chính sách thuế quan

Việc hàng may mặc Trung Quốc bị áp mức thuế quan bổ sung cao tại thị trường Hoa Kỳ (khoảng 30 điểm phần trăm trong năm 2025) đã thúc đẩy các nhãn hàng tại Mỹ tìm kiếm nguồn cung thay thế từ các quốc gia có mức thuế quan thấp hơn. Trong bối cảnh đó, thị phần dệt may của Trung Quốc tại Mỹ đã giảm trung bình khoảng hai điểm phần trăm mỗi năm, qua đó mở ra cơ hội cho các quốc gia khác gia tăng thị phần, trong đó Việt Nam nổi lên như một nguồn cung tiềm năng. Là một doanh nghiệp nằm trong ngành dệt may TDT cũng sẽ có được cơ hội khi có sự chuyển dịch chuỗi cung ứng này.



THÁCH THỨC

Nguy cơ từ chính sách thuế đối ứng và các biện pháp phòng vệ thương mại

Ngành dệt may có mức độ phụ thuộc cao vào các thị trường xuất khẩu, trong đó các thị trường chủ lực của Công ty gồm Hoa Kỳ, Châu Âu và một số quốc gia tại Châu Á. Do đó, hoạt động kinh doanh của Công ty có thể chịu tác động từ các thay đổi trong chính sách thương mại, thuế đối ứng, thuế chống bán phá giá hoặc các biện pháp phòng vệ thương mại do các quốc gia nhập khẩu áp dụng. Việc gia tăng các rào cản thuế quan có thể làm tăng chi phí xuất khẩu, ảnh hưởng đến khả năng cạnh tranh về giá và tác động đến nhu cầu tiêu thụ sản phẩm tại các thị trường xuất khẩu chủ lực. Bên cạnh đó, các quy định ngày càng chặt chẽ về nguồn gốc xuất xứ, minh bạch chuỗi cung ứng và tiêu chuẩn thương mại quốc tế cũng có thể làm gia tăng chi phí tuân thủ và ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Trong bối cảnh xu hướng bảo hộ thương mại vẫn còn tiềm ẩn, đây được xem là một trong những yếu tố rủi ro cần được theo dõi và quản lý trong chiến lược phát triển dài hạn của Công ty.

Cạnh tranh gay gắt với các nước xuất khẩu khác

Việt Nam vẫn phải đối mặt với sự cạnh tranh mạnh mẽ từ các quốc gia có lợi thế về chi phí sản xuất thấp như Bangladesh, Ấn Độ, Sri Lanka, Myanmar và Campuchia. Để giữ vững thị phần, TDT cần nâng cao năng lực sản xuất và phát triển thương hiệu mạnh hơn trên thị trường quốc tế.

Biến động giá nguyên liệu đầu vào

Đối với ngành dệt may Việt Nam, phần lớn nguồn vải đầu vào phụ thuộc vào nhập khẩu và chủ yếu đến từ Trung Quốc. Việc phụ thuộc vào nguồn nguyên liệu nhập khẩu khiến TDT dễ bị ảnh hưởng bởi sự biến động của giá bông, sợi trên thị trường thế giới. Đi kèm với đó ngành dệt may ở Việt Nam chịu rủi ro có thể bị xếp vào hàng trung chuyển và bị áp thuế quan cao (lên tới 40%) khi xuất khẩu vào thị trường Hoa Kỳ do phụ thuộc rất lớn vào nguồn vải nhập khẩu. Điều này khiến Công ty dễ bị ảnh hưởng bởi các biến động giá cả trên thị trường quốc tế, từ đó làm gia tăng chi phí sản xuất dẫn đến sự biến động biên lợi nhuận của TDT.



Với định hướng phát triển bền vững và tầm nhìn dài hạn, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển TDT từng bước khẳng định vị thế là doanh nghiệp may mặc có uy tín và năng lực cạnh tranh trong ngành dệt may Việt Nam. Trên nền tảng tinh thần hợp tác, cùng phát triển và đề cao giá trị bền vững, Công ty luôn coi việc xây dựng mối quan hệ gắn bó với khách hàng, nhà đầu tư và người lao động là yếu tố then chốt trong chiến lược phát triển. TDT không chỉ hướng tới mục tiêu trở thành đối tác tin cậy của các nhãn hàng quốc tế mà còn mong muốn là đơn vị đồng hành lâu dài trong chuỗi cung ứng dệt may toàn cầu.

Trong quá trình phát triển, Công ty luôn chú trọng nâng cao chất lượng sản phẩm, cải thiện năng lực quản trị, tối ưu hóa hiệu quả sản xuất và từng bước mở rộng quy mô hoạt động. Với phương châm đặt uy tín và chất lượng làm nền tảng, TDT không ngừng củng cố niềm tin với các đối tác trong và ngoài nước, đồng thời nâng cao khả năng đáp ứng các yêu cầu ngày càng khắt khe của thị trường quốc tế. Thông qua việc mở rộng thị trường xuất khẩu, đa dạng hóa khách hàng và gia tăng giá trị trong chuỗi cung ứng, Công ty đang từng bước khẳng định vai trò là đối tác chiến lược trong ngành may mặc.

Hướng tới tương lai, TDT tiếp tục kiên định với mục tiêu phát triển ổn định, nâng cao giá trị gia tăng cho sản phẩm, từng bước mở rộng sự hiện diện trên thị trường quốc tế và xây dựng thương hiệu dệt may uy tín của Việt Nam. Trên nền tảng năng lực sản xuất vững chắc cùng khát vọng phát triển lâu dài, Công ty cam kết đóng góp tích cực vào sự phát triển của ngành dệt may Việt Nam, đồng thời tạo ra giá trị bền vững cho cổ đông, đối tác và cộng đồng.



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Các mục tiêu chủ yếu của công ty

Xây dựng Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển TDT trở thành doanh nghiệp bền vững và minh bạch bằng việc sử dụng hợp lý các nguồn lực, nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp, đáp ứng được các tiêu chuẩn xanh của ngành dệt may, xây dựng đội ngũ lãnh đạo có bản lĩnh và chuyên nghiệp, đồng thời xây dựng đội ngũ quản lý, kinh doanh và chuyên gia giỏi; nắm bắt kịp thời xu thế phát triển của thế giới nói chung và ngành may mặc nói riêng; đầu tư sâu vào máy móc thiết bị công nghệ cao, các mặt hàng có giá trị gia tăng cao. Đồng thời, chủ động kiểm soát tối đa các rủi ro đã nhận diện và nâng cao năng lực ứng phó nhằm hạn chế bị động trước các rủi ro phát sinh ngoài dự kiến.

Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Trong giai đoạn 5 năm tới, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển TDT sẽ tiếp tục tập trung phát triển lĩnh vực cốt lõi là sản xuất hàng may mặc xuất khẩu, đồng thời mở rộng hệ thống nhà máy vệ tinh, đầu tư công nghệ, máy móc thiết bị hiện đại và áp dụng quy trình quản lý sản xuất tinh gọn nhằm tạo bước đột phá về năng suất lao động và hiệu quả hoạt động. Cùng với đó, Công ty sẽ nâng cao năng lực thiết kế, phát triển mẫu, khả năng tìm nguồn nguyên phụ liệu và kỹ năng đàm phán để gia tăng tính chủ động trong chuỗi sản xuất kinh doanh. TDT cũng định hướng tăng dần tỷ trọng các đơn hàng có giá trị gia tăng và tỷ suất lợi nhuận cao, từng bước chuyển dịch từ CMT sang FOB, tiến tới ODM và OBM. Song song với đó, Công ty sẽ tích cực tìm kiếm khách hàng tại các thị trường thuộc các hiệp định thương mại tự do mà Việt Nam là thành viên như CPTPP, EVFTA, đồng thời nghiên cứu mở văn phòng đại diện tại các thành phố lớn trong nước và các thị trường xuất khẩu trọng điểm như Hoa Kỳ, Châu Âu, Nhật Bản để đẩy mạnh hoạt động sales, marketing, tiếp cận trực tiếp các khách hàng bán lẻ và nâng cao tỷ suất lợi nhuận. Định hướng phát triển này được đánh giá là phù hợp với thế mạnh của Công ty, đồng thời tạo điều kiện để tận dụng hiệu quả các cơ hội và chính sách hỗ trợ đối với ngành may mặc.

Các mục tiêu phát triển bền vững

TDT luôn định hướng phát triển theo nguyên tắc bền vững, hài hòa giữa hiệu quả kinh doanh với trách nhiệm đối với môi trường, xã hội và cộng đồng. Trong quá trình hoạt động, Công ty chú trọng sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên, giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường thông qua việc tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường và từng bước áp dụng các giải pháp sản xuất thân thiện với môi trường. Đồng thời, TDT quan tâm xây dựng môi trường làm việc an toàn, ổn định cho người lao động, thực hiện đầy đủ các chính sách phúc lợi và đóng góp tích cực cho các hoạt động xã hội, cộng đồng tại địa phương. Thông qua những định hướng này, Công ty hướng tới mục tiêu phát triển bền vững, tạo ra giá trị lâu dài cho cổ đông, đối tác và xã hội.

Hàng năm, Công ty thường xuyên tổ chức các chương trình trao học bổng, tặng quà cho trẻ em tại các khu vực còn nhiều khó khăn, đồng thời hỗ trợ người dân địa phương khi xảy ra thiên tai hoặc các hoàn cảnh khó khăn. Trong thời gian tới, Công ty tiếp tục hướng tới mục tiêu duy trì và mở rộng các hoạt động thiện nguyện, góp phần chia sẻ trách nhiệm với cộng đồng và lan tỏa những giá trị nhân văn trong xã hội.

CÁC RỦI RO

01

RỦI RO
KINH TẾ

Năm 2025, kinh tế tại các thị trường xuất khẩu chủ lực của Công ty nhìn chung vẫn duy trì tăng trưởng nhưng tốc độ phục hồi còn phân hóa. Theo số liệu từ Cục Phân tích Kinh tế Hoa Kỳ, tăng trưởng GDP của nước này giảm xuống 2,1% so với mức 2,8% của năm 2024, trong khi giá hàng hóa và dịch vụ mua trong nước tăng 2,6%. Theo Eurosta, GDP của các nước trong Liên minh Châu Âu năm 2025 tăng 1,5%, cải thiện so với mức 1,1% của năm 2024, còn Trung Quốc duy trì mức tăng trưởng 5%, tương đương năm trước. Trong bối cảnh đó, dệt may vẫn là nhóm hàng tiêu dùng không thiết yếu nên nhu cầu mua sắm có thể tăng chậm hơn khi người tiêu dùng tại các thị trường trọng điểm thắt chặt chi tiêu. Điều này làm gia tăng rủi ro sụt giảm đơn hàng từ khách hàng hiện hữu, gây áp lực lên giá bán và biên lợi nhuận, đồng thời làm tăng nguy cơ tồn kho và ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của Công ty.

Trước bối cảnh đó, TDT đang chủ động mở rộng hợp tác và tìm kiếm thêm khách hàng tại các quốc gia tham gia các hiệp định thương mại tự do nhằm tận dụng lợi thế về thuế quan, từ đó duy trì được số lượng đơn hàng bằng cách mở rộng tìm kiếm khách hàng. Đồng thời nâng dần tỷ trọng đơn hàng FOB để cải thiện biên lợi nhuận và tăng tính chủ động trong chuỗi cung ứng. Ban lãnh đạo Công ty cũng thường xuyên theo dõi diễn biến kinh tế vĩ mô để kịp thời điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh phù hợp với tình hình thực tế.

02

RỦI RO
VỀ SỨC ÉP
CẠNH TRANH

TDT đang đối mặt với rủi ro cạnh tranh ngày càng gia tăng trong ngành dệt may. Sức ép này không chỉ đến từ các doanh nghiệp dệt may trong nước, đặc biệt là các tập đoàn lớn đã có vị thế, quy mô và hệ thống khách hàng ổn định, mà còn đến từ các quốc gia xuất khẩu may mặc có lợi thế cạnh tranh như Trung Quốc, Bangladesh, Ấn Độ, Campuchia và Myanmar.

Khi áp lực cạnh tranh gia tăng, TDT có thể gặp khó khăn trong việc duy trì đơn hàng, mở rộng thị phần và giữ ổn định mức giá bán theo kế hoạch đã đề ra. Đồng thời, áp lực cạnh tranh từ thị trường có thể ảnh hưởng đến doanh thu, biên lợi nhuận và hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của TDT, nhất là trong bối cảnh doanh nghiệp phải cạnh tranh với các đối thủ có lợi thế hơn về quy mô, chi phí và năng lực cung ứng. Để hạn chế rủi ro này, TDT cần tiếp tục nâng cao năng lực cạnh tranh thông qua kiểm soát tốt chi phí sản xuất, cải thiện năng suất lao động, bảo đảm chất lượng sản phẩm và tiến độ giao hàng, đồng thời đẩy mạnh mở rộng khách hàng, đa dạng hóa thị trường và gia tăng giá trị sản phẩm nhằm giảm áp lực cạnh tranh về giá.

03

RỦI RO
TỶ GIÁ

Năm 2025, thị trường ngoại hối Việt Nam chịu nhiều áp lực khi đồng Việt Nam mất giá rõ rệt so với USD. Tỷ giá USD/VND trên thị trường liên ngân hàng tăng so với đầu năm, tỷ giá trung tâm được điều chỉnh tăng nhiều lần và có thời điểm vượt mốc 25.000 VND/USD, trong khi tỷ giá tại các ngân hàng thương mại và thị trường tự do cũng duy trì ở mức cao (có thời điểm tăng lên gần 28.000 VND/USD). Diễn biến này cho thấy áp lực tỷ giá không chỉ xuất hiện trong ngắn hạn mà đã lan rộng trên toàn thị trường ngoại hối.

Biến động tỷ giá, đặc biệt là xu hướng tăng của USD là một trong những nguyên nhân dẫn đến gia tăng chi phí nhập khẩu nguyên phụ liệu và các khoản thanh toán bằng ngoại tệ của TDT. Đồng thời, rủi ro tỷ giá cũng có thể ảnh hưởng đến chi phí sản xuất, kế hoạch tài chính và hiệu quả hoạt động kinh doanh của TDT trong trường hợp tỷ giá biến động theo hướng bất lợi. Vì vậy, TDT cần theo dõi sát diễn biến tỷ giá, chủ động cân đối nguồn thu và chi ngoại tệ, xây dựng kế hoạch mua ngoại tệ phù hợp, đồng thời đa dạng hóa nguồn cung nguyên phụ liệu và tăng cường kiểm soát chi phí để hạn chế tác động bất lợi từ biến động tỷ giá.

04

RỦI RO
MÔI TRƯỜNG,
DỊCH BỆNH
THIÊN TAI

Các nhà máy của Công ty đặt tại tỉnh Thái Nguyên, khu vực có thể chịu ảnh hưởng của các hiện tượng thời tiết cực đoan, đặc biệt trong mùa mưa bão. Mưa lớn kéo dài hoặc lũ lụt cục bộ có thể ảnh hưởng đến cơ sở hạ tầng, hoạt động sản xuất cũng như hoạt động của chuỗi cung ứng.

Bên cạnh đó, hoạt động sản xuất của Công ty cũng có thể chịu ảnh hưởng từ các rủi ro dịch bệnh bất ngờ trong cộng đồng. Trường hợp dịch bệnh bùng phát trên diện rộng dẫn đến việc thiếu hụt lao động tạm thời làm ảnh hưởng đến tiến độ sản xuất và giao hàng của Công ty.

Ngoài ra, ngành dệt may cũng chịu sự giám sát ngày càng chặt chẽ về các yêu cầu bảo vệ môi trường, đặc biệt liên quan đến xử lý nước thải, khí thải và quản lý chất thải trong quá trình sản xuất. Việc các quy định pháp luật về môi trường ngày càng được siết chặt khi Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 và các Nghị định liên quan đang có hiệu lực, sẽ khiến doanh nghiệp phát sinh thêm chi phí đầu tư cho hệ thống xử lý và quản lý môi trường, từ đó ảnh hưởng nhất định đến chi phí hoạt động của Công ty.

Trên cơ sở kinh nghiệm thực tiễn trong việc ứng phó với các rủi ro nêu trên, Công ty cần chủ động xây dựng và triển khai các kế hoạch phòng ngừa, ứng phó rủi ro một cách chi tiết và phù hợp, nhằm hạn chế tối đa tác động bất lợi và nâng cao khả năng duy trì hoạt động ổn định trước các tình huống bất thường.

05

RỦI RO
PHÁP LÝ

Hiện nay, TDT đang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội nên chịu sự điều chỉnh bởi Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các quy định pháp luật liên quan. Trong năm 2025, khung pháp lý đối với công ty đại chúng tiếp tục được hoàn thiện với nhiều thay đổi quan trọng, bao gồm Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp số 76/2025/QH15, Nghị định số 245/2025/NĐ-CP, các quy định liên quan đến thuế, kế toán, kiểm toán và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Các quy định mới này hướng tới việc tăng cường tính minh bạch, nâng cao chuẩn mực quản trị doanh nghiệp, trách nhiệm của Hội đồng quản trị, Ban điều hành và các cá nhân có liên quan, đồng thời yêu cầu doanh nghiệp niêm yết từng bước chuẩn hóa hệ thống kế toán, báo cáo tài chính theo các thông lệ quốc tế.

Những thay đổi trong khung pháp lý làm gia tăng yêu cầu tuân thủ đối với TDT trong các lĩnh vực như quản trị doanh nghiệp, kiểm soát nội bộ, công bố thông tin, kế toán và báo cáo tài chính. Điều này dẫn đến Công ty bắt buộc phải có những điều chỉnh quy trình quản trị và hệ thống quản lý để đáp ứng các quy định mới, doanh nghiệp có thể đối mặt với các rủi ro pháp lý, phát sinh chi phí tuân thủ cao hơn cũng như ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động quản trị và điều hành. Bên cạnh đó, việc áp dụng các chuẩn mực quản trị và báo cáo mới cũng đòi hỏi Công ty phải đầu tư thêm nguồn lực về nhân sự, hệ thống quản lý và công nghệ nhằm đảm bảo tuân thủ đầy đủ các yêu cầu pháp lý và duy trì sự minh bạch trong hoạt động của doanh nghiệp niêm yết. Vì vậy, TDT cần chủ động rà soát Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị, hệ thống tài chính – kế toán và công bố thông tin để đảm bảo tuân thủ đầy đủ, kịp thời các quy định mới, hạn chế rủi ro pháp lý và nâng cao năng lực quản trị trong bối cảnh môi trường pháp lý ngày càng chặt chẽ.

06

RỦI RO
NGUYÊN VẬT LIỆU

Với định hướng gia tăng tỷ trọng các đơn hàng FOB đồng nghĩa với việc Công ty phải chủ động nhiều hơn trong hoạt động thu mua và quản lý nguyên vật liệu, từ đó đối mặt với những biến động giá cả, chất lượng đầu vào, tiến độ giao hàng và khả năng gián đoạn chuỗi cung ứng trong bối cảnh bất ổn địa chính trị và chiến tranh thương mại hiện nay. Để hạn chế rủi ro này, TDT cần chủ động tìm kiếm và đa dạng hóa nguồn cung nguyên liệu, tăng cường hợp tác với các nhà cung cấp trong nước, đồng thời chủ động tìm kiếm các nguyên phụ liệu khác phù hợp với đặc thù sản xuất và Ban lãnh đạo cần có các chính sách phù hợp trong việc cân đối nguyên liệu trong sản xuất nhằm tránh gặp bất ngờ khi gặp hiện tượng đứt gãy chuỗi cung ứng.



CHƯƠNG

03

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

42 Tình hình sản xuất kinh doanh

46 Tổ chức và nhân sự

50 Tình hình đầu tư và thực hiện dự án

50 Tình hình tài chính

52 Cơ cấu cổ đông và thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu

TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH

Thông tin ngành

Theo số liệu tại Tổng cục Hải quan, năm 2025, tổng trị giá xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ đạt 153,18 tỷ USD, tăng 28,2%, tương ứng tăng tới 33,66 tỷ USD so với năm trước. Xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ trong năm 2025 tăng mạnh ở nhiều nhóm hàng, trong đó có ngành hàng dệt may. Theo ghi nhận, chỉ riêng tháng 12/2025, xuất khẩu hàng dệt may đạt 3,65 tỷ USD, tăng 22,9% so với tháng trước. Tính chung, trị giá xuất khẩu hàng dệt may trong năm 2025 đạt 39,64 tỷ USD, tăng 7% (tương ứng tăng 2,6 tỷ USD) so với năm trước. Trong năm 2025, xuất khẩu nhóm hàng dệt may sang Hoa Kỳ đạt 17,88 tỷ USD, tăng 10,7% (tương ứng tăng 1,73 tỷ USD); EU (27 nước) đạt 4,79 tỷ USD, tăng 10,7% (tương ứng tăng 462 triệu USD); Nhật Bản đạt 4,6 tỷ USD, tăng 6,1% (tương ứng tăng 266 triệu USD) và Hàn Quốc đạt 2,89 tỷ USD, giảm 8,4% (tương ứng giảm 263 triệu USD) so với năm trước.

Hoa Kỳ và Liên minh châu Âu là hai thị trường xuất khẩu hàng may mặc lớn nhất của Việt Nam. Năm 2025, một sự kiện quan trọng đã tác động mạnh đến kinh tế toàn cầu, trong đó có ngành may mặc, là việc Hoa Kỳ áp dụng chính sách thuế quan mới. Trước nguy cơ gia tăng chi phí do thuế, các nhãn hàng tại Hoa Kỳ đã chủ động đẩy mạnh nhập khẩu từ Việt Nam nhằm giảm thiểu rủi ro, khiến số lượng đơn hàng tập trung chủ yếu vào nửa đầu năm 2025. Dưới tác động của chính sách thuế quan, các doanh nghiệp trong ngành may mặc đã tăng cường giao hàng sớm và nhập khẩu nguyên phụ liệu trước thời điểm thuế mới có hiệu lực, góp phần làm gia tăng kim ngạch và khối lượng đơn hàng trong giai đoạn đầu năm. Đồng thời, sự thay đổi này cũng tạo ra những tác động đáng kể đến chuỗi cung ứng toàn cầu. Với lợi thế về mức thuế suất tương đối thấp (khoảng 20%), cùng việc tham gia nhiều hiệp định thương mại tự do, môi trường chính trị – kinh tế ổn định và năng lực sản xuất ngày càng được nâng cao, Việt Nam đã trở thành điểm đến hấp dẫn của nhiều nhãn hàng may mặc lớn. Nhờ đó, chuỗi cung ứng ngành may mặc có xu hướng dịch chuyển dần về Việt Nam.



Kết quả sản xuất kinh doanh so với kế hoạch

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	KH năm 2025	TH năm 2025	TH năm 2025/ KH năm 2025 (%)
Tổng doanh thu	635,8	628,2	98,80%
Lợi nhuận trước thuế	41,76	20,04	47,99%

Năm 2025, doanh thu của Công ty đạt 628,2 tỷ đồng, tương đương gần 99% kế hoạch đề ra. Lợi nhuận trước thuế đạt hơn 20 tỷ đồng. Kết quả này chịu ảnh hưởng bởi các rào cản thuế quan của Hoa Kỳ - thị trường xuất khẩu chính của Công ty, ảnh hưởng của thuế quan dẫn tới một số đơn hàng đã hoàn tất sản xuất trong kỳ nhưng chưa được ghi nhận doanh thu do chưa thực hiện xuất hàng trong Quý IV/2025, dự kiến sẽ được chuyển sang ghi nhận trong tháng 01 năm 2026. Diễn biến này mang tính chất dịch chuyển thời điểm ghi nhận doanh thu, không phản ánh sự suy giảm về nhu cầu thị trường hay năng lực sản xuất – kinh doanh của Công ty. Do đó, kết quả kinh doanh của Quý IV/2025 có sự biến động nhẹ khi so sánh theo từng quý, nhưng không ảnh hưởng đáng kể đến xu hướng tăng trưởng chung, bên cạnh đó những tác động bất lợi từ thiên tai trong năm cũng ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh của TDT.

Mặc dù chưa hoàn thành kế hoạch nhưng điều đáng ghi nhận là so với năm 2024, kết quả kinh doanh của TDT vẫn duy trì xu hướng tăng trưởng.



Kết quả kinh doanh qua các năm

Đơn vị: Đồng

Chỉ tiêu	2024	2025	tăng giảm 2025/2024 (%)
Doanh thu thuần	563.129.638.093	628.215.172.303	11,56%
Giá vốn hàng bán	429.516.186.006	473.275.333.605	10,19%
Lợi nhuận trước thuế	16.380.558.517	20.036.133.726	22,32%
Lợi nhuận sau thuế	14.794.749.264	17.169.621.979	16,05%

Nhìn chung, kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025 của Công ty ghi nhận sự tăng trưởng tích cực so với năm 2024, phản ánh xu hướng phát triển và nâng cao hiệu quả vận hành. Cụ thể:

Doanh thu thuần năm 2025 đạt 628.215.172.303 đồng, tăng 11,56% so với năm 2024. Giá vốn hàng bán năm 2025 tăng 10,19% thấp hơn tốc độ tăng doanh thu, qua đó góp phần cải thiện biên lợi nhuận gộp của Công ty. Lợi nhuận trước thuế năm 2025 tăng 22,32% so với năm 2024. Lợi nhuận sau thuế đạt 17.169.621.979 đồng tăng 16,05% so với năm 2024.

Trong năm Công ty đã có những giải pháp điều hành linh hoạt trong bối cảnh toàn cầu còn nhiều biến động khó lường, hiệu quả trong việc đảm bảo nguồn cung nguyên vật liệu, kiểm soát chi phí đầu vào và nâng cao năng suất lao động. Qua đó, không chỉ duy trì đà tăng trưởng doanh thu mà còn cải thiện rõ rệt khả năng sinh lời, tạo nền tảng tài chính vững chắc cho các năm tiếp theo.

Cơ cấu doanh thu, lợi nhuận

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	2024	Tỷ trọng	2025	Tỷ trọng
Doanh thu thuần từ hoạt động gia công	401,71	71%	459,70	73,18%
Doanh thu thuần từ hoạt động sản xuất thành phẩm nguyên chiếc	161,41	29%	168,52	26,82%
Tổng cộng	563,12	100%	628,22	100%

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	2024	Tỷ trọng	2025	Tỷ trọng
Doanh thu từ thị trường nội địa	17,04	3%	49,53	7,88%
Doanh thu từ thị trường xuất khẩu	546,08	97%	578,69	92,12%
Tổng cộng	563,12	100%	628,22	100%

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	2024	Tỷ trọng	2025	Tỷ trọng
Lãi gộp hoạt động gia công	97,81	73%	106,46	68,71%
Lãi gộp hoạt động sản xuất sản phẩm nguyên chiếc	35,80	27%	48,48	31,29%
Tổng cộng	133,61	100%	154,94	100%

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	2024	Tỷ trọng	2025	Tỷ trọng
Lãi gộp từ thị trường nội địa	6,02	5%	8,58	5,54%
Lãi gộp từ thị trường xuất khẩu	127,60	95%	146,36	94,46%
Tổng cộng	133,61	100%	154,94	100%

Mặc dù tỷ trọng doanh thu từ các đơn hàng FOB có xu hướng giảm nhẹ so với năm trước, song doanh thu từ cả hai loại hình sản xuất là CMT và FOB đều ghi nhận mức tăng trưởng tích cực. Song song với sự gia tăng về doanh thu, lãi gộp từ cả hai loại hình cũng tăng trưởng tương ứng. Mặc dù định hướng gia tăng tỷ trọng các đơn hàng FOB chưa đạt được như kế hoạch ban đầu, trong bối cảnh thị trường năm 2025 còn nhiều biến động và thách thức, việc Công ty chủ động ưu tiên đáp ứng nhu cầu từ các khách hàng hiện hữu đã góp phần duy trì dòng tiền ổn định, hạn chế rủi ro và đảm bảo an toàn tài chính.

Xét theo thị trường tiêu thụ, doanh thu của Công ty trong năm 2025 vẫn chủ yếu đến từ thị trường xuất khẩu, với giá trị đạt 578,69 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng trên 90% tổng doanh thu. Bên cạnh đó, Công ty trong năm 2025 tiếp tục mở rộng doanh thu đối với các đối tác trong nước khi doanh thu đến từ thị trường này cải thiện nhẹ. Vì vậy, lãi gộp của Công ty trong năm 2025 đều tăng.

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Danh sách Ban điều hành

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Trình độ chuyên môn	Ngày sinh
1	Ông Nguyễn Việt Thắng	Tổng Giám đốc	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh	24/07/1975
2	Ông Nguyễn Văn Bằng	Phó Tổng Giám đốc	Cử nhân Luật Quốc tế	25/04/1977
3	Ông Đặng Quang Huy	Phó Tổng Giám đốc	Cử nhân Kỹ thuật	02/11/1977
4	Ông Phạm Thái Hòa	Phó Tổng Giám đốc	Cử nhân Kinh tế	20/09/1982
5	Bà Nguyễn Thúy Nga	Kế toán trưởng	Cử nhân Kinh tế	24/10/1992

i Ghi chú: Lý lịch của các thành viên Ban điều hành đã được trình bày tại mục “Giới thiệu Ban lãnh đạo”

Những thay đổi của Ban điều hành trong năm 2025

- ✓ Miễn nhiệm chức vụ Kế toán trưởng của ông Phạm Thái Hòa và bổ nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc (theo Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐQT ngày 15/11/2025).
- ✓ Bổ Nhiệm bà Nguyễn Thúy Nga vào chức vụ Kế toán trưởng (theo Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐQT ngày 15/11/2025).



Cơ cấu nhân sự

STT	Tiêu chí	Diễn giải	Năm 2024	Năm 2025
I	Theo trình độ lao động	Cao đẳng và Đại học	104	141
		Trung cấp chuyên nghiệp	46	44
		Sơ cấp nghề	6	3
		Lao động phổ thông	2027	2179
II	Theo đối tượng lao động	Lao động trực tiếp	1550	1643
		Lao động gián tiếp và phụ trợ	633	724
III	Theo giới tính	Nam	633	511
		Nữ	1550	1856
IV	Theo độ tuổi	Dưới 25 tuổi	341	125
		Từ 25 đến 40 tuổi	1.324	1396
		Trên 40 tuổi	518	846
V	Theo thời gian làm việc tại Công ty	Dưới 1 năm	494	485
		Từ 1 đến 3 năm	746	799
		Không xác định thời hạn	943	1083
Tổng cộng			2.183	2.367

- ✓ Số lượng cán bộ nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2025 là 2367 người.
- ✓ Mức thu nhập bình quân của người lao động năm 2025: gần 10,7 triệu đồng/tháng.

Chính sách đào tạo và phát triển nhân viên

Công ty đặt mục tiêu xây dựng đội ngũ nhân sự chất lượng cao thông qua các chính sách đào tạo và phát triển nhân viên hiệu quả. Công ty luôn chú trọng việc xây dựng một môi trường làm việc chuyên nghiệp, sáng tạo và nhân văn. Thực hiện các chương trình đào tạo và phát triển nguồn nhân lực không ngừng nâng cao tay nghề, chuyên môn và kỹ năng của đội ngũ lao động. Để thu hút và giữ chân người lao động có chất lượng cao gắn bó lâu dài với công ty. TDT đã và đang thực hiện chính sách lương, thưởng và phúc lợi phù hợp, TDT quan tâm đến việc đào tạo công nhân chưa có tay nghề, giúp họ nhanh chóng ổn định việc làm, hòa nhập và đóng góp hiệu quả vào hoạt động sản xuất. Song song với việc đào tạo lao động mới, TDT cũng rất chú trọng đến việc nâng cao năng lực trình độ cho đội ngũ cán bộ quản lý và các phòng ban chuyên môn qua các khóa đào tạo nội bộ và nâng cao do các đơn vị đào tạo uy tín tổ chức.

Chính sách tuyển dụng nhân viên

Doanh nghiệp thực hiện tuyển dụng dựa trên các nguyên tắc như công khai, minh bạch, công bằng và lựa chọn đúng người, đúng việc. Việc tuyển dụng phải đảm bảo đáp ứng nhu cầu nhân lực và phù hợp với chiến lược phát triển của doanh nghiệp. Ngoài ra, cam kết về mức thu nhập tối thiểu trong 3 tháng mới hòa nhập. Thưởng cho người giới thiệu lao động vào làm việc. Hỗ trợ 100% chi phí phát sinh (nếu có) khi chấm dứt Hợp đồng lao động tại đơn vị cũ.

Chế độ làm việc

Chế độ làm việc tại Công ty thường được xây dựng dựa trên các quy định của pháp luật lao động và chính sách nội bộ của công ty, bao gồm các nội dung chính sau: Giờ làm việc: Thông thường từ 7h30 - 17h30 (đã bao gồm tăng ca 01 tiếng), nghỉ trưa 1 tiếng. Số ngày làm việc là 5.5 - 6 ngày/tuần tùy theo vị trí công việc và đặc thù sản xuất. Việc tăng ca được thực hiện căn cứ theo nhu cầu sản xuất và được tính lương theo quy định của Công ty và pháp luật lao động hiện hành. Chế độ lương, thưởng bao gồm: Lương cơ bản và các khoản phụ cấp theo vị trí, thưởng định kỳ theo kết quả kinh doanh (tháng, quý, năm), thưởng các ngày lễ, Tết, thưởng kế dư. Đồng thời, Công ty có các chính sách tăng lương hàng năm theo đánh giá năng lực.

Chính sách đãi ngộ phúc lợi

Người lao động được tuyển dụng tại Công ty được tham gia đóng Bảo hiểm xã hội. Y tế, thất nghiệp đầy đủ theo quy định của nhà nước và được bảo lưu mức đóng Bảo hiểm theo bậc thợ của từng cá nhân nếu đã tham gia đóng BHXH từ trước. Được hưởng tháng lương thứ 13, thưởng chuyên cần, thưởng chiến sĩ thi đua, thưởng lao động giỏi. Được hưởng các khoản phúc lợi khác theo quy định như: Tham quan, học tập....

Môi trường làm việc

Môi trường làm việc mà Công ty hướng đến với các tiêu chí chuyên nghiệp, năng động, có cơ hội thăng tiến rõ ràng. Văn hóa doanh nghiệp khuyến khích sáng tạo và đóng góp. Chính sách đãi ngộ tốt cho nhân viên có năng lực và gắn bó lâu dài.



TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN DỰ ÁN

Các khoản đầu tư lớn năm 2025

Trong năm công ty có dự án đầu tư mở rộng Chi nhánh may TDT Đại Từ, hiện đang trong quá trình xin cấp phép chấp thuận chủ trương đầu tư.



Công ty con, Công ty Liên kết

Tính đến hết năm 2025, Công ty không có công ty con, công ty liên kết.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài chính

Tổng giá trị tài sản (Đồng)		Doanh thu thuần (Đồng)	
2024	<div></div> 615.181.871.309	2024	<div></div> 563.129.638.093
2025	<div></div> 664.668.291.093	2025	<div></div> 628.215.172.303
▲ 8,04%		▲ 11,56%	

Lợi nhuận thuần từ HĐKD (Đồng)		Lợi nhuận khác (Đồng)	
2024	<div></div> 15.847.819.562	2024	<div></div> 532.738.955
2025	<div></div> 19.300.446.478	2025	<div></div> 735.687.248
▲ 21,79%		▲ 38,10%	

Lợi nhuận trước thuế (Đồng)		Lợi nhuận sau thuế (Đồng)	
2024	<div></div> 16.380.558.517	2024	<div></div> 14.794.749.264
2025	<div></div> 20.036.133.726	2025	<div></div> 17.169.621.979
▲ 22,32%		▲ 16,05%	

Năm 2025, tổng tài sản của Công ty đạt 664,7 tỷ đồng, tăng 8,04%, quy mô tiếp tục được mở rộng. Doanh thu thuần đạt 628,2 tỷ đồng, tăng 11,56%, hoạt động kinh doanh hiệu quả và sản lượng tiêu thụ gia tăng. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh đạt 19,3 tỷ đồng, tăng 21,79%, chủ yếu nhờ tăng trưởng doanh thu, dù chi phí bán hàng và quản lý tăng 20,14% do chi phí nhân sự và tài chính gia tăng. Lợi nhuận khác tăng 38,10% nhờ thanh lý tài sản và thu phí sửa hàng. Kết quả, lợi nhuận sau thuế đạt 17,17 tỷ đồng, tăng 16,05% so với năm 2024, thuộc nhóm cao nhất giai đoạn 2021-2025.

Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (%)

2024	<div></div>	80,76%
2025	<div></div>	111,34% ^(*)
		▲ 37,87%

(*) Theo tài liệu ĐHĐCĐ đã được Công bố trên Website của Công ty HĐQT công ty dự kiến chi trả cổ tức bằng tiền với mức cổ tức tương ứng là 8%. Hội đồng quản trị dự kiến trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 thông qua mức cổ tức này.

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu về khả năng thanh toán (Lần)

	Năm 2024	Năm 2025
Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,43	1,39
Hệ số thanh toán nhanh	0,43	0,433

Trong năm 2025, hệ số thanh toán ngắn hạn của Công ty tuy ghi nhận giảm nhẹ so với năm trước nhưng vẫn duy trì ở mức an toàn, đảm bảo khả năng đáp ứng các nghĩa vụ nợ ngắn hạn. Bên cạnh đó, hệ số thanh toán nhanh cũng có xu hướng giảm, chủ yếu do hàng tồn kho tăng 10,66% so với cùng kỳ. Sự gia tăng hàng tồn kho xuất phát từ việc Công ty chủ động dự báo biến động giá nguyên vật liệu đầu vào, qua đó thực hiện tích trữ nhằm ổn định chi phí sản xuất và đảm bảo nguồn cung cho hoạt động kinh doanh.

Chỉ tiêu về năng lực hoạt động (Vòng)

	Năm 2024	Năm 2025
Vòng quay hàng tồn kho	1,430	1,433
Vòng quay tổng tài sản	0,92	0,98

Trong năm 2025, trong bối cảnh kinh tế thế giới còn nhiều biến động, các chỉ tiêu vòng quay hàng tồn kho và vòng quay tổng tài sản của Công ty ghi nhận sự tăng trưởng so với năm trước. Kết quả này phản ánh hiệu quả trong công tác quản trị tài sản và tối ưu hóa hoạt động sản xuất kinh doanh, đồng thời cho thấy định hướng điều hành

Chỉ tiêu về cơ cấu vốn (Lần)

	Năm 2024	Năm 2025
Hệ số nợ/ Tổng tài sản	0,55	0,57
Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	1,20	1,34

Các hệ số nợ trên tổng tài sản và nợ trên vốn chủ sở hữu có sự gia tăng chủ đến từ sự tăng mạnh 14,66% của nợ ngắn hạn, trong đó nổi bật với các khoản phải trả người bán tăng 130.21%, Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước tăng 80,86%. Ở chiều ngược lại, Vay và nợ thuê tài chính giảm 7,59%. Điều này xảy ra vì Công ty trong năm 2025 đang chuyển dịch dần sang sử dụng các biện pháp đòn bẩy tài chính ngắn hạn.

Chỉ tiêu về khả năng sinh lời (%)

	Năm 2024	Năm 2025
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	2,63%	2,73%
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	5,43%	6,09%
Hệ số LNST/ TTS	1,96%	2,68%
Hệ số lợi nhuận từ HĐKD/ DTT	2,81%	3,07%

Trong năm, các chỉ tiêu về khả năng sinh lời của Công ty được cải thiện rõ rệt, thể hiện qua mức tăng trưởng tích cực của các chỉ tiêu lợi nhuận. Đáng chú ý, khi hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như công tác kiểm soát chi phí và tối ưu hóa nguồn lực được thắt chặt lợi nhuận của Công ty trong năm 2025 ghi nhận mức tăng cao nhất trong ba năm gần đây.

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Cổ phần



✔ Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của Công ty là 49% theo Công văn của UBCKNN số 4308/UBCK-PTTT ngày 05/08/2021).

Cổ phiếu quỹ

Trong năm công ty không phát sinh giao dịch cổ phiếu quỹ.

Chứng khoán khác

Trong năm công ty không phát hành các chứng khoán khác.

Cơ cấu cổ đông

Cổ đông	Số lượng cổ phần	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Số lượng cổ đông
I. Cổ đông trong nước, nước ngoài				
1. Trong nước	23.885.083	238.850.830.000	99,95%	1.537
2. Nước ngoài	11.451	114.510.000	0,05%	8
II. Cổ đông cá nhân, tổ chức				
1. Cổ đông cá nhân	23.740.406	237.404.060.000	99,35%	1.543
2. Cổ đông tổ chức	156.128	1.561.280.000	0,65%	2
III. Cổ đông Nhà nước, cổ đông khác				
1. Cổ đông Nhà nước	0	0	0%	0
2. Cổ đông khác	23.896.534	238.965.340.000	100%	1.545
IV. Cổ đông lớn, cổ đông khác				
1. Cổ đông lớn	5.261.160	52.611.600.000	22,02%	2
2. Cổ đông khác	18.635.374	186.353.740.000	77,98%	1.543
Tổng cộng	23.896.534	238.965.340.000	100%	1.545

Danh sách cổ đông lớn

Tên tổ chức/ cá nhân	Số CMND/Hộ chiếu/ĐKKD	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ trên VDL
Chu Thuyên	027070008724	Đường Phan Đình Phùng, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên	3.721.720	15,57%
Nguyễn Việt Thắng	019075012744	P.Đồng Quang, Tp.Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên	1.539.440	6,44%

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Trong năm 2025, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển TDT không có sự thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

Thời điểm	Giá trị vốn tăng thêm (Đồng)	Vốn điều lệ sau khi tăng (Đồng)	Đơn vị cấp (*)	Hình thức tăng vốn
Tháng 03/2011	8.000.000.000	8.000.000.000	Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên	Góp vốn thành lập
Tháng 12/2011	4.000.000.000	12.000.000.000	Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên	Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu
Tháng 08/2012	4.000.000.000	16.000.000.000	Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên	Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu
Tháng 12/2014	10.400.000.000	26.400.000.000	Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên	Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và thực hiện ESOP
Tháng 01/2016	17.160.000.000	43.560.000.000	Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức và chào bán cho cổ đông hiện hữu
Tháng 08/2017	6.534.000.000	50.094.000.000	Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và phát hành từ nguồn vốn chủ sở hữu

Thời điểm	Giá trị vốn tăng thêm (Đồng)	Vốn điều lệ sau khi tăng (Đồng)	Đơn vị cấp (*)	Hình thức tăng vốn
Tháng 12/2017	30.056.400.000	80.150.400.000	Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên	Chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu
Tháng 08/2019	36.067.570.000	116.217.970.000	Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên Ủy ban Chứng khoán Nhà nước	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức và chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu
Tháng 07/2020	23.243.470.000	139.461.440.000	Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên Ủy ban Chứng khoán Nhà nước	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức
Năm 2021	73.905.880.000	213.367.320.000	Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên Ủy ban Chứng khoán Nhà nước	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP) và chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu
Năm 2022	25.598.020.000	238.965.340.000	Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên Ủy ban Chứng khoán Nhà nước	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức

(*)Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Thái Nguyên nay đổi thành Sở Tài chính tỉnh Thái Nguyên.



CHƯƠNG

04

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- 58 Đánh giá tổng quan kết quả sản xuất kinh doanh
- 59 Tình hình tài chính
- 61 Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
- 61 Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán
- 62 Các kế hoạch phát triển trong tương lai
- 62 Báo cáo liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

ĐÁNH GIÁ TỔNG QUAN KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH

Đánh giá tổng quan hoạt động sản xuất kinh doanh

Dưới sự nỗ lực và cố gắng của Ban lãnh đạo và toàn thể cán bộ công nhân viên công ty, Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển TDT đã đạt được kết quả:

Đơn vị: Tỷ đồng			
Chỉ tiêu	KH năm 2025	TH năm 2025	TH năm 2025/ KH năm 2025 (%)
Tổng doanh thu	635,8	628,2	98,80%
Lợi nhuận trước thuế	41,76	20,04	47,99%

Nhận xét: Năm 2025 Công ty đã nỗ lực duy trì quy mô doanh thu tương đối sát với kế hoạch đề ra, đạt 98,8%, trong bối cảnh thị trường còn nhiều khó khăn. Tuy nhiên, lợi nhuận trước thuế chưa đạt kỳ vọng, nguyên nhân đến từ áp lực chi phí gia tăng, biên lợi nhuận bị thu hẹp và những biến động bất lợi của thị trường. Kết quả này đặt ra yêu cầu trong thời gian tới Công ty cần tập trung mạnh mẽ hơn vào công tác kiểm soát chi phí, tối ưu hóa vận hành và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, qua đó cải thiện chất lượng tăng trưởng và đảm bảo hoàn thành các mục tiêu lợi nhuận đã đề ra.

Những tiến bộ công ty đạt được trong năm

Giữ ổn định và tăng trưởng lao động: Trong năm, Công ty chú trọng triển khai các chính sách tiền lương, phúc lợi và cải thiện môi trường làm việc nhằm thu hút và giữ chân người lao động. Nhờ đó, lực lượng lao động được duy trì ổn định và từng bước tăng trưởng, đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty.

Phát triển thêm được một số khách hàng FOB tiềm năng: Trong năm, Công ty đã mở rộng và phát triển thêm một số khách hàng FOB tiềm năng, góp phần đa dạng hóa nguồn đơn hàng và nâng cao giá trị gia tăng trong hoạt động sản xuất. Đây là nền tảng quan trọng để Công ty tiếp tục mở rộng hợp tác và gia tăng đơn hàng FOB trong năm 2026.

Củng cố tiêu chuẩn đánh giá, hệ thống nhà máy: TDT tiếp tục hoàn thiện và củng cố hệ thống tiêu chuẩn đánh giá, đồng thời nâng cao công tác quản lý và vận hành tại các nhà máy. Việc chuẩn hóa quy trình và tiêu chuẩn giúp nâng cao hiệu quả sản xuất, đảm bảo chất lượng sản phẩm, đồng thời tạo nền tảng để Công ty tự tin mở rộng hoạt động sản xuất trong thời gian tới.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài sản

Đơn vị: đồng				
Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	Chênh lệch	
			Số tiền	%
I. Tài sản ngắn hạn	449.613.307.903	503.400.375.334	53.787.067.431	11,96%
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	66.188.652.548	69.029.538.757	2.840.886.209	4,29%
2. Các khoản phải thu ngắn hạn	63.716.497.261	79.310.718.038	15.594.220.777	24,47%
3. Hàng tồn kho	313.521.911.320	346.953.279.488	33.431.368.168	10,66%
4. Tài sản ngắn hạn khác	6.186.246.774	8.106.839.051	1.920.592.277	31,05%
II. Tài sản dài hạn	165.568.563.406	161.267.915.759	-4.300.647.647	-2,60%
1. Các khoản phải thu dài hạn	7.768.744.531	7.832.392.481	63.647.950	0,82%
2. Tài sản cố định	152.927.908.026	149.244.895.031	-3.683.012.995	-2,41%
3. Tài sản dở dang dài hạn	2.178.848.532	1.871.143.402	-307.705.130	-14,12%
4. Tài sản dài hạn khác	2.693.062.317	2.319.484.845	-373.577.472	-13,87%
Tổng cộng tài sản	615.181.871.309	664.668.291.093	49.486.419.784	8,04%

Nhận xét: Cơ cấu tài sản của Công ty tại thời điểm 31/12/2025 có sự chuyển dịch theo hướng gia tăng tài sản ngắn hạn. Tổng tài sản đạt 664,67 tỷ đồng, tăng 8,04% so với đầu năm, trong đó tài sản ngắn hạn tăng 11,96% lên 503,40 tỷ đồng, chủ yếu nhờ sự gia tăng ở các khoản đang chú ý như tài sản ngắn hạn khác cũng tăng 31,05%, các khoản phải thu ngắn hạn tăng 24,47% và hàng tồn kho tăng 10,66%. Tiền và các khoản tương đương tiền tăng nhẹ 4,29%, với lý do ông ty chủ động duy trì mức dự trữ tiền hợp lý nhằm đảm bảo khả năng đáp ứng kịp thời các nghĩa vụ thanh toán ngắn hạn, qua đó nâng cao tính thanh khoản và mức độ an toàn tài chính trong hoạt động.

Ngược lại, tài sản dài hạn giảm 2,60% xuống còn 161,27 tỷ đồng, chủ yếu sự giảm sút ở các chỉ tiêu: Tài sản dở dang dài hạn và tài sản dài hạn khác. Nhìn chung, cơ cấu tài sản năm 2025 có xu hướng Công ty đang tập trung nhiều hơn vào tài sản ngắn hạn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, đồng thời có sự kiểm soát và tái cơ cấu các khoản đầu tư dài hạn nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.

Tình hình nợ phải trả

Chỉ tiêu	31/12/2025	31/12/2024	Chênh lệch	
			Số tiền	%
I. Nợ ngắn hạn	360.918.338.714	314.780.803.618	46.137.535.096	14,66%
1. Phải trả cho người bán	26.928.711.184	11.697.524.754	15.231.186.430	130,21%
2. Người mua trả tiền trước	608.785.508	6.090.853.332	-5.482.067.824	-90,00%
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	2.870.151.748	1.588.529.254	1.281.622.494	80,68%
4. Phải trả người lao động	24.136.348.490	19.239.545.593	4.896.802.897	25,45%
5. Chi phí phải trả	115.808.221	374.300.826	-258.492.605	-69,06%
6. Phải trả ngắn hạn khác	3.174.314.429	4.443.031.584	-1.268.717.155	-28,56%
7. Phải trả nội bộ ngắn hạn	-	-	-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	302.996.430.548	271.000.646.674	31.995.783.874	11,81%
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	87.788.586	346.371.601	-258.583.015	-74,65%
II. Nợ dài hạn	19.208.434.163	20.785.009.469	-1.576.575.306	-7,59%
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	19.208.434.163	20.785.009.469	-1.576.575.306	-7,59%

Nhận xét: Cơ cấu nguồn vốn của Công ty năm 2025 ghi nhận sự biến động theo hướng giảm nợ dài hạn và gia tăng nợ ngắn hạn. Cụ thể, nợ ngắn hạn đạt 360,92 tỷ đồng, tăng 14,66% so với đầu năm, chủ yếu do các chỉ tiêu tăng gồm: Phải trả cho người bán, Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước và Phải trả người lao động (khi số lượng Cán bộ công nhân viên đạt gần 2.400 người). Trong khi đó, các chỉ tiêu: Người mua trả tiền trước, Chi phí phải trả, Quỹ khen thưởng, phúc lợi có xu hướng giảm so với đầu năm.

Trong khi đó, nợ dài hạn giảm nhẹ 8,21% xuống 19,21 tỷ đồng, chủ yếu do giảm vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

- TDT đã thiết lập một cơ cấu tổ chức rõ ràng và hiệu quả: Công ty tiếp tục rà soát, hoàn thiện mô hình tổ chức theo hướng tinh gọn, phân định rõ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của từng bộ phận, qua đó nâng cao hiệu quả phối hợp trong công tác điều hành và quản lý. Cơ cấu tổ chức được xây dựng phù hợp với quy mô hoạt động và định hướng phát triển của Công ty, góp phần nâng cao hiệu quả quản trị và năng lực cạnh tranh.
- Tuân thủ các quy định pháp luật và nghĩa vụ công bố thông tin: Công ty thực hiện nghiêm túc các quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan. Đồng thời, Công ty đảm bảo thực hiện đầy đủ và kịp thời nghĩa vụ công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, góp phần nâng cao tính minh bạch trong hoạt động quản trị và củng cố niềm tin của cổ đông, nhà đầu tư.
- Chú trọng phát triển nguồn nhân lực và mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh: Công ty quan tâm đến công tác đào tạo, bồi dưỡng và phát triển đội ngũ cán bộ quản lý cũng như người lao động nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp và năng suất lao động. Song song với đó, Công ty tiếp tục đầu tư, mở rộng quy mô sản xuất, nâng cao năng lực đáp ứng nhu cầu của khách hàng và thị trường.
- Tăng cường hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước: Công ty tích cực xây dựng và phát triển mối quan hệ hợp tác với các đối tác, khách hàng trong và ngoài nước nhằm mở rộng thị trường, đa dạng hóa nguồn đơn hàng và nâng cao chất lượng sản phẩm. Việc hợp tác với các đối tác uy tín cũng góp phần giúp Công ty tiếp cận các tiêu chuẩn sản xuất tiên tiến và nâng cao vị thế trong chuỗi cung ứng toàn cầu.

GIẢI TRÌNH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Không có

CÁC KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Trong thời gian tới, Công ty định hướng duy trì tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận trên nền tảng hiệu quả và bền vững; đồng thời phát triển nguồn nhân lực, nâng cao thu nhập và chế độ đãi ngộ cho người lao động. Bên cạnh đó, Công ty tiếp tục đầu tư nâng cấp nhà máy theo hướng xanh, hiện đại và đẩy mạnh chuyển đổi số nhằm nâng cao năng lực vận hành và sức cạnh tranh.

BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường

Công ty đã thực hiện tuân thủ nghiêm túc các quy định về bảo vệ môi trường, đồng thời duy trì đầy đủ công tác quan trắc định kỳ và báo cáo theo quy định với cơ quan chức năng. Tại các nhà máy, hệ thống đo lường nước thải và mức tiêu thụ năng lượng được trang bị đầy đủ, các số liệu được theo dõi và quản lý bởi cán bộ chuyên trách. Bên cạnh đó, Công ty chủ động triển khai các giải pháp sử

dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả thông qua đầu tư công nghệ phù hợp, tối ưu vận hành máy móc, thiết bị và nâng cao hiệu suất sử dụng điện trong quá trình sản xuất. Những kết quả đạt được cho thấy nỗ lực của Công ty trong việc bảo vệ môi trường và tạo ra môi trường làm việc thân thiện, an toàn cho toàn bộ CBCNV của Công ty.



Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Công ty luôn cam kết đảm bảo quyền lợi cho người lao động, đồng thời tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ Luật Lao động và các hợp đồng lao động đã ký kết. Quyền lợi của cán bộ công nhân viên được bảo vệ và đảm bảo thông qua các chế độ đãi ngộ hợp lý, bao gồm lương, phúc lợi, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Công ty luôn coi trọng và duy trì một môi trường làm việc công bằng, minh bạch, đồng thời không ngừng cải thiện các điều kiện làm việc, đảm bảo sự phát triển bền vững của lực lượng lao động. Các chính sách đào tạo, phát triển nghề nghiệp và thăng tiến được triển khai để tạo cơ hội cho người lao động nâng cao kỹ năng và đóng góp tích cực vào sự phát triển chung của công ty.



Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Trong những năm qua, Công ty đã có những đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế của địa phương, không chỉ thông qua việc đóng góp vào GDP mà còn bằng việc tạo ra hàng nghìn cơ hội việc làm ổn định cho người lao động. Công ty cố gắng tối đa duy trì và phát triển các hoạt động sản xuất, qua đó góp phần thúc đẩy nền kinh tế địa phương và các khu vực lân cận.

Bên cạnh đó, Công ty luôn chú trọng đến việc phát triển bền vững trong cộng đồng, tham gia vào các hoạt động xã hội và hỗ trợ các chương trình an sinh, giáo dục và y tế tại địa phương và các vùng còn đặc biệt khó khăn, nhằm cải thiện đời sống và nâng cao chất lượng sống cho người dân.





ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- 66 Đánh giá của Hội đồng quản trị về mọi mặt của Công ty
- 67 Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc
- 67 Kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ MỌI MẶT CỦA CÔNG TY

Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh

Đơn vị: Tỷ đồng			
Chỉ tiêu	KH năm 2025	TH năm 2025	TH năm 2025/ KH năm 2025 (%)
Tổng doanh thu	635,8	628,2	98,80%
Lợi nhuận trước thuế	41,76	20,04	47,99%

Trong năm 2025: Công ty đã đạt được những kết quả sau: Hoàn thành các nội dung tại Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2025 giao phó; Định hướng đơn hàng và các chế độ chính sách tiền lương, phúc lợi cho cán bộ công nhân viên.

Đánh giá các mặt hoạt động khác của công ty

Trong năm 2025, Hội đồng Quản trị thực hiện một cách cẩn trọng, nghiêm túc các công tác quản trị doanh nghiệp, phát triển thương hiệu, quan hệ nhà đầu tư, chiến lược kinh doanh... theo đúng phạm vi quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng Quản trị quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty. Hội đồng Quản trị đã phân công nhiệm vụ rõ ràng, cụ thể cho từng thành viên, đồng thời tăng cường vai trò tham mưu, hỗ trợ của đội ngũ cán bộ quản lý nhằm nâng cao hiệu quả quản lý. Bên cạnh đó, các thành viên Hội đồng Quản trị luôn chú trọng duy trì sự hài hòa giữa lợi ích của Công ty và quyền lợi của người lao động, góp phần tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển bền vững.

Đánh giá của Hội đồng quản trị liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội

Hội đồng quản trị đánh giá Công ty đã thực hiện nghiêm túc các quy định về bảo vệ môi trường, phù hợp với định hướng phát triển bền vững đã đề ra. Công ty từng bước áp dụng công nghệ và giải pháp quản lý phù hợp nhằm kiểm soát nguồn tài nguyên sử dụng, qua đó góp phần nâng cao hiệu quả bảo vệ môi trường và tạo nền tảng cho sự phát triển bền vững trong dài hạn. Bên cạnh đó, Công ty luôn chú trọng thực hiện trách nhiệm xã hội, chủ động phối hợp với địa phương triển khai các hoạt động cộng đồng thiết thực, thể hiện quan điểm phát triển không chỉ gắn với hiệu quả kinh doanh mà còn đi đôi với trách nhiệm đối với xã hội và cộng đồng.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Trên cơ sở giám sát, HĐQT đánh giá Ban Tổng Giám đốc và Ban điều hành đã có nhiều nỗ lực trong việc duy trì ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh, chủ động triển khai các giải pháp tìm kiếm đơn hàng, giữ ổn định và phát triển lao động, kiểm soát hoạt động tại các đơn vị và từng bước cải thiện hệ thống quản trị. Tuy nhiên, vẫn còn một số tồn tại cần khắc phục: Một số chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh chưa hoàn thành, năng suất lao động chưa đạt yêu cầu, chất lượng nguồn nhân lực quản lý sản xuất, kỹ thuật, công nghệ còn hạn chế, công tác điều hành tại một số bộ phận, đơn vị chưa thật sự đồng bộ và quyết liệt.

KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Mục tiêu và kế hoạch năm 2026

Trong năm 2026, Công ty đặt mục tiêu tiếp tục duy trì đà tăng trưởng bền vững, tập trung nâng cao doanh thu và lợi nhuận thông qua việc mở rộng thị trường, tối ưu hóa hoạt động sản xuất kinh doanh và gia tăng hiệu quả quản trị. Đồng thời, Công ty định hướng phát triển nguồn nhân lực cả về quy mô và chất lượng, từng bước nâng cao thu nhập, cải thiện chế độ đãi ngộ nhằm đảm bảo đời sống và gắn kết lâu dài của người lao động. Bên cạnh đó, Công ty sẽ đẩy mạnh đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng, cải tiến công nghệ sản xuất theo hướng hiện đại, thân thiện với môi trường, hướng tới xây dựng mô hình nhà máy xanh, đồng thời thúc đẩy quá trình chuyển đổi số nhằm nâng cao năng lực vận hành và sức cạnh tranh trong giai đoạn mới.

Chỉ tiêu kế hoạch năm 2026

Đơn vị: Tỷ đồng			
Chỉ tiêu	KH năm 2026	TH năm 2025	Tỷ lệ (%)
Tổng doanh thu	781,1	628,2	24,34%
Lợi nhuận trước thuế	51,63	20,04	157,63%

Phương hướng thực hiện

Công ty tiếp tục duy trì và phát triển khách hàng hiện có, đồng thời mở rộng khách hàng mới phù hợp năng lực sản xuất. Doanh nghiệp tập trung phát triển đơn hàng FOB theo hướng hiệu quả, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm và hiện đại hóa thiết bị. Song song đó, Công ty đẩy mạnh chuyển đổi số, đào tạo nhân sự, cải thiện môi trường làm việc và đảm bảo phúc lợi người lao động. Đồng thời, tăng cường quản trị rủi ro, kiểm soát chi phí, nâng cao hiệu quả quản trị và chuẩn bị mở rộng năng lực sản xuất trong thời gian tới.



CHƯƠNG

06

QUẢN TRỊ CÔNG TY

- 70 Hội đồng quản trị
- 73 Ban kiểm soát
- 74 Giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BKS, BTGD
- 76 Tăng cường quản trị công ty

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên Hội đồng quản trị

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Số CP sở hữu (CP phổ thông)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Ông Chu Thuyên	Chủ tịch HĐQT	3.721.720	15,57%
2	Ông Nguyễn Việt Thắng	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	1.539.440	6,44%
3	Ông Nguyễn Văn Bằng	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	108.600	0,45%
4	Ông Phạm Thái Hòa	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	556.676	2,33%
5	Ông Dương Ngọc Hải	Thành viên HĐQT độc lập	73.942	0,31%
6	Ông Đỗ Mạnh Hùng	Thành viên HĐQT độc lập	3.129	0,01%
7	Ông Phan Mạnh Hà	Thành viên HĐQT độc lập	0	0%

i Lý lịch các thành viên Hội đồng quản trị đã được trình bày ở mục “Hội đồng quản trị”

Tiểu ban trực thuộc HĐQT

Điều hành Website và thường xuyên cập nhật thông tin của Công ty để nhà đầu tư dễ dàng tìm hiểu, cung cấp Báo cáo tài chính, Báo cáo tình hình quản trị Công ty, các tài liệu, thông tin quan trọng cần Công bố thông tin theo quy định của pháp luật về Công bố thông tin cho Ủy ban chứng khoán nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty: <http://www.tdtgroup.vn>



Tổ chức tiếp đón và trả lời những thắc mắc, yêu cầu của nhà đầu tư.

Tham mưu cho Lãnh đạo Công ty tổ chức Đại hội đồng cổ đông theo đúng quy định của pháp luật.

Chịu trách nhiệm về các vấn đề liên quan đến thủ tục phát hành chứng khoán, tăng vốn điều lệ, trả cổ phiếu thưởng, trả cổ tức bằng cổ phiếu, tham mưu cho lãnh đạo Công ty lựa chọn các đơn vị tư vấn phù hợp.



Tìm hiểu các vấn đề cổ đông bên ngoài thường thắc mắc để tham mưu cho Lãnh đạo Công ty có hướng giải quyết, thực hiện các công việc phát sinh khác.

Đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị

STT	Họ và Tên	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Ông Chu Thuyên	5/5	100%
2	Ông Nguyễn Việt Thắng	5/5	100%
3	Ông Nguyễn Văn Bằng	5/5	100%
4	Ông Phạm Thái Hòa	5/5	100%
5	Ông Dương Ngọc Hải	5/5	100%
6	Ông Đỗ Mạnh Hùng	5/5	100%
7	Ông Phan Mạnh Hà	5/5	100%

Trong năm 2025, Hội đồng quản trị Công ty đã tổ chức các cuộc họp trực tiếp và lấy ý kiến bằng văn bản. Các cuộc họp đều đã được thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại Điều lệ Công ty và Luật doanh nghiệp. Biên bản các cuộc họp HĐQT được lập đảm bảo đúng hình thức theo quy định của pháp luật; hồ sơ, tài liệu đã được gửi đầy đủ đến các thành viên tham dự họp để tham khảo, nghiên cứu trước theo đúng quy định của Điều lệ.

Các Nghị quyết/ Quyết định của HĐQT trong năm 2025

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày ban hành	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	01/2025/NQ-HĐQT	14/02/2025	Vv tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025	100%
2	02/2025/NQ-HĐQT	29/04/2025	Vv chỉ đạo nâng cao hiệu quả quản trị và công tác tổ chức sản xuất tại các nhà máy	100%
3	03/2025/NQ-HĐQT	14/08/2025	Vv Ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền chi trả cổ tức năm 2024	100%
4	04/2025/NQ-HĐQT	15/11/2025	Vv miễn nhiệm và bổ nhiệm nhân sự	100%
5	05/2025/NQ-HĐQT	16/12/2025	Vv giao kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026	100%

Đánh giá các hoạt động của thành viên HĐQT độc lập

Trong năm 2025, các thành viên HĐQT độc lập đã tham gia đầy đủ các cuộc họp HĐQT, nghiên cứu hồ sơ, đóng góp ý kiến khách quan, độc lập và thực hiện vai trò giám sát theo quy định.

1. Đánh giá về hoạt động của HĐQT

Các thành viên HĐQT độc lập thống nhất đánh giá:

- ✔ HĐQT đã hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
- ✔ Các cuộc họp HĐQT được tổ chức đúng quy định, nội dung họp rõ ràng, tài liệu được chuẩn bị đầy đủ;
- ✔ Các quyết định của HĐQT cơ bản bám sát thực tế hoạt động của Công ty và yêu cầu quản trị trong từng thời điểm;
- ✔ HĐQT đã thực hiện vai trò định hướng, giám sát và chỉ đạo Ban điều hành tương đối sát sao.

2. Đánh giá về hoạt động của các thành viên HĐQT độc lập

Các thành viên HĐQT độc lập đã phát huy vai trò phản biện, giám sát, tham gia ý kiến đối với các vấn đề quan trọng của Công ty, đặc biệt là:

- ✔ Kế hoạch sản xuất kinh doanh;
- ✔ Công tác nhân sự cấp cao;
- ✔ Giao dịch với bên liên quan;
- ✔ Chính sách cổ tức;
- ✔ Các nội dung thuộc thẩm quyền trình ĐHĐCĐ.

Đào tạo về quản trị công ty

Danh sách các Thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty: Không có

Danh sách các Thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ về quản trị công ty: Không có



BAN KIỂM SOÁT

Thành viên Ban kiểm soát

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Số CP sở hữu (CP phổ thông)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Bà Lê Thị Hồng Thắm	Trưởng Ban kiểm soát	50.212	0,21%
2	Ông Đỗ Ngọc Tuyến	Thành viên Ban kiểm soát	71.960	0,3%
3	Bà Phạm Thị Thu Hà	Thành viên Ban kiểm soát	3.192	0,01%

Đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát

STT	Họ và Tên	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết
1	Bà Lê Thị Hồng Thắm	4/4	100%	100%
2	Ông Đỗ Ngọc Tuyến	4/4	100%	100%
3	Bà Phạm Thị Thu Hà	4/4	100%	100%


Những kiến nghị của BKS về phương hướng năm 2026

Trong năm 2026, mặc dù hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty tiếp tục khởi sắc, song bối cảnh kinh tế - chính trị thế giới còn nhiều biến động phức tạp như xung đột tại nhiều khu vực và chiến tranh kéo dài có thể ảnh hưởng đến ngành may xuất khẩu. Trước tình hình đó, Công ty cần chủ động bám sát thị trường, kiểm soát chặt chẽ chi phí, nâng cao năng suất lao động, tinh gọn bộ máy và đẩy mạnh tìm kiếm, phát triển đơn hàng nhằm đảm bảo đủ việc làm cho các nhà máy. Đồng thời, Công ty tiếp tục đầu tư và thúc đẩy chuyển đổi số phục vụ công tác điều hành; tăng cường quản trị chi phí, tối ưu tồn kho và dòng tiền; kiểm soát chặt chẽ quá trình sản xuất, chất lượng sản phẩm và các rủi ro trong thực hiện đơn hàng. Bên cạnh đó, cần chú trọng hoàn thiện các yếu tố pháp lý trong hợp đồng, đặc biệt với khách hàng mới; nâng cao năng lực về thanh toán quốc tế và quản trị rủi ro thông qua đào tạo và xây dựng đội ngũ chuyên trách; đồng thời sớm hoàn thiện và đưa vào vận hành hệ thống phần mềm nhằm chuẩn hóa dữ liệu và nâng cao hiệu quả quản trị.

GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BKS VÀ BAN TGD

Thù lao của các thành viên HĐQT, BKS, Ban TGD

Tiêu chí	Họ và tên	Chức danh	Thù lao, lương thưởng, các thu nhập khác
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	Chu Thuyên	Chủ tịch HĐQT	1.589.853.315
	Nguyễn Việt Thắng	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	1.057.472.997
	Nguyễn Văn Bằng	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	797.029.882
	Phạm Thái Hòa	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	754.216.931
	Dương Ngọc Hải	Thành viên HĐQT độc lập	30.000.000
	Phan Mạnh Hà	Thành viên HĐQT độc lập	30.000.000
	Đỗ Mạnh Hùng	Thành viên HĐQT độc lập	30.000.000
	Tổng cộng		4.288.573.125
BAN KIỂM SOÁT	Lê Thị Hồng Thắm	Trưởng Ban kiểm soát	35.000.000
	Đỗ Ngọc Tuyến	Thành viên Ban kiểm soát	317.579.300
	Phạm Thị Thu Hà	Thành viên Ban kiểm soát	256.068.285
	Tổng cộng		608.647.585
BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	Đặng Quang Huy	Phó Tổng Giám đốc	414.169.816
	Nguyễn Thúy Nga (*)	Kế toán trưởng	141.813.356
	Tổng cộng		555.983.172

 (*) Bổ nhiệm ngày 15/11/2025

Giao dịch cổ phiếu của NNB và NCLQ đến NNB

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với NNB	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Nguyễn Văn Bằng	Người nội bộ	74.800	0,33%	108.600	0,45%	Mua

Hợp đồng giao dịch với NNB

STT	Tên cá nhân	Quan hệ với Công ty	Nội dung giao dịch	Giá trị giao dịch (đồng)
1	Nguyễn Văn Bằng	Người nội bộ	Cho công ty vay tiền	54.250.000
2	Lê Thị Hồng Thắm	Người nội bộ	Cho công ty vay tiền	45.863.014
3	Đặng Quang Huy	Người nội bộ	Cho công ty vay tiền	65.000.000

Đánh giá việc thực hiện quy định về quản trị công ty

Kế hoạch đào tạo về quản trị công ty

Hiện tại, Công ty chưa tổ chức chương trình đào tạo riêng về quản trị Công ty. Tuy nhiên, Ban lãnh đạo luôn quan tâm đến việc bồi dưỡng kỹ năng quản trị cho đội ngũ cán bộ, nhân viên, đồng thời có chính sách đào tạo, phát triển đối với các nhân sự nòng cốt có tiềm năng và định hướng đảm nhiệm các vị trí quản lý cao hơn trong tương lai.

Thực hiện đúng quy định của pháp luật và đảm bảo quyền lợi của CĐ

Trong năm 2025, Công ty đã tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về quản trị Công ty và công bố thông tin. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức vào ngày 20/04/2025 theo đúng quy định và không phát sinh khiếu kiện liên quan. Bên cạnh đó, website của Công ty đã cung cấp đầy đủ thông tin cho cổ đông theo quy định hiện hành; trong năm, Công ty không bị Sở Giao dịch Chứng khoán hoặc Ủy ban Chứng khoán Nhà nước nhắc nhở về công bố thông tin cũng như các giao dịch với bên liên quan.

Công ty thực hiện chi trả cổ tức trong vòng 6 tháng kể từ ngày kết thúc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, đảm bảo quyền lợi hợp pháp của cổ đông

TĂNG CƯỜNG QUẢN TRỊ CÔNG TY

Việc phối hợp giữa Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát được thực hiện hiệu quả. Các phòng ban trong công ty đã tích cực phối hợp, cung cấp đầy đủ tài liệu theo yêu cầu, góp phần để hoạt động của Ban kiểm soát ngày càng hoàn thiện và đạt kết quả tốt.

Tham gia hội đồng đàm phán hợp đồng với các khách hàng, nhà cung cấp, bàn giá theo hội đồng công khai.

Phối hợp giữa Ban kiểm soát trong điều hành

Trước khi ký kết hợp đồng hoặc mua, hoặc bán các hợp đồng khác, các cá nhân có thẩm quyền ký kết đều thông tin đến Ban kiểm soát để thẩm định về mặt pháp lý nhằm tránh các rủi ro về thanh toán và phải có dấu xác nhận của Ban kiểm soát thì lãnh đạo công ty mới phê duyệt để thực hiện Hợp đồng
Ban lãnh đạo công ty căn cứ vào kết quả đánh giá nhà cung cấp của Ban kiểm soát để phê duyệt nhà cung cấp, từ đó ký kết hợp đồng với nhà cung cấp.

Kiểm soát các báo cáo Kết quả kinh doanh theo tháng, theo quý, nếu lỗi, ban kiểm soát sẽ kiểm tra, phân tích nguyên nhân lỗi, kế hoạch các tháng tiếp theo và đề xuất các khuyến nghị.

Hoạt động quan hệ nhà đầu tư

Trong năm 2025, Công ty đã tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025, đảm bảo tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Tại Đại hội, Công ty tạo điều kiện để các cổ đông thực hiện đầy đủ quyền của mình, bảo đảm sự bình đẳng trong việc trao đổi, thảo luận và đóng góp ý kiến đối với các vấn đề quan trọng liên quan đến hoạt động và định hướng phát triển của Công ty.

Bên cạnh đó, TDT duy trì bộ phận quan hệ cổ đông với chức năng quản lý và vận hành website của Công ty, thực hiện công bố thông tin đầy đủ, kịp thời theo đúng quy định của pháp luật. Website của Công ty cũng thường xuyên được nâng cấp, hoàn thiện nhằm hỗ trợ nhà đầu tư tiếp cận thông tin một cách thuận tiện và minh bạch.

Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý

Công ty chú trọng ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh. Hiện nay, Công ty đang triển khai và sử dụng nhiều phần mềm quản lý hiện đại như phần mềm kế toán, phần mềm quản lý nhân sự cùng các hệ thống hỗ trợ quản trị khác nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, tối ưu hóa quy trình làm việc và tăng cường tính minh bạch trong hoạt động quản trị.



CHƯƠNG

07



PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- 80 Mục tiêu của phát triển bền vững
- 82 Các chỉ tiêu phát triển bền vững
- 84 Chính sách liên quan đến người lao động
- 86 Báo cáo liên quan đến trách nhiệm với cộng đồng địa phương
- 87 Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường
- 87 Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh

MỤC TIÊU CỦA PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Ban lãnh đạo Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển TDT nhận thức rõ rằng phát triển bền vững không chỉ là mục tiêu tăng trưởng về doanh thu và lợi nhuận, mà còn là sự phát triển hài hòa giữa con người, môi trường và hiệu quả kinh doanh. Trong bối cảnh môi trường kinh doanh ngày càng biến động, Công ty xác định chỉ có phát triển ổn định, cân bằng và có trách nhiệm mới có thể tạo nền tảng vững chắc cho sự tồn tại và phát triển lâu dài. Vì vậy, bên cạnh mục tiêu nâng cao hiệu quả hoạt động, Công ty luôn chú trọng gắn kết lợi ích doanh nghiệp với trách nhiệm đối với người lao động, cộng đồng và môi trường.



CÁC CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Xử lý khí thải

Công ty thường xuyên theo dõi các số liệu khí thải của nhà máy và các chỉ số đều đạt mức cho phép, cho thấy hệ thống xử lý khí thải của Công ty đang hoạt động hiệu quả, bảo đảm khí thải sau xử lý đáp ứng yêu cầu trước khi thải ra môi trường. Kết quả này có được nhờ Công ty duy trì và vận hành hiệu quả hệ thống lọc bụi vải tại các phân xưởng, đồng thời đầu tư hệ thống cây xanh bao quanh khu vực sản xuất nhằm góp phần giảm thiểu tác động đến môi trường xung quanh.

Tiêu thụ năng lượng

STT	Tên chi nhánh	Lượng điện tiêu thụ năm 2025 (triệu kWh)
1	Chi nhánh may TDT Diêm Thụy	1,810
2	Chi nhánh may TDT Đại từ	1,822

Nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng và giảm thiểu tác động đến môi trường, Công ty đã và đang triển khai một số giải pháp như:

- ✓ Nghiên cứu và từng bước ứng dụng năng lượng tái tạo như hệ thống điện mặt trời áp mái tại một số phân xưởng.
- ✓ Sử dụng hệ thống các thiết bị tiết kiệm năng lượng như: sử dụng đèn LED, lắp đặt biến tần điều tốc và tăng cường tự động hóa trong sản xuất.
- ✓ Chú trọng nâng cao nhận thức của người lao động về việc sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả thông qua các hoạt động tuyên truyền nội bộ.

Tiêu thụ nước

Lượng nước tiêu thụ chi tiết tại các nhà máy của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển TDT (bao gồm cả nước đô thị và nước giếng khoan như sau:

STT	Tên chi nhánh	Lượng nước tiêu thụ năm 2025 (m³)
1	Chi nhánh may TDT Diêm Thụy	23.984
2	Chi nhánh may TDT Đại từ	24.118

Trong năm 2025, Chi nhánh may TDT Đại Từ phát sinh 14.179m³ nước thải và toàn bộ lượng nước thải đã được xử lý đúng quy định trước khi đưa ra môi trường.

Trong năm, Công ty cũng đã thực hiện đồng bộ một số giải pháp nhằm kiểm soát lượng nước tiêu thụ và nước thải trong quá trình sản xuất như:

- ✓ Cụ thể, Công ty đã lắp đặt các thiết bị tiết kiệm nước như vòi nước cảm ứng và vòi phun khí, giúp giảm lưu lượng nước sử dụng trong khi vẫn đảm bảo hiệu quả công việc.
- ✓ Trang bị hệ thống thiết bị đo lưu lượng nước sử dụng và thiết bị theo dõi lượng nước thải phát sinh trong quá trình sản xuất.
- ✓ Bố trí cán bộ chuyên trách thực hiện việc kiểm tra và ghi chép số liệu nước thải đầu ra hằng ngày.
- ✓ Hệ thống đường ống dẫn nước, van khóa và các thiết bị cấp nước được kiểm tra, bảo trì định kỳ nhằm phát hiện và khắc phục kịp thời các hiện tượng rò rỉ, tránh thất thoát nước trong quá trình vận hành.

Nhờ việc triển khai đồng bộ các biện pháp quản lý và giám sát, trong năm 2025 Công ty không ghi nhận bất kỳ sự cố nào liên quan đến hệ thống xử lý nước thải gây ảnh hưởng đến môi trường, góp phần đảm bảo hoạt động sản xuất của Công ty luôn tuân thủ các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và hướng tới phát triển bền vững.



CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

Chính sách đãi ngộ và phúc lợi

Công ty luôn chú trọng xây dựng hệ thống chính sách đãi ngộ và phúc lợi nhằm đảm bảo quyền lợi chính đáng của người lao động, đồng thời tạo động lực để người lao động gắn bó lâu dài với Công ty. Người lao động làm việc tại Công ty được hưởng chế độ tiền lương, thưởng và phúc lợi cạnh tranh, phù hợp với năng lực, vị trí công việc và kết quả lao động.

Công ty thực hiện thưởng lương tháng thứ 13, thưởng chuyên cần, thưởng lao động giỏi, thưởng chiến sĩ thi đua và các khoản thưởng khác nhằm khuyến khích người lao động nâng cao năng suất và chất lượng công việc. Bên cạnh đó, Công ty cũng áp dụng chính sách tuyển dụng và thu hút lao động như thưởng cho người giới thiệu lao động vào làm việc, cam kết mức thu nhập tối thiểu trong thời gian ba tháng đầu hòa nhập, hỗ trợ chi phí làm hồ sơ và hỗ trợ chi phí phát sinh (nếu có) khi người lao động chấm dứt hợp đồng tại đơn vị cũ.

Ngoài ra, người lao động còn được hưởng nhiều chế độ phúc lợi khác như hỗ trợ tiền ăn ca, hỗ trợ xăng xe, nhà ở, tổ chức tham quan, học tập và các hoạt động chăm lo đời sống tinh thần. Người lao động cũng được tham gia đầy đủ Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế và Bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật, đồng thời được bảo lưu mức đóng bảo hiểm theo bậc thợ nếu đã tham gia đóng bảo hiểm từ trước.

Phúc lợi và chăm sóc người lao động

Người lao động được hưởng mức lương cơ bản và các khoản phụ cấp theo vị trí công việc, đồng thời được thưởng định kỳ dựa trên kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty theo tháng, quý hoặc năm. Ngoài ra, Công ty còn thực hiện thưởng các dịp lễ, Tết và các khoản thưởng khác theo chính sách nội bộ. Chính sách xem xét tăng lương định kỳ hàng năm được thực hiện trên cơ sở đánh giá năng lực, hiệu quả công việc và mức độ đóng góp của từng cá nhân.

Chế độ lương và thưởng

Người lao động được hưởng mức lương cơ bản và các khoản phụ cấp theo vị trí công việc, đồng thời được thưởng định kỳ dựa trên kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty theo tháng, quý hoặc năm. Ngoài ra, Công ty còn thực hiện thưởng các dịp lễ, Tết và các khoản thưởng khác theo chính sách nội bộ. Chính sách xem xét tăng lương định kỳ hàng năm được thực hiện trên cơ sở đánh giá năng lực, hiệu quả công việc và mức độ đóng góp của từng cá nhân.

Thời gian làm việc

Thời gian làm việc tại Công ty thông thường từ 7h30 đến 17h30, trong đó bao gồm thời gian nghỉ trưa 1 giờ. Số ngày làm việc dao động từ 5,5 đến 6 ngày/tuần, tùy theo đặc thù vị trí công việc và nhu cầu sản xuất. Trong trường hợp cần thiết, người lao động có thể làm thêm giờ theo yêu cầu sản xuất và được tính lương làm thêm theo quy định của pháp luật và chính sách của Công ty.

Môi trường làm việc

Công ty xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, năng động và thân thiện, khuyến khích sự sáng tạo và tinh thần hợp tác trong công việc. Văn hóa doanh nghiệp được định hướng theo các giá trị minh bạch, trách nhiệm và phát triển bền vững, tạo điều kiện để người lao động phát huy năng lực, có cơ hội thăng tiến và gắn bó lâu dài với Công ty.

Chế độ làm việc

Chế độ làm việc tại Công ty được xây dựng trên cơ sở tuân thủ các quy định của pháp luật lao động và các quy định nội bộ của Công ty, đảm bảo hài hòa giữa yêu cầu sản xuất kinh doanh và quyền lợi của người lao động.

Chính sách đào tạo và phát triển nhân viên

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển TDT đặt mục tiêu xây dựng đội ngũ nhân sự chất lượng cao thông qua các chương trình đào tạo và phát triển nguồn nhân lực. Công ty chú trọng xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, sáng tạo và nhân văn, đồng thời triển khai các chương trình đào tạo nhằm nâng cao tay nghề, chuyên môn và kỹ năng cho đội ngũ người lao động. Công ty đặc biệt quan tâm đến việc đào tạo công nhân chưa có tay nghề, giúp người lao động nhanh chóng ổn định công việc, hòa nhập với môi trường làm việc và đóng góp hiệu quả vào hoạt động sản xuất. Song song với đó, Công ty cũng tổ chức các chương trình đào tạo nâng cao cho đội ngũ cán bộ quản lý và nhân sự các phòng ban chuyên môn thông qua các khóa đào tạo nội bộ hoặc các chương trình đào tạo do các đơn vị uy tín tổ chức, góp phần nâng cao năng lực quản trị và hiệu quả hoạt động của Công ty.



BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Với định hướng phát triển bền vững trong tương lai, TDT không chỉ chú trọng lợi ích của Công ty mà còn quan tâm đến lợi ích của xã hội, đặc biệt là cộng đồng địa phương, nơi Công ty đặt nhà máy hoạt động. Ngành dệt may là ngành thâm dụng lao động nên TDT cũng như các công ty hoạt động trong cùng lĩnh vực luôn cần một lượng lớn lao động. Vì thế, Công ty đang góp phần tạo công ăn việc làm và nguồn thu nhập ổn định cho một lượng lớn lao động trong khu vực. Bên cạnh đó, TDT cũng thực hiện các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác.

Đặc biệt, ngày 30/11/2025, tại Chi nhánh May TDT Đại Từ, toàn thể cán bộ, công nhân viên đã cùng nhau tạo nên những khoảnh khắc đẹp và đầy ý nghĩa khi Giải chạy Vì cộng đồng & Hỗ trợ KM chạy Uprace 2025 diễn ra thành công, lan tỏa thông điệp: “Every step matters – Mỗi bước chạy đều mang ý nghĩa.”. Ngày 13/09/2025, chương trình “Tiếp bước em đến trường 2025” của Công ty được tổ chức tại xã Trà Linh, tỉnh Cao Bằng, qua đó trao tặng các phần quà nhằm hỗ trợ và động viên các em học sinh bước vào năm học mới.



Giải chạy Vì cộng đồng & Hỗ trợ KM chạy Uprace 2025



Hỗ trợ cộng đồng địa phương chịu hậu quả do cơn bão số 11 năm 2025

TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Trong quá trình hoạt động, Công ty luôn tuân thủ nghiêm túc các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và các tiêu chuẩn có liên quan. Tính đến hết năm 2025, Công ty không ghi nhận bất kỳ trường hợp bị xử phạt vi phạm hành chính nào liên quan đến việc không tuân thủ các quy định về môi trường.

Bên cạnh việc tuân thủ các quy định pháp luật, Công ty cũng chú trọng triển khai và chỉ đạo thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường trong toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh. Các cán bộ, công nhân viên được phổ biến và hướng dẫn thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường, sử dụng tiết kiệm và hiệu quả các nguồn tài nguyên như điện năng, nước và nguyên vật liệu. Thông qua đó, Công ty hướng tới giảm thiểu tối đa các tác động tiêu cực đến môi trường, đồng thời góp phần xây dựng môi trường làm việc xanh – sạch – an toàn và phát triển bền vững.

BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG THỊ TRƯỜNG VỐN XANH

Trong năm 2025, Công ty không tham gia vào các hoạt động thị trường vốn xanh. Tuy nhiên, trong tương lai công ty sẽ cố gắng tiến hành, thực hiện các hoạt động thị trường vốn xanh.



Chương trình “Tiếp bước em đến trường” năm 2025



CHƯƠNG

08

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

90 Báo cáo tài chính năm 2025
đã được kiểm toán

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN TDT

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025
(đã được kiểm toán)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN TDT
Xóm Thuận Pháp, xã Diêm Thụy, tỉnh Thái Nguyên

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09-10
Bản thuyết minh báo cáo tài chính	11-38

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển TDT (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển TDT là Công ty Cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cổ phần số 4600941221 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp lần đầu ngày 22 tháng 03 năm 2011, thay đổi lần thứ 13 ngày 30/10/2024.

Trụ sở chính

Xóm Thuận Pháp, xã Diềm Thụy, tỉnh Thái Nguyên

Hội đồng quản trị

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Chu Thuyền	Chủ tịch
Ông Nguyễn Việt Thắng	Phó chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Bằng	Thành viên
Ông Phạm Thái Hòa	Thành viên
Ông Dương Ngọc Hải	Thành viên độc lập
Ông Phan Mạnh Hà	Thành viên độc lập
Ông Đỗ Mạnh Hùng	Thành viên độc lập

Ban Tổng giám đốc và Kế toán trưởng

Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Việt Thắng	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Bằng	Phó Tổng giám đốc
Ông Đặng Quang Huy	Phó Tổng giám đốc
Ông Phạm Thái Hòa	Phó Tổng giám đốc (Bổ nhiệm ngày 15/11/2025), Kế toán trưởng (Miễn nhiệm ngày 15/11/2025)
Bà Nguyễn Thúy Nga	Kế toán trưởng (Bổ nhiệm ngày 15/11/2025)

Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Lê Thị Hồng Thắm	Trưởng ban
Ông Đỗ Ngọc Tuyền	Thành viên
Bà Phạm Thị Thu Hà	Thành viên

Đại diện theo pháp luật

Ông Chu Thuyền	Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Việt Thắng	Tổng giám đốc (Theo giấy ủy quyền số 06/QUD-TDT ngày 02/01/2023)

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA).

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2025, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 và Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024, Thông tư số 18/2025/TT-BTC ngày 26/04/2025, Thông tư 08/2026/TT-BTC ngày 03/02/2026 sửa đổi bổ sung của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thái Nguyên, ngày 26 tháng 3 năm 2026

T.M. Ban Tổng giám đốc
Tổng Giám đốc

Nguyễn Việt Thắng



Số: 346/BCKT-TC/AVA.NV7

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển TDT

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển TDT, được lập ngày 26/03/2026, từ trang 06 đến trang 38, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển TDT tại ngày 31/12/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ THẨM ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM (AVA)



Trần Trí Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN Kiểm toán số
0895-2023-126-1
Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2026

Trần Thị Lan Anh
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN Kiểm toán số
4992-2024-126-1

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		503.400.375.334	449.613.307.903
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	69.029.538.757	66.188.652.548
1. Tiền	111		69.029.538.757	66.188.652.548
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		79.310.718.038	63.716.497.261
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	57.337.770.619	42.534.848.440
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	768.529.891	1.113.564.590
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4	99.000.000	99.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	21.105.417.528	19.969.084.231
III. Hàng tồn kho	140	V.6	346.953.279.488	313.521.911.320
1. Hàng tồn kho	141		347.324.397.002	313.904.912.129
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(371.117.514)	(383.000.809)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		8.106.839.051	6.186.246.774
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	1.839.395.342	1.751.007.923
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		5.722.325.535	3.748.020.811
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14	545.118.174	687.218.040
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		161.267.915.759	165.568.563.406
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		7.832.392.481	7.768.744.531
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.5	7.832.392.481	7.768.744.531
II. Tài sản cố định	220		149.244.895.031	152.927.908.026
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	90.204.313.209	104.258.003.044
- Nguyên giá	222		278.552.536.617	273.212.085.604
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(188.348.223.408)	(168.954.082.560)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.9	39.871.428.376	28.813.396.376
- Nguyên giá	225		64.605.149.990	46.988.264.455
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		(24.733.721.614)	(18.174.868.079)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	19.169.153.446	19.856.508.606
- Nguyên giá	228		24.337.225.152	24.337.225.152
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(5.168.071.706)	(4.480.716.546)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.11	1.871.143.402	2.178.848.532
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		1.871.143.402	2.178.848.532
IV. Tài sản dài hạn khác	260		2.319.484.845	2.693.062.317
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7	2.319.484.845	2.693.062.317
TỔNG CỘNG TÀI SẢN(270=100+200)	270		664.668.291.093	615.181.871.309

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		380.126.772.877	335.565.813.087
I. Nợ ngắn hạn	310		360.918.338.714	314.780.803.618
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	26.928.711.184	11.697.524.754
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	608.785.508	6.090.853.332
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	2.870.151.748	1.588.529.254
4. Phải trả người lao động	314		24.136.348.490	19.239.545.593
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	115.808.221	374.300.826
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	3.174.314.429	4.443.031.584
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17	302.996.430.548	271.000.646.674
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		87.788.586	346.371.601
II. Nợ dài hạn	330		19.208.434.163	20.785.009.469
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17	19.208.434.163	20.785.009.469
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		284.541.518.216	279.616.058.222
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.18	284.541.518.216	279.616.058.222
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		238.965.340.000	238.965.340.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		238.965.340.000	238.965.340.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		45.576.178.216	40.650.718.222
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		28.406.556.237	25.855.968.958
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		17.169.621.979	14.794.749.264
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN(440=300+400)	440		664.668.291.093	615.181.871.309

Người lập biểu

Hà Thị Mi

Kế toán trưởng

Nguyễn Thúy Nga

Thái Nguyên, ngày 26 tháng 3 năm 2026

Tổng Giám đốc

CÔNG TY
CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ VÀ
PHÁT TRIỂN
TDT

PHỤ BÍNH - T. THÁI NGUYÊN
Nguyễn Việt Thắng

Mẫu số B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	628.215.172.303	563.129.638.093
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		628.215.172.303	563.129.638.093
3. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	473.275.333.605	429.516.186.006
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		154.939.838.698	133.613.452.087
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	5.511.040.445	5.837.693.694
6. Chi phí tài chính	22	VI.4	30.324.893.846	31.356.138.135
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		19.732.711.419	18.357.003.192
7. Chi phí bán hàng	25	VI.5	16.499.265.617	18.018.742.975
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	94.326.273.202	74.228.445.109
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		19.300.446.478	15.847.819.562
10. Thu nhập khác	31	VI.6	1.423.757.849	1.088.189.890
11. Chi phí khác	32	VI.7	688.070.601	555.450.935
12. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		735.687.248	532.738.955
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		20.036.133.726	16.380.558.517
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	2.866.511.747	1.585.809.253
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		17.169.621.979	14.794.749.264
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	VI.10	718	607
17. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71	VI.11	718	607

Người lập biểu

Hà Thị Mi

Kế toán trưởng

Nguyễn Thúy Nga

Thái Nguyên, ngày 26 tháng 3 năm 2026

Tổng Giám đốc

NGUYỄN VIỆT THẮNG

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		20.036.133.726	16.380.558.517
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		29.203.298.870	30.221.370.569
- Các khoản dự phòng	03		(11.883.295)	340.115.750
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		1.653.460.798	(1.507.853.446)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(464.669.027)	(301.381.979)
- Chi phí lãi vay	06		19.732.711.419	18.537.003.192
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		70.149.052.491	63.669.812.603
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(17.877.514.028)	25.125.576.420
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(33.419.484.873)	(24.975.822.576)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		13.617.665.093	(2.482.961.904)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		285.190.053	790.898.748
- Tiền lãi vay đã trả	14		(19.991.204.024)	(18.933.954.591)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.827.635.307)	(2.172.826.296)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(554.478.000)	(815.050.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		10.381.591.405	40.205.672.404
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(25.212.580.746)	(12.503.028.410)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		455.909.090	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và LN được chia	27		8.759.937	8.424.279
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(24.747.911.719)	(12.494.604.131)

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Năm 2025
(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		643.749.145.594	578.537.448.483
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(604.707.740.214)	(552.458.767.529)
3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		(10.219.797.377)	(7.851.304.501)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu			(11.948.267.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		16.873.341.003	18.227.376.453
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		2.507.020.689	45.938.444.726
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		66.188.652.548	17.713.662.591
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi NT	61		333.865.520	2.536.545.231
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70		69.029.538.757	66.188.652.548

Người lập biểu

Hà Thị Mi

Kế toán trưởng

Nguyễn Thúy Nga

Thái Nguyên, ngày 26 tháng 3 năm 2026

Tổng Giám đốc

Nguyễn Việt Thắng

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2025

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển TDT là Công ty Cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4600941221 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp lần đầu ngày 22 tháng 03 năm 2011, thay đổi lần thứ 13 ngày 30/10/2024.

Trụ sở chính của Công ty: Xóm Thuận Pháp, xã Diêm Thụy, tỉnh Thái Nguyên

Vốn điều lệ của Công ty: 238.965.340.000 đồng (Hai trăm ba mươi tám tỷ, chín trăm sáu mươi lăm triệu, ba trăm bốn mươi nghìn đồng)

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú).

3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục);
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (công trình thủy lợi, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật);
- Sản xuất thảm, chăn đệm;
- Sản xuất sản phẩm từ plastic;
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (máy móc, thiết bị lâm nghiệp, công nghiệp, văn phòng);
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Bán buôn gạo; Bán buôn thực phẩm; Bán buôn đồ uống;
- Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc láo;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (mỹ phẩm, đồ lưu niệm);
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác (máy móc, thiết bị lâm nghiệp, công nghiệp, văn phòng);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu (dịch vụ xuất nhập khẩu, ủy thác xuất nhập khẩu, giao nhận hàng hóa);
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống lưu động;
- Dịch vụ phục vụ đồ uống;
- Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...);
- Vận tải hành khách đường bộ khác (vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt);
- Giáo dục nghề nghiệp (Dạy nghề may công nghiệp);
- Xuất nhập khẩu mặt hàng công ty kinh doanh;
- Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: 12 tháng.

5. Cấu trúc doanh nghiệp

Đến thời điểm 31/12/2025, Công ty có trụ sở chính tại xóm Thuận Pháp, xã Diêm Thụy, tỉnh Thái Nguyên.

Tổng số cán bộ nhân viên

Tại ngày 31/12/2025, Công ty có 2367 cán bộ nhân viên (tại ngày 01/01/2025, có 2183 cán bộ nhân viên).

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính của Công ty được lập đảm bảo tính so sánh.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán thường niên của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ trong kế toán là Đồng Việt Nam (ký hiệu quốc gia là “đ”; ký hiệu quốc tế là “VND”).

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính Hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp, Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Công ty có nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ thực hiện ghi sổ kế toán và lập Báo cáo tài chính theo một đơn vị tiền tệ thống nhất là Đồng Việt Nam. Việc quy đổi đồng ngoại tệ ra Đồng Việt Nam căn cứ vào:

- Tỷ giá giao dịch thực tế;
- Tỷ giá ghi sổ kế toán.

Công ty có nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ thực hiện ghi sổ kế toán và lập Báo cáo tài chính theo một đơn vị tiền tệ thống nhất là Đồng Việt Nam. Việc quy đổi đồng ngoại tệ ra Đồng Việt Nam căn cứ vào:

- Tỷ giá giao dịch thực tế;
- Tỷ giá ghi sổ kế toán.

2. Nguyên tắc xác định lãi suất thực tế (lãi suất hiệu lực) dùng để chiết khấu dòng tiền

Lãi suất thực tế (lãi suất hiệu lực) được xác định như sau:

- Là lãi suất ngân hàng thương mại cho vay đang áp dụng phổ biến trên thị trường tại thời điểm giao dịch;

Trường hợp không xác định được lãi suất nêu trên thì lãi suất thực tế là lãi suất Công ty có thể đi vay dưới hình thức phát hành công cụ nợ không có quyền chuyển đổi thành cổ phiếu (như phát hành trái phiếu thường không có quyền chuyển đổi hoặc vay bằng khế ước thông thường) trong điều kiện sản xuất, kinh doanh đang diễn ra bình thường.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Khi phát sinh các giao dịch bằng ngoại tệ, ngoại tệ được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo nguyên tắc: Bên Nợ các tài khoản tiền áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế; Bên Có các tài khoản tiền áp dụng tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, số dư được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế, cụ thể:

Tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng khi đánh giá lại số dư tiền mặt, tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay theo khế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán. Tùy theo từng hợp đồng, các khoản cho vay theo khế ước có thể được thu hồi một lần tại thời điểm đáo hạn hoặc thu hồi dần từng kỳ.

Đối với các khoản cho vay, nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, kế toán tiến hành đánh giá khả năng thu hồi. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản cho vay có thể không thu hồi được, kế toán tiến hành ghi nhận số tổn thất vào chi phí tài chính trong kỳ. Trường hợp số tổn thất không thể xác định được một cách đáng tin cậy, kế toán tiến hành thuyết minh trên Báo cáo tài chính về khả năng thu hồi của khoản cho vay.

5. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản phải thu có gốc ngoại tệ được đánh giá lại cuối kỳ khi lập Báo cáo tài chính. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản phải thu có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính là tỷ giá công bố của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch (do Công ty tự lựa chọn khi giao dịch với đối tượng phải thu).

Việc xác định các khoản cần lập dự phòng phải thu khó đòi được căn cứ vào các khoản mục được phân loại là phải thu ngắn hạn, dài hạn của Bảng cân đối kế toán. Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho của Công ty là những tài sản được mua vào để sản xuất hoặc để bán trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường.

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng giai đoạn sản xuất trong dây chuyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

7. Nguyên tắc ghi nhận và các phương pháp khấu hao TSCĐ, TSCĐ thuê tài chính

Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 15 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 10 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý và tài sản khác	03 - 06 năm
- Phần mềm quản lý	03 - 05 năm
- Tài sản cố định khác	03 - 05 năm
- Quyền sử dụng đất	Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

Chênh lệch giữa thu thuần do thanh lý nhượng bán với giá trị còn lại của TSCĐ được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Năm 2025 Công ty thực hiện thay đổi mức khấu hao của một số tài sản cố định hữu hình, bao gồm các tài sản thuộc nhà cửa vật kiến trúc và máy móc thiết bị, qua đó làm số chi phí khấu hao trong năm 2025 giảm đi 1.084.858.800 đồng so với khung thời gian trích khấu hao cũ.

Tài sản cố định thuê tài chính

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến TSCĐ thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

TSCĐ thuê tài chính được trích khấu hao như TSCĐ của Công ty. Đối với TSCĐ thuê tài chính không chắc chắn sẽ được mua lại thì sẽ được tính trích khấu hao theo thời hạn thuê khi thời hạn thuê ngắn hơn thời gian sử dụng hữu ích.

8. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

9. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán (là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác);
- Phải trả nội bộ gồm các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ:
 - Các khoản phải trả liên quan đến chi phí tài chính, như: khoản phải trả về lãi vay, cổ tức và lợi nhuận phải trả, chi phí hoạt động đầu tư tài chính phải trả;
 - Các khoản phải trả do bên thứ ba chi hộ; Các khoản tiền bên nhận ủy thác nhận của các bên liên quan để thanh toán theo chỉ định trong giao dịch ủy thác xuất nhập khẩu;
 - Các khoản phải trả không mang tính thương mại như phải trả do mượn tài sản, phải trả về tiền phạt, bồi thường, tài sản thừa chờ xử lý, phải trả về các khoản BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ...

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Khi lập Báo cáo tài chính, kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả để phân loại là ngắn hạn hoặc dài hạn.

Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tồn thất có khả năng chắc chắn xảy ra, kế toán ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

Các khoản phải trả có gốc ngoại tệ được đánh giá lại cuối kỳ khi lập Báo cáo tài chính. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản phải trả có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính là tỷ giá công bố của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch (do Công ty tự lựa chọn khi giao dịch với đối tượng phải trả).

10. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay, nợ thuê tài chính có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Khi lập Báo cáo tài chính, số dư các khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc thanh toán và đánh giá lại cuối kỳ khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính.

11. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng TSCĐ, BĐSĐT, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

12. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ.

Các khoản chi phí phải trả phải sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế sẽ được hoàn nhập.

13. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quyền chọn trái phiếu chuyển đổi, vốn khác của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu là giá trị cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi và được xác định là phần chênh lệch giữa tổng số tiền thu về từ việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và giá trị cấu phần nợ của trái phiếu chuyển đổi tại thời điểm phát hành.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà Công ty được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu gia công

Doanh thu đối với hoạt động nhận gia công vật tư, hàng hóa là số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hóa nhận gia công.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
 - Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
 - Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
 - Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Cổ phiếu thưởng hay cổ tức trả bằng cổ phiếu: Không ghi nhận khoản thu nhập khi quyền được nhận cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu được xác lập, số lượng cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu nhận được thuyết minh trên báo cáo tài chính có liên quan.

Thu nhập khác

Phản ánh các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp. gồm:

- Thu nhập từ nghiệp vụ bán và thuê lại tài sản;
- Các khoản thu nhập khác ngoài các khoản nêu trên.

15. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho.

Khi bán sản phẩm, hàng hóa kèm thiết bị, phụ tùng thay thế thì giá trị thiết bị, phụ tùng thay thế được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

Đối với phần giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát, kế toán tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung có định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Các khoản thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường đã tính vào giá trị hàng mua, nếu khi xuất bán hàng hóa mà các khoản thuế đó được hoàn lại thì được ghi giảm giá vốn hàng bán.

Các khoản chi phí giá vốn hàng bán không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

16. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản chi phí tài chính không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

17. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Các khoản chi phí ghi nhận là chi phí bán hàng bao gồm: Các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Các khoản chi phí ghi nhận là chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm: Các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuê môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ,...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng,...)

Các khoản chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

18. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Trong năm 2011, Công ty có đầu tư dự án tại vùng kinh tế khó khăn (Giấy chứng nhận đầu tư số 17121000095 của UBND tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 11 tháng 10 năm 2011). Công ty xác định ưu đãi đầu tư theo Nghị định 108/2006/NĐ-CP ngày 22/09/2006 và Nghị định 124/2008/NĐ-CP ngày 11/12/2008 như sau:

Tại mục 4 điều 15, mục 3 điều 16 chương IV của Nghị định 124/2008/NĐ-CP, thuế suất ưu đãi 20% trong vòng 10 năm, miễn thuế 02 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 04 năm tiếp theo kể từ khi có thu nhập chịu thuế.

Năm 2019, Chi nhánh May TDT Đại Từ thành lập và đi vào hoạt động. Theo Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 hướng dẫn thi hành Nghị định số 91/2014/NĐ-CP ngày 01/10/2014 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định quy định về thuế. Tại điều 6, chương I nêu rõ việc sửa đổi, bổ sung khoản 3, điều 20, Thông tư 78/2014/TT-BTC như sau: Miễn thuế 4 năm và giảm 50% số thuế phải nộp của mức thuế ưu đãi (áp mức thuế suất 5%) trong 9 năm tiếp theo.

19. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

19.1. Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

19.2. Lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông với số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

		Đơn vị tính: VND	
		31/12/2025	01/01/2025
1.	Tiền và các khoản tương đương tiền		
	Tiền mặt tại quỹ	1.052.056.666	276.418.998
	Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	67.977.482.091	65.912.233.550
	Tổng cộng	69.029.538.757	66.188.652.548
2.	Phải thu của khách hàng		
	Ngắn hạn		
	Các bên khác		
	Asmara International Limited	788.880.330	769.539.056
	Premier Exim (HK) Company Limited	2.162.433.476	2.109.416.284
	Teddy S.P.A	-	167.759.600
	Aurora Investments Global Limited	-	21.967.459.193
	Luhta Sportwear (Suhzou) Company Limited	-	3.505.778.980
	Sae - A Trading Company Limited	9.893.015.748	3.018.368.620
	Air8 PTE.LTD	5.536.989.024	-
	MAINPOL GMBH	-	1.659.073.218
	SLJ Group Limited	15.174.440.925	-
	Yakjin Trading Corporation	8.279.929.819	1.538.094.797
	Khách hàng khác	15.502.081.297	7.799.358.692
	Bên liên quan	-	-
	Tổng cộng	57.337.770.619	42.534.848.440
3.	Trả trước cho người bán		
	Ngắn hạn		
	Các bên khác		
	Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Xây dựng Nam Thái	-	100.000.000
	Công ty TNHH Cơ điện và PCCC Nam Dương Thái	299.730.251	299.730.251
	Công ty Cổ phần Môi trường ETC Việt Nam	157.520.000	157.520.000
	Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình Việt Bắc	-	326.106.000
	Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến	141.462.374	-
	Công ty Xăng dầu Bắc Thái	91.047.709	-
	Người bán khác	78.769.557	230.208.339
	Tổng cộng	768.529.891	1.113.564.590

4. Phải thu về cho vay

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn				
Ông Nguyễn Văn Long (1)	34.000.000	-	34.000.000	-
Ông Bùi Huy Tùng (2)	65.000.000	-	65.000.000	-
Tổng cộng	99.000.000	-	99.000.000	-

(1) Hợp đồng cho vay tiền ông Nguyễn Văn Long số 01/TDT-NVL/2022 ngày 7/2/2022, Phụ lục gia hạn hợp đồng số 01 ngày 07/02/2023, Phụ lục gia hạn hợp đồng số 02 ngày 05/02/2024, Phụ lục gia hạn hợp đồng số 03 ngày 07/04/2025 số tiền 40.000.000 đồng, lãi suất 0%/năm, thời hạn vay đến ngày 07/04/2026. Đây là khoản cho vay bằng hình thức tín chấp.

(2) Hợp đồng cho vay tiền ông Bùi Huy Tùng số 01/BHT-TDT/2023 ngày 30/12/2023, số tiền 65.000.000 đồng, lãi suất 10%/năm, thời hạn vay 9 tháng từ ngày 30/12/2023 đến 30/09/2024. Phụ lục gia hạn số 03 thay đổi thời gian cho vay đến 30/12/2026. Đây là khoản cho vay bằng hình thức tín chấp.

5. Phải thu khác

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
5.1. Ngắn hạn				
Tạm ứng cho nhân viên	12.363.497.460	-	12.267.932.960	-
- Trần Thị Hương Giang (*)	2.500.000.000	-	2.500.000.000	-
- Nông Hoàng Ngọc (*)	2.000.000.000	-	2.000.000.000	-
- Nguyễn Thị Thuỳ (*)	2.000.000.000	-	2.000.000.000	-
- Phạm Thị Thu Hiền (*)	1.000.000.000	-	1.000.000.000	-
- Nguyễn Thu Quỳnh (*)	2.000.000.000	-	2.000.000.000	-
- Trần Quốc Phòng (*)	1.500.000.000	-	1.500.000.000	-
- Trần Thị Trang (*)	800.000.000	-	800.000.000	-
- Các đối tượng khác	563.497.460	-	467.932.960	-
Phải thu khác	7.041.388.421	-	6.760.046.996	-
- Ông Nguyễn Chí Tình (**)	487.200.000	-	487.200.000	-
- Ông Nguyễn Quang Nạp (**)	2.400.000.000	-	2.400.000.000	-
- Ông Phạm Ngọc Sơn (**)	1.500.000.000	-	1.500.000.000	-
- Ông Trần Hữu Huệ (**)	500.000.000	-	500.000.000	-
- Ông Trần Xuân Lãm (**)	1.300.000.000	-	1.300.000.000	-
- Công ty TNHH MTV cho thuê Tài chính ngân hàng TMCP Ngoại thương	841.188.421	-	566.346.996	-
- Bùi Huy Tùng	13.000.000	-	6.500.000	-
Phải trả, phải nộp khác	1.204.168.499	-	941.104.275	-
Ký cược, ký quỹ	496.363.148	-	-	-
Tổng cộng	21.105.417.528	-	19.969.084.231	-

5.2. Dài hạn

Phải thu khác	4.952.605.091	-	4.731.052.985	-
- Công ty TNHH MTV cho thuê Tài chính ngân hàng TMCP Ngoại thương	1.205.118.191	-	983.566.085	-
- Phải thu ngân sách nhà nước (***)	3.747.486.900	-	3.747.486.900	-
Ký cược, ký quỹ	2.879.787.390	-	3.037.691.546	-
Tổng cộng	7.832.392.481	-	7.768.744.531	-

(*) Theo Quyết định số 511/QĐ-TDT ngày 06/05/2022 về việc tạm phê duyệt dự án đầu tư mở rộng nhà máy TDT Đại Từ (địa chỉ: Xóm Văn Khúc, xã Bình Thuận, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên). Công ty thực hiện ký kết và chuyển tiền cọc cho các cá nhân thực hiện thu gom đất theo các Biên bản thỏa thuận kiểm giấy biên nhận tiền đặt cọc đất ngày 12/05/2022 và các biên bản gia hạn thời gian thỏa thuận về việc thu gom mua ngày 04/04/2025.

(**) Theo Quyết định số 511/QĐ-TDT ngày 06/05/2022 về việc tạm phê duyệt dự án đầu tư mở rộng nhà máy TDT Đại Từ (địa chỉ: Xóm Văn Khúc, xã Bình Thuận, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên). Công ty thực hiện ký kết và chuyển tiền cọc cho các cá nhân thực hiện thu gom đất theo các Biên bản thỏa thuận kiểm giấy biên nhận tiền đặt cọc đất ngày 12/05/2022 và các biên bản gia hạn thời gian thỏa thuận về việc gia hạn về việc gia hạn thời gian thu gom mua đất ngày 28/04/2025.

(***) Là số tiền thuê đất phải nộp Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển TDT đã trả để nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất để thực hiện dự án Nhà máy may TDT Đại Từ tại xóm Văn Khúc, xã Bình Thuận, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

6. Hàng tồn kho

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	24.302.785.638	-	18.009.592.864	-
Công cụ, dụng cụ	52.657.282	-	87.609.062	-
Chi phí SXKD dở dang	8.071.558.175	-	6.272.692.725	-
Thành phẩm	314.854.510.848	(328.232.455)	289.492.132.419	(340.115.750)
Hàng hóa	42.885.059	(42.885.059)	42.885.059	(42.885.059)
Tổng cộng	347.324.397.002	(371.117.514)	313.904.912.129	(383.000.809)

7. Chi phí trả trước

	31/12/2025	01/01/2025
7.1. Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	1.023.930.697	958.961.349
Các khoản khác	815.464.645	792.046.574
Tổng cộng	1.839.395.342	1.751.007.923
7.2. Dài hạn		
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	955.462.856	524.684.560
Chi phí trả trước khác	1.364.021.989	2.168.377.757
Tổng cộng	2.319.484.845	2.693.062.317

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình
Phụ lục số 01

9. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

Khoản mục	Máy móc, thiết bị	Cộng
Nguyên giá		
Số dư 01/01/2025	46.988.264.455	46.988.264.455
Thuê tài chính trong kỳ	20.215.653.490	20.215.653.490
Mua lại TSCĐ thuê tài chính	(2.598.767.955)	(2.598.767.955)
Số dư 31/12/2025	64.605.149.990	64.605.149.990
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư 01/01/2025	18.174.868.079	18.174.868.079
Khấu hao trong kỳ	8.688.399.498	8.688.399.498
Mua lại TSCĐ thuê tài chính	(2.129.545.963)	(2.129.545.963)
Số dư 31/12/2025	24.733.721.614	24.733.721.614
Giá trị còn lại		
Tại ngày 01/01/2025	28.813.396.376	28.813.396.376
Tại ngày 31/12/2025	39.871.428.376	39.871.428.376

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số dư 01/01/2025	24.296.325.152	40.900.000	24.337.225.152
Mua trong kỳ	-	-	-
Số dư 31/12/2025	24.296.325.152	40.900.000	24.337.225.152
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư 01/01/2025	4.450.041.546	30.675.000	4.480.716.546
Khấu hao trong kỳ	679.175.158	8.180.002	687.355.160
Số dư 31/12/2025	5.129.216.704	38.855.002	5.168.071.706
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2025	19.846.283.606	10.225.000	19.856.508.606
Tại ngày 31/12/2025	19.167.108.448	2.044.998	19.169.153.446

11. Tài sản dở dang dài hạn

Chỉ phí xây dựng cơ bản dở dang	31/12/2025	01/01/2025
- Cải tạo và mở rộng nhà xưởng	1.871.143.402	2.178.848.532
Cộng	1.871.143.402	2.178.848.532

12. Phải trả người bán

	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	31/12/2025	31/12/2025	01/01/2024	01/01/2024
Ngắn hạn				
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Dũng Hùng	292.800.208	292.800.208	492.800.208	492.800.208
Công ty Cổ phần Bao bì Hòa Phong	3.873.085.727	3.873.085.727	1.478.131.389	1.478.131.389
Công ty TNHH Bao bì Hoa Nam	335.020.900	335.020.900	140.011.187	140.011.187
Công ty Cổ phần Đầu tư Sơn Hà	844.765.041	844.765.041	26.000.000	26.000.000
Công ty TNHH Thiết bị Bách khoa Hà Nội	1.000.000	1.000.000	369.184.250	369.184.250
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Hợp Từ	-	-	1.053.907.200	1.053.907.200
Công ty TNHH Một thành viên Vận tải Delta	3.284.576.347	3.284.576.347	-	-
Công ty TNHH YKK Việt Nam - Chi nhánh Hà Nam	2.364.383.189	2.364.383.189	-	-
Phải trả người bán ngắn hạn khác	15.933.079.772	15.933.079.772	8.137.490.520	8.137.490.520
Tổng cộng	26.928.711.184	26.928.711.184	11.697.524.754	11.697.524.754

13. Người mua trả tiền trước

	31/12/2025	01/01/2025
Ngắn hạn		
Capital Garment Co.LTD	326.839.949	-
Jiangsu Soho Technology Trading Company Limited	237.618.303	-
Fu Yuan International Holdings PTE Limited	-	1.143.665.820
Jiangsu Guotai Guosheng Company Limited	-	2.458.428.500
Shanghai Shenda IMP&EXP Company Limited	-	2.207.606.605
Người mua trả tiền trước khác	44.327.256	281.152.407
Tổng cộng	608.785.508	6.090.853.332

14. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

14.1. Phải nộp	31/12/2025	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	01/01/2025
Thuế GTGT phải nộp	-	4.534.729.988	4.534.729.988	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	15.074.058	15.074.058	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	26.373.010	26.373.010	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.866.511.748	3.108.337.801	1.827.635.307	1.585.809.254
Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	-	69.913.710	69.913.710	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	3.640.000	268.160.000	267.240.000	2.720.000
Tổng cộng	2.870.151.748	8.022.588.567	6.740.966.073	1.588.529.254

14.2. Phải thu

	31/12/2025	Số phải thu trong kỳ	Số đã thu trong kỳ	01/01/2025
Thuế thu nhập cá nhân	507.333.820	900.098.356	1.020.640.129	627.875.593
Thuế tài nguyên	20.945.000	4.320.000	7.939.000	24.564.000
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	9.339.354	59.137.442	68.476.535	18.678.447
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	7.500.000	114.430.252	123.030.252	16.100.000
Tổng cộng	545.118.174	1.077.986.050	1.220.085.916	687.218.040

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

15. Chi phí phải trả

	31/12/2025	01/01/2025
Ngắn hạn		
Chi phí lãi vay phải trả	115.808.221	374.300.826
Tổng cộng	115.808.221	374.300.826

16. Phải trả khác

	31/12/2025	01/01/2025
Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	2.021.131.638	1.871.761.633
Phải trả phải nộp khác	1.153.182.791	2.571.269.951
- Công ty cổ phần đầu tư phát triển Giang Thành	-	2.243.474.496
- Phải trả phải nộp khác	1.153.182.791	327.795.455
Tổng cộng	3.174.314.429	4.443.031.584

17. Vay và nợ thuê tài chính

17.1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	31/12/2025	Tăng	Giảm	01/01/2025
Ngân hàng	291.637.192.271	619.375.795.865	586.277.989.764	258.539.386.170
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên (i)	98.182.240.635	158.655.711.723	159.580.802.133	99.107.331.045
+ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên (ii)	155.982.710.887	290.984.519.815	280.296.610.988	145.294.802.060
+ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Thái Nguyên (iii)	12.548.217.530	123.111.966.652	124.701.002.187	14.137.253.065
+ Ngân hàng TMCP Đông Nam á - Seabank (iv)	24.924.023.219	46.623.597.675	21.699.574.456	-
Tổ chức, cá nhân	-	330.000.000	429.550.000	99.550.000
+ Vay cá nhân	-	330.000.000	429.550.000	99.550.000

Vay và nợ DH đến hạn trả	11.359.238.277	11.359.238.277	12.361.710.504	12.361.710.504
- Vay dài hạn đến hạn trả	-	-	4.499.999.885	4.499.999.885
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Thái Nguyên	-	-	4.499.999.885	4.499.999.885
- Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả	11.359.238.277	11.359.238.277	7.861.710.619	7.861.710.619
+ Công ty TNHH MTV Cho Thuê tài chính ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (v)	11.359.238.277	11.359.238.277	7.861.710.619	7.861.710.619
Tổng cộng	302.996.430.548	631.065.034.142	599.069.250.268	271.000.646.674

17.2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	31/12/2025	Tăng	Giảm	01/01/2025
Vay ngân hàng	-	-	-	-
Vay cá nhân (vi)	3.800.000.000	4.900.000.000	11.902.600.000	10.802.600.000
Ông Nguyễn Văn Bằng	-	-	1.000.000.000	1.000.000.000
Các đối tượng khác	3.800.000.000	4.900.000.000	10.902.600.000	9.802.600.000
Nợ thuê tài chính dài hạn	15.408.434.163	19.143.349.729	13.717.325.035	9.982.409.469
+ Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (v)	15.408.434.163	19.143.349.729	13.717.325.035	9.982.409.469
Tổng cộng	19.208.434.163	24.043.349.729	25.619.925.035	20.785.009.469

Thông tin liên quan đến các khoản vay ngắn hạn tại 31/12/2025

(i) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2025/4642906/HĐTD ngày 19/09/2025. Theo đó, hạn mức tín dụng là 150.000.000.000 đồng, vay bằng tiền VND hoặc ngoại tệ. Thời hạn cấp hạn mức: Kể từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 31/08/2026. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, phát hành L/C. Biện pháp đảm bảo như sau:

+ 6 hợp đồng thế chấp tài sản giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên và Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển TDT là các máy móc thiết bị của Công ty;

+ 2 hợp đồng thế chấp tài sản từ các cá nhân với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên là quyền sử dụng đất theo Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 973971 và Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất số BG053291.

(ii) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2024-HĐCVHM/NHCT220-TDT ngày 19/12/2024 và Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2025-HĐCV-SDDBS01/NHCT220-TDT ngày 16/12/2025. Hạn mức cho vay theo văn bản sửa đổi, bổ sung là 163.000.000.000 đồng, vay bằng tiền VND hoặc USD. Thời hạn duy trì hạn mức: từ ngày 19/12/2024 đến hết ngày 31/01/2026. Lãi suất vay tại thời điểm kết giao hợp đồng: đối với VND là 6,5%/năm và đối với giải ngân USD là 5,7%/năm. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh hàng may mặc. Biện pháp bảo đảm được thực hiện theo các Hợp đồng bảo đảm được giao kết trước ngày, cùng ngày hoặc sau ngày của Hợp đồng gồm:

+ 20 hợp đồng thế chấp tài sản giữa Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Thái Nguyên và Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển TDT là các máy móc thiết bị của Công ty;

+ 6 hợp đồng thế chấp tài sản từ các cá nhân với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Thái Nguyên là quyền sử dụng đất và phương tiện vận tải, cụ thể: Giấy Chứng nhận đất số AD 653011, Giấy Chứng nhận đất số BG 053059, Giấy Chứng nhận đất số H00065, Giấy Chứng nhận QSD đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CE 927745, Giấy Chứng nhận đất số H00065. Xe ô tô con Mazda CX5 BKS 20A-296.69 và Xe ô tô con MERCEDES-BENZ BKS 20A-608.66.

(iii) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Thái Nguyên theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số CLC-36265-01 ngày 11/02/2025. Theo đó, hạn mức tín dụng là 100.000.000.000 đồng, vay bằng tiền VND hoặc USD. Thời hạn duy trì hạn mức: 12 tháng tính từ ngày ký kết hợp đồng, lãi suất vay được thỏa thuận trong các khổ ước nhận nợ. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất và gia công hàng may mặc; phát hành L/C (bao gồm L/C trả ngay, L/C trả chậm, L/C UPAS, L/C UPAS nội địa) phục vụ hoạt động sản xuất và gia công may mặc. Biện pháp bảo đảm được quy định theo các Hợp đồng đảm bảo được ký trước, trong và sau ngày của Hợp đồng gồm:

1. Ký quỹ: Mỗi lần đề nghị phát hành L/C, Khách Hàng sẽ ký quỹ một khoản tiền theo yêu cầu của VPBank. Tỷ lệ ký quỹ và các vấn đề liên quan đến ký quỹ sẽ được các bên thỏa thuận trong. Đề nghị phát hành L/C.

2. Các biện pháp bảo đảm khác:

a) Thế chấp quyền đòi nợ theo hợp đồng xuất khẩu số LS22407223 ngày 26/08/2024 theo hợp đồng thế chấp 021024-8897033-01-SME/HDTC-QDN ký ngày 09/10/2024 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có);

b) Thế chấp toàn bộ hàng hóa, thiết bị liên quan đến việc thực hiện hợp đồng xuất khẩu số LS22407223 ngày 26/08/2024 theo hợp đồng thế chấp 021024-8897033-01-SME/HDTC-HANGHOA ký ngày 09/10/2024 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có);

c) Thế chấp quyền đòi nợ theo hợp đồng xuất khẩu số LS22407200 ngày 09/07/2024 theo hợp đồng thế chấp 020824-8897033-01-SME/HDTC-QDN ký ngày 06/08/2024 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có);

d) Thế chấp toàn bộ hàng hóa, thiết bị liên quan đến việc thực hiện hợp đồng xuất khẩu số LS22407200 ngày 09/07/2024 theo hợp đồng thế chấp 020824-8897033-01-SME/HDTC-HANGHOA ký ngày 06/08/2024 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có);

e) Thế chấp quyền đòi nợ theo hợp đồng xuất khẩu số 01-2024/TDT-MAINPL ngày 04/03/2024 và ANEX 02 ngày 10/04/2024 theo hợp đồng thế chấp 250624-8897033-01-SME/HDTC-QDN ký ngày 26/06/2024 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có);

f) Thế chấp toàn bộ hàng hóa, thiết bị liên quan đến việc thực hiện hợp đồng xuất khẩu số 01-2024/TDT-MAINPL ngày 04/03/2024 và ANEX 02 ngày 10/04/2024 theo hợp đồng thế chấp 250624-8897033-01-SME/HDTC-HANGHOA ký ngày 26/04/2024 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có);

g) Thế chấp quyền đòi nợ theo hợp đồng xuất khẩu số 01-2024/TDT-MAINPL ngày 04/03/2024 và ANEX 04 ngày 01/12/2024 theo hợp đồng thế chấp 271224-8897033-01-SME/HDTC-QDN ký ngày 02/01/2025 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có);

h) Thế chấp toàn bộ hàng hóa, thiết bị liên quan đến việc thực hiện hợp đồng xuất khẩu số 01-2024/TDT-MAINPL ngày 04/03/2024 và ANEX 04 ngày 01/12/2024 theo hợp đồng thế chấp 271224-8897033-01-SME/HDTC-HANGHOA ký ngày 02/01/2025 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có);

i) Thế chấp quyền đòi nợ theo hợp đồng xuất khẩu số 01-2024/TDT-MAINPL ngày 04/03/2024 và ANEX 03 ngày 01/08/2024 theo hợp đồng thế chấp 110924-8897033-01-SME/HDTC-QDN ký ngày 16/09/2024 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có);

j) Thế chấp toàn bộ hàng hóa, thiết bị liên quan đến việc thực hiện hợp đồng xuất khẩu số 01-2024/TDT-MAINPL ngày 04/03/2024 và ANEX 03 ngày 01/08/2024 theo hợp đồng thế chấp 110924-8897033-01-SME/HDTC-HANGHOA ký ngày 16/09/2024 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có);

k) Thế chấp quyền đòi nợ theo hợp đồng xuất khẩu số 191028-170611-15740712 ngày 28/10/2019 và PURCHASE ORDER AUTHORIZATION 21956 ngày 12/06/2024 theo hợp đồng thế chấp 080724-8897033-01-SME/HDTC-QDN ký ngày 10/07/2024 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có);

l) Thế chấp toàn bộ hàng hóa, thiết bị liên quan đến việc thực hiện hợp đồng xuất khẩu số 191028-170611-15740712 ngày 28/10/2019 và PURCHASE ORDER AUTHORIZATION 21956 ngày 12/06/2024 theo hợp đồng thế chấp 080724-8897033-01-SME/HDTC-HANGHOA ký ngày 10/07/2024 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có);

m) Các biện pháp, tài sản bảo đảm khác được thỏa thuận giữa VPBank với Khách Hàng và/hoặc bên thứ ba (nếu có) theo các Hợp đồng bảo đảm ký trước, trong và sau ngày phát sinh hiệu lực của Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng này và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế các Hợp đồng bảo đảm nêu trên (nếu có).

(iv) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Thái Nguyên theo Hợp đồng cho vay số REF2530930030/HĐCV ngày 04/12/2025; hạn mức cho vay tối đa là 80.000.000.000 đồng, thời hạn duy trì hạn mức cho vay: 12 (Mười hai) tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Mục đích sử dụng: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất, gia công may mặc xuất khẩu của khách hàng. Lãi suất: được quy định cụ thể trong các khổ ước nhận nợ, Biện pháp đảm bảo như sau:

a) Thế chấp: Quyền đòi nợ không kèm hàng hóa của khách hàng theo số REF2530930030/HĐTC/QDN/209088/1 ký ngày 04/12/2025 và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có)

b) Thế chấp: hàng hóa của Khách hàng theo số REF2435917168/HĐTC/HH/263924/2 ngày 03/01/2025 và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có)

c) Thế chấp Hợp đồng tiền gửi/Sổ tiết kiệm (online/tại quầy) Giấy tờ có giá do SeABank phát hành trên tài khoản thanh toán/ký quỹ tại SeABank và được Seabank chấp nhận

d) Các biện pháp, tài sản bảo đảm khác được thỏa thuận giữa SeABank với Khách Hàng và/hoặc bên thứ ba (nếu có) theo các Hợp đồng bảo đảm ký trước, trong và sau ngày phát sinh hiệu lực của Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng này và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế các Hợp đồng bảo đảm nêu trên (nếu có).

(v) Vay Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam gồm những hợp đồng sau:

- Hợp đồng cho thuê tài chính số 106.20.06/CTTC ngày 9 tháng 10 năm 2020. Tài sản thuê tài chính bao gồm Máy trải vải tự động hiệu Kawakami NK 300CSI, Chân và bàn máy trải vải loại có thổi hơi với phụ kiện đồng bộ, chân và bàn để di chuyển máy trải vải. Số tiền thuê: 89.841,6 USD. Thời hạn thuê 60 tháng. Biên độ thay đổi lãi suất: 3,10%/năm.

- Hợp đồng cho thuê tài chính số 106.21.01/CTTC ngày 11 tháng 01 năm 2021. Tài sản thuê tài chính bao gồm bộ máy may công nghiệp Pegasus loại máy vắt số 3 kim 6 chỉ, bộ máy may công nghiệp Pegasus, máy trần đề xén trái, để trụ. Số tiền thuê: 3.060.277.280 đồng. Thời hạn thuê 60 tháng. Biên độ thay đổi lãi suất: 3,10%/năm.

- Hợp đồng cho thuê tài chính số 106.21.03/CTTC ngày 26 tháng 04 năm 2021. Tài sản thuê tài chính bao gồm bộ máy may công nghiệp Pegasus, máy trần đề để bằng 3 kim 5 chỉ. Số tiền thuê: 1.698.861.472 đồng. Thời hạn thuê 60 tháng. Biên độ thay đổi lãi suất: 3,10%/năm.

- Hợp đồng cho thuê tài chính số 106.21.04/CTTC ngày 20 tháng 05 năm 2021. Tài sản thuê tài chính bao gồm bộ máy trần đề Siruba. Số tiền thuê: 775.139.200 đồng. Thời hạn thuê 60 tháng. Biên độ thay đổi lãi suất: 3,10%/năm.

- Hợp đồng cho thuê tài chính số 106.21.05/CTTC ngày 12 tháng 04 năm 2021. Tài sản thuê tài chính bao gồm bộ máy trải vải tự động Kawakami. Số tiền thuê: 89.050 USD. Thời hạn thuê 60 tháng. Biên độ thay đổi lãi suất: 3,10%/năm.

- Hợp đồng cho thuê tài chính số 106.21.11/CTTC ngày 09 tháng 12 năm 2021. Tài sản thuê tài chính bao gồm 10 máy may công nghiệp lập trình trần bông điện tử. Số tiền thuê: 853.031.667 đồng. Thời hạn thuê 60 tháng. Biên độ thay đổi lãi suất: 3,10%/năm.

- Hợp đồng cho thuê tài chính số 106.21.12/CTTC ngày 22 tháng 11 năm 2021. Tài sản thuê tài chính bao gồm bộ máy may công nghiệp Pegasus hoàn chỉnh loại máy vắt số 2 kim 4 chỉ. Số tiền thuê: 765.172.100 đồng. Thời hạn thuê 60 tháng. Biên độ thay đổi lãi suất: 3,10%/năm.

- Hợp đồng cho thuê tài chính số 106.21.13/CTTC ngày 22 tháng 11 năm 2021. Tài sản thuê tài chính bao gồm bộ máy may công nghiệp Pegasus hoàn chỉnh loại máy trần đề để bằng 3 kim 5 chỉ, bộ máy may công nghiệp Pegasus, máy trần đề xén trái, để trụ 3 kim 5 chỉ. Số tiền thuê: 1.585.329.823 đồng. Thời hạn thuê 60 tháng. Biên độ thay đổi lãi suất: 3,10%/năm.

- Hợp đồng cho thuê tài chính số 106.21.14/CTTC ngày 22 tháng 11 năm 2021 và Hợp đồng cho thuê tài chính sửa đổi, bổ sung số 01 ngày 28 tháng 01 năm 2022. Tài sản thuê tài chính bao gồm bộ máy may công nghiệp Pegasus hoàn chỉnh loại máy trần đề để bằng 3 kim 5 chỉ, bộ máy may công nghiệp Pegasus, máy trần đề xén trái để trụ 3 kim 5 chỉ và bộ máy may công nghiệp Pegasus hoàn chỉnh loại máy vắt số 2 kim 4 chỉ. Số tiền thuê: 4.890.771.600 đồng. Thời hạn thuê 60 tháng. Biên độ thay đổi lãi suất: 3,10%/năm.

- Hợp đồng cho thuê tài chính số 106.21.15/CTTC ngày 22 tháng 11 năm 2021 và Hợp đồng cho thuê tài chính sửa đổi, bổ sung số 01 ngày 28 tháng 01 năm 2022. Tài sản tài chính bao gồm máy may công nghiệp trần đề đầu nhỏ Siruba, máy may công nghiệp 23 kim Siruba, máy may công nghiệp vát số 4 chỉ Siruba, máy đi bộ điện tử Juki, máy thừa khuy bằng Brother. Số tiền thuê: 1.436.550.000 đồng. Thời hạn thuê 60 tháng. Biên độ thay đổi lãi suất: 3,10%/năm.
- Hợp đồng cho thuê tài chính số 106.21.16/CTTC ngày 22 tháng 11 năm 2021. Tài sản thuê tài chính bao gồm máy may công nghiệp vát số khổ nhỏ Siruba, máy may công nghiệp trần đề đầu nhỏ hiệu Siruba, máy may công nghiệp trần đề đầu nhỏ Siruba. Số tiền thuê: 823.823.000 đồng. Thời hạn thuê 60 tháng. Biên độ thay đổi lãi suất: 3,10%/năm.
- Hợp đồng cho thuê tài chính số 106.21.17/CTTC ngày 22 tháng 11 năm 2021. Tài sản thuê tài chính bao gồm máy vát số 4 chỉ Siruba. Số tiền thuê: 215.985.000 đồng. Thời hạn thuê 60 tháng. Biên độ thay đổi lãi suất: 3,10%/năm.
- Hợp đồng cho thuê tài chính số 131.23.03/CTTC ngày 24 tháng 04 năm 2023. Tài sản tài chính bao gồm 45 Máy may CN, 1 kim điện tử, cắt chỉ nâng chân vịt tự động: Hikari H93S-7D-5/AK. Số tiền thuê 402.280.193 đồng. Biên độ thay đổi lãi suất: 3,10%/năm.
- Hợp đồng cho thuê tài chính số 131.23.02/CTTC ngày 15 tháng 05 năm 2023. Tài sản tài chính bao gồm 1 bộ Máy trải vải tự động KM, 13 tấm Bàn cắt có thổi khí dài 15,6m và 15,6m Linh kiện phụ trợ lắp cho 1 bàn cắt dài 15,6m. Số tiền thuê: 509.040.400 đồng. Thời hạn thuê 48 tháng. Biên độ thay đổi lãi suất: 3,10%/năm.
- Hợp đồng cho thuê tài chính số 131.23.05/CTTC ngày 15 tháng 05 năm 2023. Tài sản chính bao gồm 08 Máy may công nghiệp lập trình trần bông điện tử, Model: GC90-130A-D, hiệu CHNKI. Số tiền thuê: 891.943.360 đồng. Thời hạn thuê 48 tháng. Biên độ thay đổi lãi suất: 3,10%/năm.
- Hợp đồng cho thuê tài chính số 131.23.06/CTTC ngày 15 tháng 05 năm 2023. Tài sản tài chính bao gồm 02 Máy cắt tự động model FA-P90-2 Hãng sản xuất: Emarker và 02 Bộ di động 2 điểm dừng (10m). Số tiền thuê: 1.363.725.000 đồng. Thời gian thuê 48 tháng. Biên độ thay đổi lãi suất: 3,10%/năm.
- Hợp đồng cho thuê tài chính số 131.23.09/CTTC ngày 03 tháng 07 năm 2023. Tài sản tài chính bao gồm 03 máy đính cúc và 03 bộ cấp cúc tự động. Số tiền thuê: 248.339.190 đồng. Thời gian thuê 48 tháng. Biên độ thay đổi lãi suất: 3,10%/năm.
- Hợp đồng cho thuê tài chính số 131.23.08/CTTC ngày 03 tháng 07 năm 2023. Tài sản tài chính bao gồm Máy cắt vải tự động dùng cho may công nghiệp Bullmer Model: D8003; Dây chuyền nối hơi tiết kiệm điện Bao gồm 9 bộ nối hơi 5KW (Model: T750A) và 3 bộ nối hơi 9KW (Model: T790A). Số tiền thuê: 1.936.110.000 đồng. Thời gian thuê 48 tháng. Biên độ thay đổi lãi suất: 3,10%/năm.
- Hợp đồng cho thuê tài chính số 131.23.10/CTTC ngày 03 tháng 07 năm 2023. Tài sản tài chính bao gồm 60 Bộ máy may công nghiệp. Số tiền thuê: 508.530.900 đồng. Thời gian thuê 48 tháng. Biên độ thay đổi lãi suất: 3,10%/năm.
- Hợp đồng cho thuê tài chính số 131.23.12/CTTC ngày 06 tháng 09 năm 2023. Tài sản tài chính bao gồm 20 Máy may công nghiệp lập trình trần bông điện tử Nhân hiệu CHNKI, xuất xứ Trung Quốc Model: GC90-130A-D, điện áp 220V/50Hz. Số tiền thuê: 1.071.083.520 đồng. Thời gian thuê 48 tháng. Biên độ thay đổi lãi suất: 3,10%/năm.
- Hợp đồng cho thuê tài chính số 131.23.13/CTTC ngày 03 tháng 10 năm 2023. Tài sản tài chính bao gồm Máy cuộn vải bằng viên tự động và Máy cắt bằng viên tự động. Số tiền thuê: 276.480.000 đồng. Thời gian thuê 48 tháng. Biên độ thay đổi lãi suất: 3,10%/năm.
- Hợp đồng cho thuê tài chính số 131.24.01/CTTC ngày 01 tháng 02 năm 2024. Tài sản tài chính bao gồm dây chuyền nối hơi tiết kiệm điện và Dây bàn trải vải dùng cho ngành may công nghiệp. Số tiền thuê: 209.840.000 đồng. Thời gian thuê 48 tháng. Biên độ thay đổi lãi suất: 3,10%/năm.
- Hợp đồng cho thuê tài chính số 131.24.02/CTTC ngày 01 tháng 02 năm 2024. Tài sản tài chính bao gồm 05 Máy may công nghiệp lập trình bỏ túi, model G3520-JG-22 hiệu: GTG và 05 Máy may công nghiệp lập trình bỏ túi, model G3520-PL hiệu: GTG. Số tiền thuê: 702.130.000 đồng. Thời gian thuê 48 tháng. Biên độ thay đổi lãi suất: 3,10%/năm.
- Hợp đồng cho thuê tài chính số 131.24.06/CTTC ngày 20 tháng 05 năm 2024. Tài sản tài chính bao gồm 10 máy đi bộ điện tử JUKI LK - 1900BNSS/MC-672KNN. Số tiền thuê: 537.624.000 đồng. Thời gian thuê 48 tháng. Biên độ thay đổi lãi suất: 3,10%/năm.

- Hợp đồng cho thuê tài chính số 131.24.07/CTTC ngày 27 tháng 05 năm 2024. Tài sản tài chính bao gồm Hệ thống máy nén khí trục vít 125HP. Số tiền thuê: 604.800.000 đồng. Thời gian thuê 48 tháng. Biên độ thay đổi lãi suất: 3,10%/năm.
- Hợp đồng cho thuê tài chính số 131.24.08/CTTC ngày 19 tháng 06 năm 2024. Tài sản tài chính bao gồm 30 Máy may Công nghiệp, 1 kim điện tử, cắt chỉ nâng chân vịt tự động Hikari. Số tiền thuê: 283.800.413 đồng. Thời gian thuê 48 tháng. Biên độ thay đổi lãi suất: 3,10%/năm.
- Hợp đồng cho thuê tài chính số 131.24.09/CTTC ngày 05 tháng 07 năm 2024. Tài sản tài chính bao gồm 20 Máy 2 kim điện tử may hàng dây Brother T8452D-S05/X8400D. Số tiền thuê: 1.107.129.600 đồng. Thời gian thuê 48 tháng. Biên độ thay đổi lãi suất: 3,10%/năm.
- Hợp đồng cho thuê tài chính số 131.24.10/CTTC ngày 20 tháng 07 năm 2024. Tài sản tài chính bao gồm Máy cắt vải tự động dùng cho may công nghiệp 1 kim cổ nhỏ có trợ lực GT-4251CPB, hiệu GTG. Số tiền thuê: 2.330.354.146 đồng. Thời gian thuê 48 tháng. Biên độ thay đổi lãi suất: 3,10%/năm.
- Hợp đồng cho thuê tài chính số 131.25.03/CTTC ngày 18 tháng 03 năm 2025. Tài sản tài chính bao gồm: Máy ép keo cần biên tự động GTG khổ 50cm, Model: NHG500-B, hiệu GTG; Dây chuyền may gồm 05 máy may công nghiệp 1 kim cổ nhỏ có trợ lực, Model: GT-4251CPB, hiệu GTG; Máy may lập trình, Model: GT-10060-HLX, dùng cho ngành may CN, hiệu GTG (có hút); Dây chuyền may gồm 08 Máy may công nghiệp 1 kim cổ nhỏ có trợ lực, Model: GT-4251CPB, hiệu GTG; Máy trải vải tự động dành cho ngành may công nghiệp, Model TZS-210S (kèm 20 bộ bàn và chân bàn của máy trải vải tự động (có quạt thổi khí) khổ 2.33*1.2m); Bộ bàn trải vải của máy trải vải tự động khổ 2,63*1.2m (kèm thổi khí) gồm 20 bàn; Máy may lập trình, Model: GT-10060-HLX, dùng cho ngành may CN, hiệu GTG (có hút); Máy cắt vải tự động dùng cho may CN, Model: S80, hiệu Bullmer khổ 1.8m, khổ cắt 1.8m*1.8m bao gồm di chuyển đầu máy, cắt dòng chày, dùi đầu, làm lạnh dao; Máy ép nhiệt, ép méch may CN, model: NHG-900, hiệu GTG; Hệ thống bàn hút chân không dùng cho may CN, model SH-1501, nhãn hiệu GTG; Máy may lập trình, Model: GT-10060-HLX, dùng cho ngành may CN, hiệu GTG. Số tiền thuê: 6.353.965.305 đồng. Thời gian thuê 48 tháng. Biên độ thay đổi lãi suất: 3,10%/năm.
- Hợp đồng cho thuê tài chính số 131.25.15/CTTC ngày 26 tháng 09 năm 2025. Tài sản tài chính bao gồm: 03 Dây chuyền máy may công nghiệp 1 kim (dầu khô), cắt chỉ nâng chân vịt, model H9VIA-7D-5/AK 2 dây chuyền 30 máy/dây chuyền, 1 dây chuyền 10 máy; 10 Máy đi bộ điện tử BROTHER KE-430HX-03; Máy thừa bằng điện BROTHER HE-800C-2; 2 Bộ cấp cúc tự động lắp cho đầu máy LK1903SSS-301/MC-673KS gồm 2 máy thương hiệu Hugomax, 2 Máy đính cúc điện tử tốc độ cao, mũi thắt nút hiệu Juki Model LK-1903SSS-301/MC-673KS. Số tiền thuê: 992.598.015 đồng. Thời gian thuê 48 tháng. Biên độ thay đổi lãi suất: 3,10%/năm.
- Hợp đồng cho thuê tài chính số 131.25.30/CTTC ngày 30 tháng 10 năm 2025. Tài sản tài chính bao gồm: 10 Máy may lập trình GT-10060-HLX, dùng cho ngành may, hiệu GTG (có hút); máy ép nhiệt, ép méch may công nghiệp, model NHG-900, hiệu GTG. Số tiền thuê: 883.431.360 đồng. Thời gian thuê 48 tháng. Biên độ thay đổi lãi suất: 3,10%/năm.
- Hợp đồng cho thuê tài chính số 131.25.31/CTTC ngày 30 tháng 10 năm 2025. Tài sản tài chính bao gồm: Dây chuyền máy may công nghiệp Pegasus hoàn chỉnh, loại máy vát số 2 kim 4 chỉ gồm 25 máy Model MX5214-A-M/03/33302X4/KS8A/D422 đầu máy, động cơ liên trục, bàn, chân bàn; 20 Máy may công nghiệp Pegasus hoàn chỉnh, loại trần đề 3 kim 5 chỉ Model W3562P-01GX356BS/UT4M/D332 đầu máy, động cơ liên trục, bàn, chân bàn; Dây chuyền Máy may công nghiệp Pagasus hoàn chỉnh, loại máy vát số 2 kim 4 chỉ gồm 30 máy, model MX5214 - A-M03/333-2X4/KS8A/D422 đầu máy, động cơ liên trục, bàn, chân bàn; 10 Máy may công nghiệp Pegasus hoàn chỉnh, loại máy vát số 2 kim 4 chỉ MX5114-03/333N-2X4/KS8A/D222/K025, đầu máy vát số cổ nhỏ, động cơ liên trục, cắt chỉ, hút vải thừa, nâng chân vịt tự động, bàn, chân bàn. Số tiền thuê: 2.326.916.506 đồng. Thời gian thuê 48 tháng. Biên độ thay đổi lãi suất: 3,10%/năm.
- Hợp đồng cho thuê tài chính số 131.25.29/CTTC ngày 30 tháng 10 năm 2025. Tài sản tài chính bao gồm: 10 Máy trần đề Siruba Model S007KD-W122-356/PCH-3M/UTT/DSKH1-1; Dây chuyền máy may công nghiệp bao gồm 50 máy: Máy may CN 1 kim điện tử (dầu khô), cắt chỉ nâng chân vịt, model H9VIA-7D-5/AK; 50 máy đi bộ điện tử BROTHER model KE-430HX-03. Số tiền thuê: 1.538.807.328 đồng. Thời gian thuê 48 tháng. Biên độ thay đổi lãi suất: 3,10%/năm.

- Hợp đồng cho thuê tài chính số 131.25.10/CTTC ngày 03 tháng 07 năm 2025. Tài sản tài chính bao gồm: Dây chuyền Máy may công nghiệp Pegasus, loại máy vắt số 2 kim 4 chỉ gồm 30 máy Model MX5214-A-M03/333-2X4/KS8D/D432; 30 Máy may công nghiệp Pegasus hoàn chỉnh, loại trần đề 3 kim 5 chỉ Model: W3562P-01GX356BS/UT4M/D332; 4 máy may công nghiệp Pegasus Model FS730P-WG2DX460-B/PD23/PT; Dây chuyền máy may công nghiệp Pegasus, loại máy vắt số 2 kim 4 chỉ gồm 10 máy Model MX5214-A-M03/333-2X4/KS8D/D432; Dây chuyền máy may công nghiệp Pegasus, loại máy vắt số 2 kim 4 chỉ gồm 20 máy Model M952052HX4/KS8A/DJ10/Y2267. Số tiền thuê: 2.870.768.045 đồng. Thời gian thuê 48 tháng. Biên độ thay đổi lãi suất: 3,10%/năm.
 - Hợp đồng cho thuê tài chính số 131.25.09/CTTC ngày 03 tháng 07 năm 2025. Tài sản tài chính bao gồm: Hệ thống bàn trải vải đã tích hợp động cơ thổi, 14 bộ Hệ thống máy may công nghiệp 1 kim cổ nhỏ có trợ lực Model GT-4251CPB, hiệu CTG., 12 bộ hệ thống máy dập nút GT-818D, Máy trải vải tự động dùng cho ngành may công nghiệp, Model T2S-210S, hiệu GTG; 15 Bộ máy trải vải; 1 máy xử lý độ co khò Model GT-91019A. Số tiền thuê: 1.106.810.283 đồng. Thời gian thuê 48 tháng. Biên độ thay đổi lãi suất: 3,10%/năm.
 - Hợp đồng cho thuê tài chính số 131.25.02/CTTC ngày 19 tháng 09 năm 2025. Tài sản tài chính bao gồm: 05 máy 2 kim điện từ may hàng dây Brother T8452-S05/X8400D và 01 trạm biến áp 560kVA-35/0,4kV. Số tiền thuê: 798.552.000 đồng. Thời gian thuê 48 tháng. Biên độ thay đổi lãi suất: 3,10%/năm.
- (vi) Vay cá nhân dài hạn đều là hợp đồng vay tín chấp, thời hạn vay trên 12 tháng, lãi suất 10%/năm.

18. Vốn chủ sở hữu

18.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	LNST thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư 01/01/2024	238.965.340.000	26.115.470.007	265.080.810.007
Lãi/(lỗ) trong năm	-	14.794.749.264	14.794.749.264
Phân phối lợi nhuận	-	(259.501.049)	(259.501.049)
Số dư 31/12/2024	238.965.340.000	40.650.718.222	279.616.058.222
Số dư 01/01/2025	238.965.340.000	40.650.718.222	279.616.058.222
Lãi/(lỗ) trong năm	-	17.169.621.979	17.169.621.979
Trích lập các quỹ (*)	-	(295.894.985)	(295.894.985)
Phân phối lợi nhuận (*)	-	(11.948.267.000)	(11.948.267.000)
Số dư 31/12/2025	238.965.340.000	45.576.178.216	284.541.518.216

(*) Theo Nghị quyết Đại hội Cổ đông thường niên 2025 ngày 20/04/2025 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển TDT, Công ty trích quỹ khen thưởng phúc lợi với giá trị là 295.894.985 đồng và phân phối lợi nhuận với giá trị là 11.948.267.000 đồng.

18.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu	31/12/2025		01/01/2025	
	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị
Ông Chu Thuyền	16%	37.217.200.000	16%	37.217.200.000
Ông Nguyễn Việt Thắng	6%	15.394.400.000	6%	15.394.400.000
Các đối tượng khác	78%	186.353.740.000	78%	186.353.740.000
Tổng cộng	100%	238.965.340.000	100%	238.965.340.000

18.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2025	Năm 2024
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	238.965.340.000	238.965.340.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	238.965.340.000	238.965.340.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		Năm 2025
Phân phối lợi nhuận năm trước, trong đó:		12.244.161.985
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi		295.894.985
Trả cổ tức		11.948.267.000

18.4. Cổ phiếu	31/12/2025	01/01/2025
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	23.896.534	23.896.534
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	23.896.534	23.896.534
Cổ phiếu phổ thông	23.896.534	23.896.534
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	23.896.534	23.896.534
Cổ phiếu phổ thông	23.896.534	23.896.534
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	10.000	10.000

19. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại	31/12/2025	01/01/2025
Tiền USD	2.224.728,58	2.442.858,88
+ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	614.668,10	670.337,63
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	1.368.698,43	1.429.438,00
+ Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	1.534,22	1.534,22
+ Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt	896,72	896,72
+ Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	231.325,70	1.334,65
+ Ngân hàng TMCP Tiên Phong	-	1.000,00
+ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	7.605,41	338.317,66

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Đơn vị tính: VND

1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2025	Năm 2024
Doanh thu bán thành phẩm	168.516.907.381	161.416.943.312
Doanh thu hoạt động gia công	459.698.264.922	401.712.694.781
Tổng cộng	628.215.172.303	563.129.638.093

2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2025	Năm 2024
Giá vốn của thành phẩm đã bán	120.041.251.122	125.614.347.001
Giá vốn hoạt động gia công	353.234.082.483	303.901.839.005
Tổng cộng	473.275.333.605	429.516.186.006

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2025	Năm 2024
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	8.759.937	8.424.279
Lãi chênh lệch tỷ giá trong năm	5.502.280.508	4.321.415.969
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	-	1.507.853.446
Tổng cộng	5.511.040.445	5.837.693.694

4. Chi phí tài chính

	Năm 2025	Năm 2024
Lãi tiền vay	19.732.711.419	18.537.003.192
Lỗ chênh lệch tỷ giá trong năm	9.047.233.618	12.819.134.943
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	1.544.948.809	-
Tổng cộng	30.324.893.846	31.356.138.135

5. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2025	Năm 2024
Các khoản chi phí bán hàng		
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.936.009.607	13.519.650.537
Chi phí bằng tiền khác	563.256.010	4.499.092.438
	16.499.265.617	18.018.742.975
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên quản lý	77.308.956.332	60.592.335.239
Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	644.008.023	18.205.698
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.794.664.648	38.245.901
Thuế, phí, lệ phí	3.194.641.419	87.302.174
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.593.993.151	9.852.169.725
Chi phí bằng tiền khác	4.790.009.629	3.640.186.372
Tổng cộng	94.326.273.202	74.228.445.109

6. Thu nhập khác

	Năm 2025	Năm 2024
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	455.909.090	292.957.700
Thu từ bán phế liệu	-	12.967.200
Thu từ phí sửa hàng	720.009.851	458.358.543
Chi phí chuyển giao, xuất nhập khẩu	98.753.038	25.289.985
Các khoản khác	149.085.870	298.616.462
Tổng cộng	1.423.757.849	1.088.189.890

7. Chi phí khác

	Năm 2025	Năm 2024
Các khoản bị phạt	345.225.976	497.959.750
Các khoản khác	342.844.625	57.491.185
Tổng cộng	688.070.601	555.450.935

8. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2025	Năm 2024
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	143.454.598.121	156.219.640.132
Chi phí nhân công	344.652.383.713	260.835.059.545
Chi phí khấu hao tài sản cố định	29.203.298.870	30.221.370.569
Chi phí dịch vụ mua ngoài	40.583.516.750	39.170.864.254
Chi phí khác bằng tiền	10.668.888.589	8.710.781.684
Tổng cộng	568.562.686.043	495.157.716.184

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2025	Năm 2024
Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	20.036.133.726	16.380.558.517
Các khoản điều chỉnh tăng	1.722.647.136	450.311.499
Chi phí không được trừ khi xác định thuế TNDN	404.455.052	269.069.785
Chi phí phạt vi phạm hành chính	649.639.557	-
Lỗ CLTG đánh giá lại tiền và các khoản phải thu	668.552.527	181.241.714
Các khoản điều chỉnh giảm	6.385.885.977	4.073.984.932
Lãi CLTG đánh giá lại tiền và các khoản phải thu	6.385.885.977	4.073.984.932
Thu nhập chịu thuế TNDN	15.372.894.885	12.756.885.084
+ Thu nhập chịu thuế 20%	13.985.780.014	6.319.766.656
+ Thu nhập chịu thuế được hưởng ưu đãi thuế suất 17%	-	-
+ Thu nhập chịu thuế được hưởng ưu đãi thuế suất 5%	1.387.114.870	6.437.118.428
+ Thu nhập chịu thuế được hưởng ưu đãi miễn thuế	-	-
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	2.866.511.747	1.585.809.253
Điều chỉnh thuế	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.866.511.747	1.585.809.253

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2025	Năm 2024
Lợi nhuận thuần sau thuế	17.169.621.979	14.794.749.264
Các khoản điều chỉnh	-	295.894.985
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	295.894.985
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	17.169.621.979	14.498.854.279
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	23.896.534	23.896.534
	718	607

11. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2025	Năm 2024
Lợi nhuận thuần sau thuế	17.169.621.979	14.794.749.264
Các khoản điều chỉnh giảm:	-	295.894.985
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	295.894.985
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	17.169.621.979	14.498.854.279
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	23.896.534	23.896.534
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	718	607

Lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu kỳ trước được tính toán lại do trừ số trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi khi xác định lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu theo hướng dẫn tại Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính. Việc tính toán lại mức trích quỹ khen thưởng, phúc lợi làm cho lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu cùng kỳ năm trước giảm từ 619 đồng/cổ phiếu xuống 607 đồng/cổ phiếu.

VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

1. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

	Năm 2025	Năm 2024
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	643.749.145.594	578.537.448.483

2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ

	Năm 2025	Năm 2024
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(604.707.740.214)	(552.458.767.529)

VIII. Những thông tin khác

1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác

Không phát sinh bất kỳ khoản nợ tiềm tàng nào phát sinh từ những sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa ghi nhận.

2. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

3. Thông tin về các bên liên quan

3.1. Danh sách các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ
Ông Chu Thuyền	Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Việt Thắng	Phó Chủ tịch HĐQT/Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Bằng	Thành viên HĐQT/Phó Tổng giám đốc
Ông Phạm Thái Hòa	Thành viên HĐQT/Phó Tổng giám đốc
Ông Đặng Quang Huy	Phó Tổng giám đốc
Ông Đỗ Ngọc Tuyền	Thành viên Ban Kiểm soát
Bà Phạm Thị Thu Hà	Thành viên Ban Kiểm soát
Bà Nguyễn Thúy Nga	Kế toán trưởng
Bà Lê Thị Hồng Thắm	Trưởng ban Kiểm soát
Ông Đỗ Mạnh Hùng	Thành viên HĐQT độc lập
Ông Dương Ngọc Hải	Thành viên HĐQT độc lập
Ông Phan Mạnh Hà	Thành viên HĐQT độc lập
Bà Lê Thị Hiền	Người thân của người quản lý chủ chốt
Bà Bùi Thị Dịu	Người thân của người quản lý chủ chốt
Bà Nguyễn Thị Phụng	Người thân của người quản lý chủ chốt
Ông Nguyễn Huy Hoàng	Cổ đông

3.2. Trong kỳ Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau

Năm 2025

1. Ông Nguyễn Huy Hoàng	
Trả tiền vay	3.700.000.000
Vay	1.000.000.000
Lãi vay	190.534.246
2. Ông Nguyễn Văn Bằng	
Trả tiền vay	1.000.000.000
Lãi vay	50.684.932
3. Bà Bùi Thị Dịu	
Vay	1.500.000.000
Trả tiền vay	1.000.000.000
Lãi vay	73.013.700

3.3. Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm kế toán

Nội dung/ Bên liên quan	31/12/2025	01/01/2025
Vay và nợ thuê tài chính	-	2.700.000.000
Ông Nguyễn Huy Hoàng	-	1.000.000.000
Ông Nguyễn Văn Bằng	-	1.000.000.000
Bà Bùi Thị Dịu	1.500.000.000	1.000.000.000

3.4. Giao dịch với các bên liên quan khác như sau

Thu nhập của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc

Tên	Chức vụ	Năm 2025	Năm 2024
Ông Chu Thuyền	Chủ tịch HĐQT	1.589.853.315	1.158.694.342
Ông Nguyễn Việt Thắng	Phó Chủ tịch HĐQT/Tổng Giám đốc	1.057.472.997	760.243.669
Ông Nguyễn Văn Bằng	Thành viên HĐQT/Phó Tổng giám đốc	797.029.882	582.713.707
Ông Phạm Thái Hòa	Thành viên HĐQT/Phó Tổng giám đốc	754.216.931	538.107.293
Ông Đặng Quang Huy	Phó Tổng giám đốc	414.169.816	498.200.314
Ông Đỗ Ngọc Tuyền	Thành viên Ban Kiểm soát	317.579.300	320.112.232
Bà Phạm Thị Thu Hà	Thành viên Ban Kiểm soát	256.068.285	190.728.166
Bà Nguyễn Thúy Nga	Kế toán trưởng	141.813.356	-
Bà Lê Thị Hồng Thắm	Trưởng ban Kiểm soát	35.000.000	50.000.000
Ông Đỗ Mạnh Hùng	Thành viên HĐQT độc lập	30.000.000	40.000.000
Ông Dương Ngọc Hải	Thành viên HĐQT độc lập	30.000.000	40.000.000
Ông Phan Mạnh Hà	Thành viên HĐQT độc lập	30.000.000	40.000.000
Cộng		5.453.203.882	4.218.799.723

3.5. Thuê tài sản thế chấp của bên liên quan

Tên	Tài sản thế chấp	Hợp đồng vay	Hợp đồng thế chấp	Giá trị
Nguyễn Văn Bằng	GCN đất số BA 973971	Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2025/4642906/HĐTD ngày 19/09/2025 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên	HĐTC số 03/2021/4642906/HĐTC và HĐ số 01/HĐTTS/2024	2.170.000.000
Nguyễn Thị Phương	GCN đất số AD 653011	Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2024-	HĐTC số 2012/0504/HĐTC	3.000.000.000
Đặng Quang Huy	Xe ô tô con Mazda CX5 BKS 20A-296.69	HĐCVHM/NHCT220 -TDT ngày 19/12/2024 và Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2025-HĐCV-SDDBS01/NHCT220 -TDT ngày 16/12/2025 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên	HĐTC số 01/2022/HĐBĐ/N HCT220-TDT	700.000.000
Lê Thị Hồng Thắm	GCN đất số CE 927745	HĐTC số 02/2025/HĐBĐ/N HCT220-TDT		2.160.000.000
Đặng Quang Huy	Xe ô tô con Mercedes-Benz BKS 20A-608.66	HĐTC số 07/2023/HĐBĐ/N HCT220-TDT		1.900.000.000
Tổng cộng				9.930.000.000

4. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu - Theo khu vực địa lý

Công ty có các khu vực địa lý kinh doanh sau: nội địa và xuất khẩu

	Nội địa	Xuất khẩu	Cộng
Năm 2025			
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	49.531.515.740	578.683.656.563	628.215.172.303
- Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-	-
- Giá vốn bán hàng	40.952.746.454	432.322.587.151	473.275.333.605
- Lợi nhuận gộp	8.578.769.286	146.361.069.412	154.939.838.698
Năm 2024			
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	17.046.812.520	546.082.825.573	563.129.638.093
- Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-	-
- Giá vốn bán hàng	11.029.471.318	418.486.714.688	429.516.186.006
- Lợi nhuận gộp	6.017.341.202	127.596.110.885	133.613.452.087

Báo cáo bộ phận chính yếu - Theo lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính: hoạt động gia công và hoạt động sản xuất thành phẩm

	Hoạt động gia công	Hoạt động sản xuất thành phẩm	Cộng
Năm 2025			
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	459.698.264.922	168.516.907.381	628.215.172.303
- Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-	-
- Giá vốn bán hàng	353.234.082.483	120.041.251.122	473.275.333.605
- Lợi nhuận gộp	106.464.182.439	48.475.656.259	154.939.838.698
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn			25.212.580.746
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn			31.406.186.694
Tổng tài sản			664.668.291.093
Tổng nợ phải trả			380.126.772.877
Năm 2024			
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	401.712.694.781	161.416.943.312	563.129.638.093
- Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-	-
- Giá vốn bán hàng	303.901.839.005	125.614.347.001	429.516.186.006
- Lợi nhuận gộp	97.810.855.776	35.802.596.311	133.613.452.087
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn			12.503.028.410
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn			32.720.702.606
Tổng tài sản			615.181.871.309
Tổng nợ phải trả			335.565.813.087

5. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA) kiểm toán.

Người lập biểu

Hà Thị Mí

Kế toán trưởng

Nguyễn Thúy Nga

Thái Nguyên, ngày 26 tháng 3 năm 2026

Tổng Giám đốc

Nguyễn Việt Thắng



Phụ lục số 01

8. Tàng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ QL	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số dư 01/01/2025	154.880.331.777	105.955.353.245	9.385.232.968	2.273.910.463	717.257.151	273.212.085.604
Tăng trong kỳ	620.785.423	3.345.704.191	3.501.254.818	338.645.909	97.010.000	7.903.400.341
Mua trong kỳ	-	746.936.236	3.419.421.818	338.645.909	37.100.000	4.542.103.963
ĐT XDCB hoàn thành	620.785.423	-	81.833.000	-	59.910.000	762.528.423
Tăng khác	-	2.598.767.955	-	-	-	2.598.767.955
Giảm trong kỳ	-	-	2.562.949.328	-	-	2.562.949.328
Thanh lý, nhượng bán	-	-	2.562.949.328	-	-	2.562.949.328
Số dư 31/12/2025	155.501.117.200	109.301.057.436	10.323.538.458	2.612.556.372	814.267.151	278.552.536.617
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư 01/01/2025	69.679.077.334	89.128.229.663	7.746.451.955	1.834.818.999	565.504.609	168.954.082.560
Tăng trong kỳ	10.380.012.544	10.325.289.842	924.655.039	230.199.306	96.933.444	21.957.090.175
Khấu hao trong kỳ	10.380.012.544	8.195.743.879	924.655.039	230.199.306	96.933.444	19.827.544.212
Tăng khác	-	2.129.545.963	-	-	-	2.129.545.963
Giảm trong kỳ	-	-	2.562.949.328	-	-	2.562.949.328
Thanh lý, nhượng bán	-	-	2.562.949.328	-	-	2.562.949.328
Số dư 31/12/2025	80.059.089.878	99.453.519.505	6.108.157.666	2.065.018.305	662.438.053	188.348.223.408
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2025	85.201.254.443	16.827.123.582	1.638.781.013	439.091.464	151.752.542	104.258.003.044
Tại ngày 31/12/2025	75.442.027.322	9.847.537.931	4.215.380.792	547.538.067	151.829.098	90.204.313.209

Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng
Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay

92.361.029.086 VND
81.805.185.392 VND

Thái Nguyên, ngày 16 tháng 4 năm 2026
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN TDT
XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



CHỦ TỊCH HĐQT
Chu Thuyền